

Richard Dudman

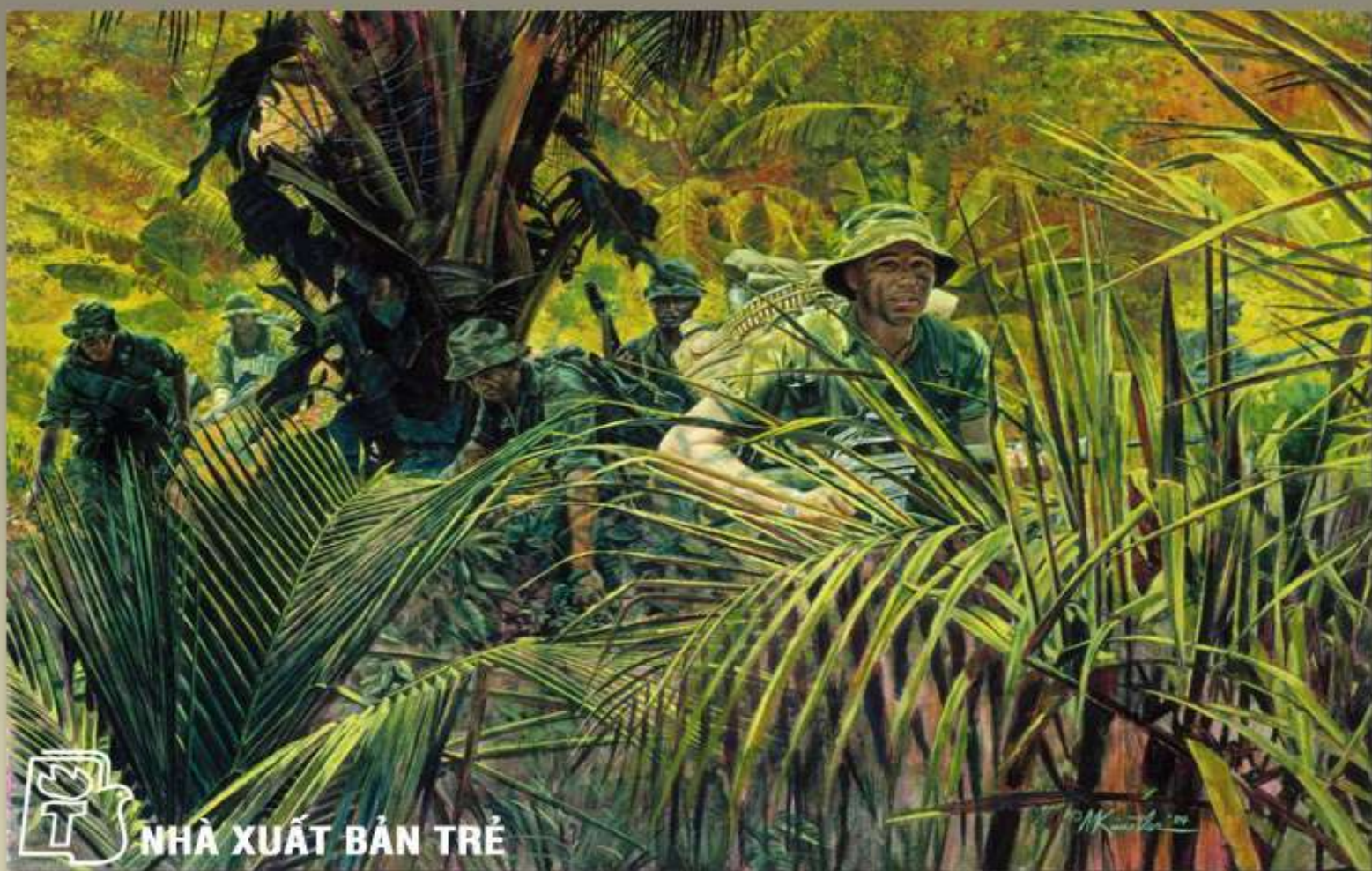
40 NGÀY

NGÀY

SỐNG VỚI

ĐỐI PHƯƠNG

**Câu chuyện của một nhà báo Mỹ bị du kích
bắt giữ ở Campuchia**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

40 NGÀY SỐNG VỚI ĐỐI PHƯƠNG

Tác giả: Richard Dudman

Dịch giả: Trần Ngọc Châu, Dương Thuỷ

Nhà xuất bản Trẻ

Nhà phát hành Phương Nam

Nguồn: vnmilitaryhistory

Đánh máy: ptlinh, chichbong

Biên tập: V.C

Dựng lại bìa & Ebook: inno14

THAY LỜI GIỚI THIỆU SAU KHI BỊ "VIỆT CỘNG" BẮT

(Hồi ký của một nhà báo Mỹ cho thấy, trong khốc liệt và tàn bạo của chiến tranh, ai giữ được nguyên tắc "tính mạng con người cao nhất", người đó sẽ chiến thắng)

Khoảng đầu năm 1994, khi đang làm việc tại tòa soạn Saigon Times - tờ báo tiếng Anh đầu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975, tôi nhận được cú điện thoại với giọng nữ rất nhẹ nhàng êm ái, từ Sở Ngoại vụ: “Anh có thể tiếp một nhà báo Mỹ được không?” Ai có thể chối từ với giọng nói như thế. Chỉ một giờ sau, Huỳnh Thị Thanh Hiền, cán bộ ngoại giao, và Richard Dudman, cựu Tổng Biên tập tờ Sant Louis Post - Dispatch, đã có mặt tại phòng khách Saigon Times. Ở tuổi 76, Dudman trông vẫn nhanh nhẹn và dí dỏm trong câu chuyện. Thanh Hiền nói, họ vừa trải qua một chuyến đi thú vị đến Tiền Giang. “Để làm gì?” Tôi hỏi. “Để viết lại một câu chuyện tuyệt vời của chiến tranh.” Dudman trả lời. Câu chuyện đời ông đã thu hút tôi đến nỗi, năm 1996, khi thực tập tại báo Boston Globe và Patriot Ledger tôi đã tìm mọi cách để liên lạc và đến thăm nhà ông tại tiểu bang Maine gần đó. Sau đó, tôi viết nhiều về câu chuyện của ông đăng trên các báo Quốc tế (Bộ Ngoại giao), báo Tuổi Trẻ và Sài Gòn Giải Phóng. Trong khi viết những bài báo này, tôi cũng cố tìm gặp tướng về hưu Trương Văn Cao (Bảy Cao - lúc ấy là Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh tỉnh Tiền Giang, sau này về sống tại Bến Tre).

Anh Bảy, anh là ai?

Không thể nào quên lần đầu tiên tôi gặp anh Bảy Cao, vào ngày 7 tháng 5 năm 1970, thời gian căng thẳng nhất cuộc đời tôi - Dudman nói.

Khi ấy, Richard Dudman, phóng viên tờ Sant Louis Post - Dispatch được phân công đến Việt Nam để đưa tin chiến trường vào thời điểm Nixon mở rộng chiến tranh, tiến quân vào Campuchia để trả mối hận bị tấn công vào Tết Mậu Thân.

Nước Mỹ thời gian đó như đứng bên bờ vực thẳm. “Tôi gặp Bảy Cao chỉ ba ngày sau khi bốn sinh viên Đại học Kent ở Ohio bị vệ binh quốc gia bắn chết trong một cuộc biểu tình phản chiến.” Richard Dudman bồi hồi nhớ lại sự kiện đẫm máu, kéo theo làn sóng cuồng nộ ở khắp các khuôn viên đại học Hoa Kỳ. Nixon muốn tiêu diệt các căn cứ của Việt Cộng ở Campuchia nên hạ lệnh tấn công vào ngày 29-4. Ngay tức khắc, ngày 2-5 dân chúng và sinh viên Mỹ bắt đầu những cuộc biểu tình phản đối. Ngày 4-5 vệ binh quốc gia bắn thẳng vào sinh viên Kent: cuộc chiến tranh Việt Nam thực sự bắt đầu ngay trong lòng nước Mỹ.

“Tôi bay đến Việt Nam cùng hai đồng nghiệp, một nam một nữ . Michael làm cho hãng tin Dispatch News Service (sau này nghe nói có trở lại và bị chính quyền trục xuất vì vi phạm luật Việt Nam) và cô Elizabeth Pond của tờ Christian Science Monitor, bây giờ đang viết báo nghiệp dư ở Bonn Cộng hòa Liên bang Đức” Richard xúc động, nói trong hơi thở gấp.

Vào sáng sớm 7-5-1970 cả ba nhà báo tự lái xe từ Sài Gòn đến Phnom Penh, dự định theo chân cuộc hành quân của Mỹ và lính Sài Gòn, dọc theo "xa lộ an toàn". Nhưng chỉ mới nửa đường, khi đang vượt qua thị trấn Svai Riêng, thì bị chặn lại: Họ bị bắt và được những khẩu AK-47 “hộ tống” đi sâu vào những cánh rừng già.

“Tôi chợt nhận thấy mình đang rơi vào nguy hiểm chết người. Bao nhiêu tin tức về những người Mỹ khác bị phục kích và mất tích ở khu này đã làm tôi hoảng sợ” Richard Dudman thấp giọng như không còn nghe rõ.

Ông còn là người cao tuổi nhất trong số ba "tù binh" mới. Chính vì vậy, cùng lúc đó, ông cảm thấy có trách nhiệm trấn an hai người đồng nghiệp. “Vâng, nếu còn sống chúng tôi sẽ có một thiên phóng sự tuyệt vời”.

Nhưng, ám ảnh về cái chết vẫn không rời qua những buổi hỏi cung bất chợt do những du kích Khmer đỏ thực hiện dưới “con mắt” đen ngòm của AK. Rồi một ngày, cả ba bị ném lên phía sau một chiếc xe tải.

“Một tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đi qua những đường mòn rợp bóng cây, vào vùng giải phóng với những cổng chào sắc sỡ, có cả ảnh lãnh tụ Hồ Chí Minh.” Trí nhớ của Richard Dudman dường như chưa bao giờ có tuổi. Đến giữa làng, họ bị bịt mắt dẫn đi theo lối ngoằn ngoèo, giữa hàng ngàn người phần uất với tiếng chửi mắng, và hình như, có người đã nhổ vào mặt họ.

“Bọn chúng là điệp viên CIA ” giọng người Việt nói đầy giận dữ.

"Không, chúng tôi là nhà báo quốc tế." Michael cố gắng thanh minh bằng vốn tiếng Việt sẵn có.

Một cú đâm bất ngờ làm Michael khụy xuống. Rồi đến lượt Richard.

Cuối cùng, họ nghe một giọng khác, nhẹ nhàng hơn: “Hãy cho họ uống nước” Và nói với hai nhà báo bị nghi ngờ: "Các anh không nên nói láo."

Người này là một trung úy còn rất trẻ. Ông hỏi những câu ngắn gọn, nhưng rõ ràng và hứa sẽ trả tự do nếu cuộc điều tra chứng minh họ là nhà báo, chứ không phải là gián điệp CIA giả dạng.

Những hồi tưởng vẫn tiếp diễn bởi những khám phá bất ngờ. "Chúng tôi di chuyển vào ban đêm, khi thì bằng xe hơi, khi thì xe đạp và phần lớn là cuộc bộ. Ban ngày dừng lại ngủ trong lều của nông dân" Richard nói.

Những người đồng hành đã trở thành thân thiện từ lúc nào không hay. Đến ngày thứ 40 - Richard đếm từng ngày như một cách giết thời gian, bỗng người sĩ quan cao to hôm nào xuất hiện với đôi mắt và nụ cười nhân hậu. Ông nói: "Tôi đã được lệnh thả các anh."

Đó là ngày 15-6-1970.

Nhiệm vụ hoàn thành

Vào năm 1972, chính nhà báo Dudman được chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mời đến Hà Nội. Sau đó, ông đã viết nhiều bài tường thuật trực tiếp từ Hà Nội kêu gọi dân chúng Mỹ phản đối cuộc chiến tranh tàn bạo mà Mỹ gây ra tại Việt Nam.

Và từ ấy, ông ước mong được biết tên tuổi của người đã trả tự do cho ông và viết lại "thiên phóng sự tuyệt vời" như một phần thưởng vô giá của tình người mà ông từng nhận được.

Ánh sáng hy vọng lóe lên vào tháng 12-1993, 18 năm sau, có người bạn của Richard Dudman là Tim Kinh gọi điện cho vợ ông báo tin: trên tờ Newsweek có bài báo nhắc tới ông. Chính ký giả David Hackworth của Newsweek đã pha đèn vào sương mù ký ức, khi ông trích lời một tướng Việt Cộng về hưu rằng, vào năm 1970, ông và các đồng chí của ông đã thả ba nhà báo Mỹ bị tình nghi là gián điệp vì "Họ ăn quá nhiều. Một trong ba người đã ăn gấp 10 lần khẩu phần của chúng tôi " Tướng về hưu Bảy Cao nói với Hackworth. Nhưng nỗ lực tiếp theo từ Trung tâm Báo chí Bộ Ngoại giao Việt Nam đã

giúp Richard tìm ra địa chỉ tướng Bảy Cao, giúp ông làm xong công việc mà, nói như người Việt Nam, ông đã có thể an lòng nhắm mắt. Còn với Richard: “Chưa nói được tiếng cảm ơn đó thì vẫn chưa trọn đạo làm người”.

Khi Richard thăm nhà Bảy Cao, có lần giữa câu chuyện hàn huyên, ông hỏi phòng vệ sinh, tướng Bảy Cao tự nhiên dẫn ông ra con kênh nghiêng bóng dừa trước căn nhà lộng gió. "Ồ, có lẽ, phòng vệ sinh nhà anh lớn nhất thế giới" Richard cười. Anh Bảy tỉnh bơ: “Anh đùa cũng như tôi, khi nói với Hackworth rằng các anh ăn quá nhiều, không chịu nổi, phải thả”.

Bảy Cao cho biết cú đấm mà Richard nhận là vi phạm chính sách, nên người tung ra cú đấm phải bị kỷ luật: anh ấy đã bị giáng chức từ trung úy xuống trung sĩ. Bảy Cao ngậm ngùi : “Tôi bắt anh ấy đến xin lỗi các anh, nhưng không may anh ấy đã hy sinh vài ngày sau đó khi quân nguy tấn công vào ngôi nhà nơi đã giữ các anh.” Richard nghĩ rằng cách mà Bảy Cao lý giải chiến thắng của Việt Nam cũng đơn giản: "Lúc đầu người ta nghĩ các anh là điệp viên, là kẻ thù, nên họ mạnh động. Nhiều người trong số du kích có gia đình hoặc thân nhân bị lính nguy hay Mỹ tàn sát. Hãy hiểu sự phần nộ của họ".

Từ lâu, Richard vẫn mơ hồ rằng việc thả ông là do sự can thiệp quốc tế nào đó, nhưng tướng Bảy Cao đã tiết lộ: "Chúng tôi phải điện cho Hà Nội xin phép được trả tự do cho các anh. Tất nhiên Hà Nội đồng ý vì nhà báo không phải kẻ thù. Chính sách đó cũng sáng ngời như chính nghĩa của chúng tôi" Bảy Cao nói, giọng vẫn khỏe khoắn như ngày nào.

Nhưng Richard hiểu rằng ông may mắn biết bao, bởi vì làm sao có thể trách được sự ngộ nhận của chiến tranh. Năm 2000, nhân kỷ niệm 25 năm chấm dứt chiến tranh Việt Nam, Richard Dudman đã thực hiện được ước mơ cao hơn: đưa bà Helen Dudman - vợ ông đến Việt Nam để cùng nói lời cảm ơn,

bởi chính bà mới là người “thọ ơn” nhiều nhất. Hạnh phúc lớn nhất của bà là người chồng mất tích trong vùng chiến sự, bỗng trở về nhà.

Năm nay, 2005, kỷ niệm ba mươi năm giải phóng, chúng tôi muốn giới thiệu cuốn sách của Richard Dudman, sau khi được trả tự do. Tất nhiên, dưới mắt một nhà báo Mỹ đang bị bắt giữ, những nhận xét lúc đó "không dễ dàng", nhưng cuối cùng, tính nhân bản và vị tha giữa người với người luôn được chiếu sáng, không phải từ một phía, mà từ nhiều phía khác nhau, thậm chí phía đối địch.

Trần Ngọc Châu

1. BỊ BẮT

Một du kích Việt Nam gầy gò nhô ra khỏi lùm cây, chĩa thẳng mũi súng tiểu liên do Trung Quốc chế tạo vào người chúng tôi, và như thế chúng tôi đã bị bắt, chỉ năm phút sau khi mới vừa ngỡ ngàng rằng có gì đó không ổn.

Beth là người đầu tiên nhận ra chiếc xe mượn của chúng tôi là vật duy nhất đang di chuyển trong cảnh đồng không mông quạnh của vùng quê Campuchia.

"Hình như không gian yên tĩnh một cách không bình thường?" Beth nói.

Mike và tôi đều đồng ý rằng xa lộ vắng vẻ một cách kỳ lạ vào giữa trưa một ngày đầu tháng 5 đầy nắng. Không một bóng người trên lối mòn bùn đất giữa con đường dầu hắc và những cánh đồng khô cháy trải dài đến tận chân trời. Không tiếng khóc trẻ sơ sinh, không tiếng nô đùa trẻ nhỏ, không tiếng chó sủa bâng quơ đâu đó quanh những căn nhà lá, suốt dọc đường chính từ Sài Gòn đến Phnom Penh.

Người cuối cùng mà chúng tôi đã gặp là một lính gác Campuchia cách hai dặm ở ngoại ô thị xã Svai Rieng, nơi mà người ta dùng những thùng đựng dầu để chặn đường.

"Có lính phía trước không?" Beth đã hỏi anh ta bằng tiếng Pháp.

"Có"

"Chúng tôi đi tới được không?" Beth lại hỏi.

“Được, nhưng không ích lợi gì.”

Một từ mơ hồ, nhưng có lẽ anh ta muốn khuyên chúng tôi nên cẩn thận.

Ngay cả quang cảnh của thị xã Svai Rieng cũng làm chúng tôi cảnh giác rồi. Nhưng lúc đó là đúng Ngọ, nên cuối cùng tôi tự lý giải rằng thành phố đang nghỉ trưa. Vấn đề lớn nhất của chúng tôi vào thời điểm đó là làm sao cố đuổi kịp đội quân xâm nhập của Mỹ và Nam Việt Nam mà lúc đó chúng tôi tưởng là đang đi phía trước chúng tôi.

Lưu ý của Beth khiến chúng tôi lo lắng rằng mình đã phạm một sai lầm không thể tha thứ là đi vào vùng trắng (no-man's-land) - một thuật ngữ thường dùng trong những cuộc chiến tranh quy ước cũ, nơi mà chiến tuyến đã được xác định rõ ràng. Những lính chiến hai bên mặc đồng phục và có thể phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù. Trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, kéo dài 9 năm, không có một chiến trường như thế^[1].

Các lực lượng Mỹ, quân đội Sài Gòn, các chế độ Vientiane, Phnom Penh kiểm soát được không phận và các thành phố lớn ở miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia, và như vậy, hầu như có thể đi lại thoải mái vào ban ngày. Nhưng ban đêm thì du kích cộng sản lại xuất hiện ở nông thôn và lẩn đi khi mặt trời lên. Phần lớn Đông Dương đã trở thành “vùng trắng” như vậy. Cả ba chúng tôi - Elizabeth Pond của tờ The Christian Science Monitor, Michael Morrow làm việc cho hãng tin Dispatch News Service International, và Richard Dudman thuộc tờ Sant Louis Post - Dispatch - đã đi trước lực lượng xâm nhập mà chúng tôi tưởng là mình đang theo sau và còn trước cả các toán trinh sát đặc nhiệm của lực lượng Mỹ.

Chúng tôi ý thức rõ tình trạng nguy hiểm của mình vì ngay sau khi Beth cảnh giác rằng chỉ có một mình chúng tôi ở đó, chúng tôi nhận ra con đường

đã bị cắt bởi một chiếc cầu sụp đổ hoàn toàn. Không có một vọng gác hay dấu hiệu báo động nào, duy nhất chỉ là những nhịp cầu gãy cắm dốc ngược bên dưới. Mike, một tài xế lành nghề, cố gắng quay xe trở lại hướng Svai Riêng.

Chạy không hơn trăm thước thì một thanh niên mặc áo thun xanh đậm bước ra khỏi lùm cây rậm rạp hai bên đường. Anh ta chĩa mũi súng AK-47 vào chúng tôi và nói một tràng tiếng Việt. Mike nhanh chóng dừng xe lại. Chúng tôi ra khỏi xe với hai tay giơ lên cao. Mike rành tiếng Việt, nói với anh ta: "Chúng tôi không phải lính. Chúng tôi là nhà báo quốc tế. Chúng tôi không phải người Mỹ. Chúng tôi là người Canada."

Một thanh niên Campuchia cũng mang một khẩu súng tương tự xuất hiện bên cạnh anh du kích đầu tiên. Họ ra lệnh cho chúng tôi bỏ máy ảnh và móc tất cả vật dụng trong túi ra bỏ xuống vệ đường.

"Quay lại."

"Tôi sợ các ông bắn chúng tôi," Mike nói.

"Tôi không bắn các anh đâu," người du kích nói. "Hãy quay lại và đi xuống đường đó, hai tay giơ lên khỏi đầu." Mike dịch mệnh lệnh này cho Beth và tôi, rồi chúng tôi bắt đầu đi.

Cảm giác của tôi pha lẫn giữa lo sợ và thích thú. Tôi ý thức rằng mình có thể bị bắn ngay và vùi trong một nấm mộ sơ sài nào đó.

Một ngày thật ý nghĩa. Thứ năm, ngày 7 tháng 5 năm 1970, sáu ngày sau khi Tổng thống Nixon tuyên bố gửi bộ binh Mỹ đến Campuchia để tiêu diệt những căn cứ địa cộng sản trên vùng biên giới, nhằm bảo vệ an toàn cho các lực lượng Mỹ đang chiếm đóng miền Nam Việt Nam. Cách đó bảy tuần, Lon

Nol và Sirik Matak đã làm một cuộc đảo chính lật đổ Hoàng thân Norodom Sihanouk và biến chế độ trung lập vùng đệm Campuchia thành một đồng minh của Mỹ và chế độ Sài Gòn.

Tôi ý thức rõ rằng thật dễ hiểu khi chúng tôi bị nghi ngờ là người thuộc lực lượng xâm lăng. Chiếc xe mà chúng tôi mượn đêm trước tại Sài Gòn trông chẳng khác gì một chiếc xe Jeep nhà binh, mặc dù nó đã được sơn màu xanh biển - loại xe dẫn đường dân sự quốc tế.

Nhưng cả ba chúng tôi thì trông chẳng có gì là lính tráng cả. Mái tóc đỏ của Mike đã bắt đầu dài và tóc mai của cả hai chúng tôi đều đã mọc khá dài. Chiếc đầu hói của tôi cho thấy tôi đã quá già để có thể đi lính. Tôi đã 52 tuổi, còn Mike mới 24 và Beth 33. Không ai mặc đồ nhà binh như những phóng viên Mỹ thường mặc. Mike khoác chiếc sơ-mi sọc thùng thình và chiếc quần đen. Beth mặc áo khoác màu sáng và quần thun đen. Cô cột tóc bằng một dải khăn lụa nâu sẫm. Cả Beth và Mike đều cận thị và đeo kính dày cộm. Cả hai đều mang xăng-đan da. Nếu không có áo khoác kiểu phóng viên, tôi ăn mặc trông như đang đi đánh gôn hay chơi quần vợt: áo thun trắng với nhãn hiệu cá sấu nhỏ trên ngực và quần thể thao trắng. Ba chúng tôi đều không mang theo vũ khí.

Từ lâu rồi, cả ba chúng tôi đều là những người phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam. Tôi vốn lạc quan và cảm thấy an ủi với hy vọng đây là dịp đầu tiên tiếp xúc với “phía bên kia” của cuộc chiến mà tôi đã viết hơn mười năm qua.

Trong lúc cuộc bộ dưới cái nóng đầy hơi ẩm của buổi trưa, sau khi leo xuống bên này cây cầu gãy rồi lại leo lên phía bên kia, chúng tôi bắt đầu bớt sợ. Cuối cùng, chúng tôi đã vượt qua những giây phút chết người ban đầu và vẫn còn sống. Điều phải làm bây giờ là thuyết phục các du kích rằng chúng tôi thật sự là những phóng viên dân sự. Mike và tôi cùng vượt lên trước

những người khác. "Nếu sống sót," tôi nói "chúng ta sẽ có một thiên phóng sự tuyệt vời".

Mike cố bắt chuyện bằng tiếng Việt với người du kích mặc áo xanh, hỏi quê của anh ấy ở đâu. "Bến Tre" anh thanh niên trả lời. Đó là một địa danh miền Nam Việt Nam nơi mà một đại tá Mỹ từng tuyên bố: "Chúng ta phải tiêu diệt ngôi làng ấy để cứu nó," nhằm hình tượng hóa toàn bộ chính sách của Mỹ ở phần lớn Đông Dương. Câu trả lời của anh du kích cho thấy anh có lý do đặc biệt để thù ghét người Mỹ. Điều đó cũng hé lộ cho chúng tôi biết rằng anh ấy là người miền Nam. Có lẽ là một Việt Cộng, hay chính xác hơn là một người lính Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Bỗng từ xa, chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay trực thăng. "Đi, đi, đi"- người du kích thứ nhất la lên. Chúng tôi chạy, hai tay che trên đầu Không có gì che chắn cả, ngoài những tán cây xanh rậm rạp hai bên đường. Vài cây ngã đổ, nằm chắn ngang con lộ như dấu hiệu cấm đường Những đám mạ khô cháy trải dài mùt mắt bị chia cắt bởi những bờ ruộng phủ đầy cỏ xanh và rải rác những bóng dừa cao.

"Ném giấy thông hành của anh đi," Mike nói nhỏ. Tôi vẫn còn giữ giấy thông hành màu xanh của Mỹ trong túi, không muốn mâu thuẫn với lời nói dối của Mike rằng chúng tôi là người Canada bằng cách bỏ giấy thông hành xuống vệ đường cùng những thứ vật dụng linh tinh khác. Bây giờ tôi quyết định không để lộ nó ra, khi so sánh nguy hiểm giữa một bên bị phát hiện là người Mỹ và một bên bị phát hiện cố tình che giấu quốc tịch của mình. Tôi bắt đầu một nhòai: "Tôi không biết sẽ chịu đựng được đến bao lâu nữa?" Tôi bảo Mike. Beth đang lết bết ở đằng sau. Hai hay ba du kích đạp xe đạp gia nhập đoàn chúng tôi từ những chỗ núp hai bên đường. Một người cho Beth ngồi lên phía sau xe và cô đã vượt qua chúng tôi với một nụ cười tươi rói.

Đi được chừng hai dặm, chúng tôi được lệnh phải rẽ xuống một đường mòn và dừng lại trước một túp lều tranh. Khoảng sáu người, cả nam lẫn nữ xuất hiện. Họ ra lệnh cho tôi và Mike cởi bỏ quần dài và cả ba đều phải tháo giày dép và giao cho một trong những du kích nam. Anh này ra dấu cho chúng tôi ngồi xuống một chiếc ghế dài thấp trong khi thọc tay vào túi quần và khám xét cả giày dép. Anh tịch thu thẻ thông hành, con dao bỏ túi và chiếc khăn tay, rồi trả đồ đạc lại cho chúng tôi. Anh cũng trả kính đeo mắt cho tôi. Lúc chúng tôi mặc áo quân, một phụ nữ Campuchia mắt đen, trùm khăn trên đầu, mang tới một thau nước và đặt trước mặt chúng tôi, nói một câu gì đó bằng tiếng Việt. "Chúng ta có thể rửa tay, rửa mặt," Mike nói. Nước mát lạnh thật khoan khoái. Một phụ nữ khác mang một ấm trà bằng sứ và rót trà nóng vào ba tách thủy tinh.

Sau mấy phút nghỉ ngơi, chúng tôi được lệnh ngồi lên yên sau của ba chiếc xe đạp tiếp tục khoảng đường mù mịt bụi. Ba thanh niên đeo chúng tôi đi hết nửa dặm đường, đến một căn nhà khác - một nhà sàn - với khoảng hai mươi người tập trung trên sàn nhà có tam cấp đi lên. Phần lớn đàn ông có mang vũ khí. Còn lại là phụ nữ và trẻ em. Nơi đây trông có vẻ là bộ chỉ huy. Chúng tôi ngồi trên một chiếc giường thô sơ ghép bằng ba miếng ván và cuộc thẩm vấn đầu tiên bắt đầu:

"Các ông là ai?" một thanh niên mặc sơ-mi đỏ hỏi bằng tiếng Việt.

"Chúng tôi là những nhà báo quốc tế," Mike trả lời. "Tôi là người Canada, cô này cũng vậy" (chỉ vào Beth) còn anh này là người Mỹ" (chỉ vào tôi). Tôi đã dặn trước Mike là tôi muốn nói rõ tôi là người Mỹ tốt hơn là che giấu.

"Các ông làm gì ở đây?"

"Chúng tôi đi từ Sài Gòn sáng nay. Chúng tôi chạy theo Quốc lộ 1 qua

Campuchia nhằm quan sát và viết tin tức về kết quả cuộc tấn công của Mỹ và các lực lượng Sài Gòn. Chúng tôi không hề biết mình đã đi vào vùng giải phóng."

"Xe này của ai?"

Mike bảo với anh ta xe đó do chúng tôi mới mượn đêm qua của một người bạn Mỹ ở Sài Gòn và nhấn mạnh đó không phải là xe nhà binh. Chủ nhân chiếc xe là một trưởng đại diện ủy ban trách nhiệm cứu trợ trẻ em Việt Nam bị thương và bỏng do chiến tranh.

Cuộc thẩm vấn tạm dừng. Hình như có vẻ hợp lý. "Chúng ta sẽ phải làm việc lại sau khi tất cả những chuyện này chấm dứt," tôi nói với Mike và Beth. "Vì vậy ngay bây giờ, Mike, tốt nhất anh hãy nói với họ trả lại chúng ta giấy, bút để chúng ta làm công việc phóng viên của mình." Nhưng một câu hỏi khác cắt ngang. Người đầu tiên thẩm vấn có vẻ có thẩm quyền, nhưng rồi anh ta dừng lại để nhường cho một người già hơn, chừng 45 tuổi, với một mắt bị hỏng. Chúng tôi để ý ông từ trước, với vẻ ngạo mạn và thiếu kiên nhẫn. Ông mặc quân phục ka ki, không quân hàm.

"Chúng tôi nghĩ các ông là nhân viên CLA." ông bảo Mike bằng tiếng Việt.

"Không đúng. Chúng tôi là nhà báo quốc tế. Chúng tôi không làm việc cho chính phủ Mỹ."

"Vậy các ông làm gì ở đây?"

Mike lại kể về chuyến đi từ Sài Gòn lên đây cho đến khi bị bắt.

Người đàn ông chợt mắt lạnh nghe một cách lạnh lùng, rồi bỏ dở, xoay ra khám xét những vật dụng của chúng tôi, kể cả cái túi ngủ qua đêm, lô từ

trong xe ra. Không thấy các máy đánh chữ của chúng tôi đâu. Khi những du kích phát hiện cuộn tiền Việt của tôi, thì người chột mắt hỏi bao nhiêu. Tôi đoán chừng 35 ngàn đồng mà tôi đã đổi tối qua để trả tiền khách sạn Continental ở Sài Gòn. Một người khác đưa máy ảnh của Mike lên cao và chỉ vào vết nứt trên ống kính lọc và thắc mắc nó có bị làm hỏng không.

“Nó chỉ là cái kính lọc thôi,” Mike nói. “Ống kính không hỏng, và có lẽ có vết nứt là do khi tôi bỏ máy ảnh xuống đường. Không sao đâu.”

Một thanh niên nhìn chiếc đồng hồ đeo tay của tôi. "Tôi muốn mượn cái này," anh ấy nói và tháo nó ra khỏi cổ tay tôi. Tôi bảo Mike: "Nói giùm với anh ấy là cứ lấy đi, nhưng nhớ đó là quà tặng của cha tôi nhân sinh nhật 21 của tôi, đã ba mươi một năm rồi." Tôi không hiểu tại sao tôi cứ nghĩ câu nói đó có thể làm sự việc khác đi hoặc không biết là Mike có dịch không, anh ta vẫn thường "kiểm duyệt" tôi khi anh nghĩ là nên làm như vậy. Thôi, coi như cái đồng hồ đó đã bị hôi của, nhưng sau một cuộc thảo luận nó được xem như vật chung, và được đặt lại vào chiếc túi ni-lông của Beth cùng tiền bạc và máy ảnh của chúng tôi.

Một phụ nữ trẻ khác quần xà-rông in hoa và tấm khăn che đầu dẫn Beth lên cầu thang đến phòng chính của căn nhà. Họ trở lại vài phút sau đó. Beth đã được lệnh cởi bỏ quần áo để khám xét. Sự tôn trọng quyền riêng tư cá nhân đối với Beth cho thấy đó là một dấu hiệu tốt lành.

Một thanh niên Campuchia nói được một ít tiếng Pháp bảo với Beth rằng anh ấy là sinh viên ở Phnom Penh được "phép" tham gia cách mạng - một đặc quyền chỉ dành cho những người lính đã được huấn luyện. Anh ta rất thích thú khi biết Beth đã ở Tiệp Khắc nhiều tháng. Nhưng Người Độc Nhân đã quát anh ta bằng tiếng Việt. Cuộc nói chuyện thân mật bị cắt ngang bất ngờ và anh thanh niên bỏ đi.

Một du kích Campuchia vào, đội nón vải ka ki lính Mỹ, với chữ “EU.N.K.” trên vành mũ lật lên phía trước. Chúng tôi đoán chắc đó là những chữ viết tắt của Mặt trận Thống nhất quốc gia Campuchia “From Uni National du Kampuchiea), phong trào chính trị mới do Hoàng thân Sihanouk lãnh đạo được Hà Nội hậu thuẫn.

Một người trông lớn tuổi hơn đi vào nhà, một người Việt khoảng 45 tuổi, mái tóc muối tiêu của ông dựng đứng, đã lâu không cắt. Sau vài phút to nhỏ với Người Độc Nhân, ông bắt đầu cuộc thăm vấn mới với chúng tôi. Vẫn những câu hỏi tương tự, những câu trả lời tương tự. Chúng tôi là ai? Chúng tôi rời Sài Gòn lúc nào?. Tại sao chúng tôi xâm nhập “vùng giải phóng”? Ông ta cau mày như không tin mấy những câu trả lời của Mike. Đó là một cuộc đối thoại dài dằng dặc bằng tiếng Việt.

“Ông đi xe đạp được không?” viên sĩ quan Độc Nhân hỏi Mike. Ông nói chúng tôi có thể tự mình đi xe đạp với sự hộ tống của bốn du kích, súng quàng vai, dọc theo con đường lầy lội với những lối rẽ vuông góc giữa những cánh đồng lúa.

Chúng tôi đạp xe khoảng hai dặm cho đến khi gặp một chiếc xe tải nhà binh hai tấn rưỡi đậu bên lề xa lộ dẫn tới một ngôi làng khác. Tầm bạt phủ trên xe và thân xe được nguy trang bởi những cành cây tươi mới bẻ. Chúng tôi có thể thấy rõ chữ Skoda phía sau xe, chứng tỏ đó là một trong những xe tải Tiệp Khắc viện trợ cho quân đội Sihanouk khi ông vẫn còn là lãnh đạo Nhà nước Campuchia và được những người linh đạo ngũ đem theo khi ông bị lật đổ.

Hai người đàn ông ngồi tựa phía sau xe và ra lệnh cho chúng tôi bước lên thùng xe bằng cửa sau. "Họ bảo ngồi xuống sàn xe và không được nhìn ra ngoài," Mike nói. Chúng tôi bò trên những khúc gỗ ra sát phía trước thùng xe. Sáu người Campuchia, phần lớn ở độ tuổi 20, mang súng lục, súng trường

và một khẩu súng máy nhẹ, leo lên xe theo chúng tôi, đứng canh khi chiếc xe lăn bánh chạy dọc xa lộ.

Một lính gác chĩa mũi súng AK-47 vào ngực tôi. Trong một phản ứng tự nhiên, tôi ra dấu cho anh ta chĩa sang chỗ khác, mà quên rằng tôi không được phép có bất cứ yêu cầu gì. Anh ta bèn nhích mũi súng chĩa thẳng vào đầu tôi và giữ mãi ở đó suốt phần còn lại của hành trình.

Tôi chỉ biết nhìn mặt trời mà đoán mình đi về hướng Bắc hay hướng Tây. Anh sinh viên Campuchia - thông dịch viên, đã đổi thái độ từ một người hướng dẫn dễ thương thành một chiến binh đầy quyền lực. Anh ta tựa phía sau xe mỗi khi xe chạy qua một khu xóm hay làng mạc, đưa lên ba ngón tay và kêu một điều gì đó có cả từ "người Mỹ". Người ta đã quên điều Mike nói rằng Mike và Beth là người Canada và xem cả ba chúng tôi là những tên Mỹ bị bắt. Tại hai ngôi làng đầu tiên, xe chúng tôi chạy chậm lại, và tôi chợt nhìn thấy một vòm cổng chào đã chiến bằng gỗ, cắm đầy hoa trang trí với những dải ni-lông xanh, hồng và một khung ảnh Sihanouk treo trên cao. Tại một điểm dừng, có người leo lên xe kiểm tra xem những cành cây nguy trang có chắc không. Mỗi khi xe dừng người ta dành một khoảng thời gian cho dân chúng được xem tận mắt những tù nhân.

Tại ngôi làng thứ ba, điểm cuối hành trình, dân làng có đến 15 hay 20 phút thay phiên nhau leo lên xe nhìn chúng tôi. Đàn ông, các cậu bé và một người đàn bà leo lên xe, dán mắt vào chúng tôi và giơ năm tay ra. Một thanh niên lật ngửa bàn tay với móng vuốt như thể muốn cấu nát chúng tôi. Một ông lão má hóp và đôi mắt trợn trừng trèo lên mui xe rồi bắt đầu hét tướng lên và ra dấu với bàn tay mở rộng. "Ông ta bảo hãy nằm xuống," Mike thông dịch. Chúng tôi lập tức nằm úp mặt xuống, hai tay vươn ra. Điều này hình như càng làm ông lão tức giận hơn, cho đến lúc Mike hiểu ra là ông ta muốn

chúng tôi ngồi xuống sàn xe thay vì ngồi trên đồng gỗ nhỏ.

Dân làng càng lúc càng hỗn loạn, khi một thanh niên Việt Nam, mặc quân phục mà không đeo quân hàm, đến và ra lệnh cho họ tránh xa chiếc xe tải. Cả anh này nữa cũng hỏi chúng tôi là ai và làm sao chúng tôi có thể đến đây và bị bắt.

“Các ông sẽ không bị bắn đâu,” anh ấy nói - “Nhưng chúng tôi phải bịt mắt các ông lại trước khi chúng tôi dẫn các ông ra khỏi chiếc xe tải này.” Những mảnh vải Thổ Nhĩ Kỳ bịt quanh mắt và cột lại phía sau cổ chúng tôi chặt đến nỗi cảm chúng tôi bị kéo xuống sát ngực.

Một người nào đó đỡ tôi bằng tay, giúp tôi bước qua miếng ván chắn sau xe xuống đất. Mike, Beth và tôi cầm tay nhau. Tôi tự nhủ bịt mắt chỉ là để phòng an ninh mà thôi. Beth lại nghĩ khác “Tôi không cho rằng kết cục sẽ như thế,” Mike an ủi Beth. Nhưng Mike nghĩ anh đã nghe một giọng Việt Nam nói là “người ta phải giết tù binh chiến tranh”. Mike bảo Beth nên nói chuyện lần nữa với người sinh viên Campuchia và chúng tôi nghe chị thuyết phục bằng tiếng Pháp với người này rằng chúng tôi không phải là nhân viên quân sự. Mike đưa ra tên một người quen trong phái đoàn Bắc Việt Nam tại Paris - người có thể xác minh nhân thân của anh. Cái tên hình như chẳng có ý nghĩa gì đối với họ.

Chúng tôi bị trói ở cổ tay và dẫn ngang qua đám đông dân làng. Chúng tôi có thể nghe họ gào thét và thỉnh thoảng cảm thấy bị đâm sau lưng. Rồi tay của Beth được tháo rời khỏi tay tôi và những bàn tay giữ tôi và Mike bắt đầu lôi hai người chúng tôi đi theo một con đường gồ ghề. “Đi, đi, đi”. Lần đầu tiên tôi thật sự sợ hãi rằng chúng tôi bị mang đi hành quyết, nhưng tốt nhất nên tập trung vào mỗi một chuyện mà chúng tôi có thể - bước từng bước một. “Cẩn thận không thì trật mắt cá bây giờ” tôi bảo Mike. Chúng tôi nắm tay

nhau cho khỏi ngã.

Dừng lại một chút. Ai đó nói lỏng nút buộc sợi dây quần quanh cổ tay chúng tôi. “Đi, đi, đi”, một giọng nói, rồi chúng tôi nghe tiếng nổ của xe gắn máy. Xe chạy, kéo chúng tôi chạy theo sau rất nhanh. Những tiếng reo hò, những nắm đấm giục chúng tôi phải chạy nhanh lên. Mike động viên tôi và kêu lên bằng tiếng Việt, “Ông bạn tôi đã 52 tuổi rồi. ông ấy không thể chạy nhanh như thế này được.” Chẳng ích lợi gì. Tôi vấp, gắng đứng dậy, luôn tự nhủ với mình, “Không được ngã. Không được trật mắt cá.”

Chúng tôi chạy loạng choạng như vậy dọc nửa dặm đường hay hơn thế nữa cho đến khi không còn nghe thấy tiếng của dân làng và cảm thấy con đường mỗi lúc dày thêm bụi hay cát. Trong đầu tôi bỗng lóe lên hình ảnh thành phố Huế sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân, nhưng ngôi mộ tập thể mà tôi đã thấy trong những đụn cát bên ngoài thành phố. Tôi ngờ rằng một chuyện tương tự cũng sắp xảy ra đối với chúng tôi. Ý nghĩ đó không làm tôi sợ hãi cho bằng nuối tiếc và thất vọng tràn trề. Tôi tự nhủ: “Mình đang tuổi trung niên. Còn quá nhiều việc muốn làm. Giờ đây toàn bộ câu chuyện sắp sửa chấm dứt chỉ trong một hai phút nữa.”

Chiếc xe gắn máy dừng lại. Một người nào đó thay miếng vải bịt mắt cho tôi, những ngón tay ấn mạnh miếng vải vào hốc mắt để chắc chắn là tôi không thể nhìn thấy. Tay vẫn bị trói chung, Mike và tôi được dẫn thêm vài bước nữa. Chân tôi vấp phải một bậc thềm và màu đỏ thẫm sau miếng vải cột mắt đổi thành màu đen khi chúng tôi “ra khỏi” ánh nắng chiều để bước vào bóng tối của một căn phòng có sàn nhà dơ bẩn.

Bỗng thành linh tôi nghe một tiếng “rắc” khô khan, và cảm thấy Mike ngã quy xuống đất với một tiếng rên. Tôi nghĩ anh ấy đã bị bắn và người kế tiếp sẽ là tôi. Nhưng đó chỉ là một cú đánh bằng cây quạt vào sau gáy tôi tích tắc

sau đó, khiến tôi ngã xuống. Tôi nằm đó, mắt vẫn bị bịt kín, sẵn sàng bị đâm đá, nhưng chỉ một lát sau, Mike bảo tôi có ai đó ra lệnh bằng tiếng Việt: "Đừng đánh họ nữa". Tôi được lôi ngồi dậy, tay trái quặt sau lưng, chặt đến nỗi sợi dây có thể đã làm máu ngừng lưu thông nếu trước đó tôi không gồng lên khi các nút được buộc. Tôi cảm thấy Mike ngồi sát bên tôi, thì thầm: "Họ kêu chúng ta dang chân ra." Trong khi ngồi chờ đợi, tôi nghe từ xa tiếng phụ nữ kêu rên vì đau đớn. Tôi đoán chắc Beth đang bị tra tấn. Cùng lúc với nỗi lo về điều có thể đang xảy ra cho Beth và sắp xảy ra cho chúng tôi, tôi còn cảm thấy khổ sở khi phải ngồi thẳng người trong tư thế hai chân dang rộng mà không có gì để tựa sau lưng. Lúc đó, điều tôi muốn duy nhất là được tựa lưng vào cái gì đó hay được co chân lên.

Một giọng đàn ông quát vào Mike: "Tụi mày là gián điệp Mỹ phải không?" "Tụi mày là CIA, đúng không?"

"Không" Mike trả lời với giọng khản khản. "Chúng tôi là nhà báo quốc tế. Chúng tôi không có quan hệ gì với Chính phủ Mỹ hay cuộc tấn công vào Campuchia cả. Chúng tôi chỉ cố gắng nói cho người đọc của chúng tôi biết sự thật về cuộc xâm lăng mà thôi. Điều quan tâm của chúng tôi chỉ là sự thật và hòa bình." Anh lặp đi lặp lại rằng anh có quen một thành viên của phái đoàn Bắc Việt Nam tại hội nghị Paris, người đó có thể giúp xác nhận nhân thân của anh.

"Còn bạn tôi là trưởng văn phòng tại Thủ đô Washington của báo Sant Louis Post - Dispatch, một trong những tờ báo lớn ở Mỹ, tờ báo luôn phản đối cuộc chiến tranh Đông Dương từ nhiều năm nay. Và đồng nghiệp nữ là phóng viên của báo Christian Science Monitor (Người hướng dẫn Khoa học Đạo Cơ đốc), cũng là một báo lớn ở Mỹ. Cô ấy cũng đã viết nhiều bài chống lại cuộc xâm lược của Mỹ ở Đông Dương. Còn tôi là đặc phái viên của một

hãng tin độc lập, Dispatch News Service International."

Không có lời đáp lại. Chỉ nghe tiếng chân bỏ đi. Mike khẽ dịch cho chúng tôi nghe về cuộc trao đổi giữa bọn họ.

"Anh có đau lắm không?" tôi hỏi. "Không sao," anh trả lời. "Tôi chỉ bị bắt tỉnh một lát thôi, nhưng có lẽ không bị gãy xương. Nhưng tôi lo về sự tuần hoàn máu ở chỗ tay bị trói".

Tôi bảo anh ấy có lẽ tôi bị đánh khá mạnh vào phần cứng trên đầu nhưng không đáng lo lắm.

Một giọng khác, cũng là tiếng Việt, nhưng lần này mềm mỏng và thiện cảm hơn ghé sát vào chúng tôi và nói: "Các ông có sợ không?"

"Có", Mike nói, "Tôi không biết điều gì sẽ xảy ra cho chúng tôi. Vì vậy chúng tôi có lý do để sợ?"

"Không phải sợ, nếu thật sự các ông là nhà báo. Các ông có muốn uống nước không?"

"Cho ông bạn tôi uống đi - ông ấy già hơn" Mike nói.

Tôi cảm thấy miệng ly thủy tinh chạm vào miệng tôi và tôi liền nốc ừng ực. Đó là lần uống nước ngon nhất trong đời.

"Ông ấy bảo chúng ta có thể dựa lưng vào những bao tải sau lưng," Mike nói. "Như vậy dễ chịu hơn. Và chúng ta cũng có thể co chân lên nếu muốn."

"Có phải dây trói quá chặt không?" người đàn ông hỏi Mike. Anh ấy trả lời đúng như vậy, và người đàn ông nhanh chóng nới lỏng những sợi dây trói, rồi nới lỏng thêm lần nữa khi Mike nói tay anh vẫn còn mất cảm giác.

“Thật không phải khi làm như thế này đối với các ông,” người đàn ông bảo Mike.

“Ông là đại úy phải không?” Mike hỏi.

“Không, mới trung úy thôi”.

Anh ta im lặng một lúc.

“Bây giờ chuẩn bị đi tiếp.” Anh ta nói. “Các ông sẽ có thể tắm rửa, giặt quần áo và sẽ được cho ăn uống.”

Anh ta cầm tay kéo tôi đứng lên và dìu tôi ra khỏi căn nhà, dọc theo con đường vài mét, đến một căn nhà khác. Tôi cảm thấy nền xi măng dưới chân tôi. Tôi được dìu cẩn thận băng qua gian phòng cho đến khi ống quyển tôi chạm phải một băng ghế dài. Chúng tôi được lệnh quay lại và ngồi xuống.

Rồi tôi nghe tiếng Beth. Cô ấy cũng được đưa vào gần như cùng lúc và đang phụ viên sĩ quan Việt Nam tháo dây trói cổ tay và băng bịt mắt cho chúng tôi.

Nhìn qua cánh cửa hé mở, chúng tôi có thể thấy bên ngoài trời đang tối dần. Ánh sáng ngọn đèn dầu lửa soi rõ Beth đang tươi cười vì được gặp lại chúng tôi, và viên trung úy tử tế, một người lính mảnh dẻ với khuôn mặt xương xương và khoảng chừng 35 tuổi. Anh ta đội chiếc nón cối màu kaki, mặc bộ đồ kaki, và mang đôi dép tắm cao su màu xanh trắng.

"Chúng ta sắp được ăn," tôi nói với Beth, "rồi có thể tắm và giặt quần áo."

Một người Việt mang vào phòng một thùng xăng 5 ga-lông đựng nước cùng bao đồ của Mike và tôi. Dưới ánh sáng tù mù, chúng tôi có thể nhận ra mình

đang ở trong một phòng học, với vài băng ghế dựa sát tường và một chiếc bàn dài gần chỗ băng ghế ngồi của chúng tôi. Những người du kích lấy cái bảng đen làm thành một tấm bình phong và đặt thùng nước bên trong, cho thấy chúng tôi có thể tắm ở đó . Họ trao cho chúng tôi một bánh xà phòng rồi bỏ đi.

Beth tắm trước, cô dùng khăn mặt và khăn tắm của Mike. Cô ấy phải mặc lại bộ đồ cũ, hơi nhàu nát sau chuyến hành trình trên con đường đầy bụi và trong chiếc xe tải của du kích. Còn Mike và tôi đều đem theo một bộ quần áo để thay. Mở cái túi bay nhỏ của hãng hàng không Pan American màu xanh, tôi thấy trong đó không chỉ có áo thun, quần ka ki, quần lót và tất mà còn có cả bộ dụng cụ phòng tắm, dao bỏ túi nhỏ, và một cặp kính cận dự phòng.

Lần lượt, chúng tôi tắm, dùng một cái gáo múc nước để gột sạch xà phòng. Một người đàn ông mang thêm vào một thùng nước. Mike tình nguyện giặt quần áo giô của tôi và anh. Anh làm hết sức mình. Nước rất lạnh. Tôi hỏi Beth cô ấy đã bị đối xử ra sao.

“Không tệ lắm. Người sinh viên bảo với tôi rằng ông và Mike được đem đi thẩm vấn.” Lúc đó, Beth đã được đưa đến một phòng khác, đặt ngồi xuống, vẫn bịt mắt. Cô có thể nghe thấy dân làng ủa vào để xem người nữ tù phương Tây. Một người la lên giận dữ bằng tiếng Campuchia, rồi tháo đôi dép của cô, ném vào tường.

Sau đó, bị bỏ lại một mình với người gác, cô hỏi xin nước, uống, rồi xin thêm, và được thêm. Thu hết can đảm, cô tháo băng bịt mắt. Cô đang ở trong một phòng học. Một thanh niên Việt Nam đứng gác gần cửa. Anh tới gần cô, kéo chiếc nhẫn bạc từ ngón tay cô và làm một cử chỉ dè dặt như để chọc ghẹo cô. “Không cần phải như thế đâu,” cô nói. “Anh là em trai. Tôi là chị gái mà.” Cô nói bằng tiếng Anh. Anh ta đeo chiếc nhẫn lại vào ngón tay cô và không

làm phiền cô nữa.

Lát sau viên trung úy có khuôn mặt gầy đến và bảo Beth là cô có thể nằm trên bàn nếu cô muốn ngủ trưa. Anh ta nói là cấp trên của anh vừa biết về việc bắt giữ và cử anh đến để bảo đảm cô không bị ngược đãi. Không lâu sau đó, một người lính khác nhặt đôi dép lên cho cô và đưa cô đi qua sân trường đến căn phòng nơi chúng tôi đang ở.

Lúc đó chắc là 9 hay 10 giờ. Chúng tôi khởi hành từ Sài Gòn lúc bình minh. Cả Mike và Beth không kịp ăn sáng. Hai người Việt mang vào một cái nồi đen, đựng cơm. Cơm hầy còn nóng, rõ ràng là phần còn lại từ bữa tối của du kích. Cạnh đó còn có một đĩa thịt mỡ heo rán, một ấm trà, ba cái ly, ba đĩa ăn và ba cái muỗng. Chúng tôi ăn hai hay ba đĩa, ngồi sát bên nhau chỗ bàn học.

Người lính có khuôn mặt gầy - người đã trở thành một khuôn mặt quen thuộc - bước vào phòng khi chúng tôi vừa ăn xong và báo rằng có vài người nữa sắp đến để nói chuyện với chúng tôi. Khi chúng tôi đứng lên thì ba người đàn ông bước vào, dẫn đầu bởi một người Việt cao lớn - khoảng 1,78 mét là cao đối với người Việt - với vẻ bề ngoài đỉnh đạc, mắt mở to và miệng rộng nhoẻn cười khi chào hỏi chúng tôi. Ông mặc quần áo ka ki nhà binh với cầu vai và để hờ cổ ông ta khoảng 40 tuổi. Ông nói bằng giọng mà sau đó Mike bảo là giọng Bắc rất. Ông nói ông và những người lính khác đều là người gốc Việt (để tránh vấn đề quốc tịch) đang chiến đấu trong mặt trận cách mạng thân Sihanouk ở Campuchia.

Theo đề nghị của ông, Mike lặp lại câu chuyện của chúng tôi. Viên sĩ quan cao lớn gật đầu như nhận biết khi Mike nói tên người bạn Bắc Việt Nam của anh ở Paris.

"Nếu các ông thật sự là những nhà báo quốc tế. các ông sẽ được thả," viên

sĩ quan nói, “Nếu các ông là gián điệp CIA, các ông sẽ bị xử theo luật quốc gia. Trong khi chúng tôi kiểm tra, các ông sẽ được đưa tới một nơi an toàn. Ở đây không an toàn lắm. Người Campuchia không biết rằng có người Mỹ tốt cũng như người Mỹ xấu. Họ chỉ biết xe tăng và máy bay của chủ nghĩa đế quốc Mỹ mà thôi. Do đó, thiếu an toàn khi ở đây. Tôi đã phân công sĩ quan này (hướng về phía người trung úy mặt gầy) chịu trách nhiệm về sự an toàn của các ông. Hãy theo sát anh ấy, mọi việc sẽ tốt đẹp”.

Điều này cho chúng tôi niềm hy vọng đầu tiên rằng một lúc nào đó sẽ được thả. Tuy vậy, vẫn không được quên rằng mình là những tù nhân bị tình nghi là gián điệp. Khi ngồi trên băng ghế đối diện với những người du kích, tôi đã ngồi bắt chéo chân trong một tư thế dễ chịu hơn.

“Ngồi thẳng lên, để cả hai chân xuống sàn.” một người trẻ quát vào tôi.

Khi viên sĩ quan cao lớn chấm dứt chỉ thị, ông bảo chúng tôi nghỉ ngơi. Ông và những tùy tùng ra khỏi phòng. Chúng tôi nằm xuống cạnh nhau trên nền xi măng trần trụi.

Khoảng một giờ sau, tất cả trở lại chỉ trừ viên sĩ quan cao lớn. Chúng tôi được lệnh: “Chuẩn bị đi”. Chúng tôi thu dọn quần áo hãy còn ướt bỏ vào bao, rồi ra đi dưới ánh trăng đêm, băng qua sân trường, dọc theo một lối mòn ngoằn ngoèo lầy lội, tiến đến một chiếc Land Rover, kiểu như xe Jeep lớn với thùng xe có bạt che ở phía sau đang chờ sẵn.

Một người có khuôn mặt râu rĩ, đội chiếc mũ lính vành rộng thời đệ nhất thế chiến, áo xanh da trời, quần xanh lá cây, dẫn đầu với khẩu AK-47 vác trên vai. Chúng tôi đi theo. Viên sĩ quan mặt gầy và vài người khác đi phía sau. Một người khiến tôi chú ý khi chúng tôi leo lên xe và bắt đầu băng qua những con đường lầy lội giữa đêm. Anh ta là một thanh niên Campuchia, cao lớn và

nặng nề hơn phần lớn người Việt mà tôi đã gặp với khuôn mặt rộng, đôi môi dày và cái miệng đầy những răng vàng.

Chúng tôi chạy khoảng một tiếng, thỉnh thoảng dừng lại khi có những ánh đèn hiệu từ những cánh rừng hai bên đường. Một người lính trên xe nháy đèn trả lời và những bóng đen bước ra khỏi những bụi cây và thi thãm trao đổi với toán người áp giải tù nhân.

Chúng tôi dừng lại trước một ngôi nhà khang trang, kiểu nhà sàn truyền thống, với cầu thang dẫn lên cửa trước.

Màu hồng của mái ngói và bốn bức tường bằng gỗ xẻ hiện rõ dưới ánh trăng. Sau khi toán áp giải thì thãm với chủ nhân người Campuchia, chúng tôi được lệnh cấp tốc leo lên thang gác. Người lính có đôi mắt buồn bã đưa chúng tôi đến một căn phòng lớn phía sau nhà, được ngăn ra bởi những kệ cao và tủ đứng và một cửa ra vào treo đầy những dải nhựa hồng, xanh. Bên trong kê hai chiếc ghế gỗ và một giường gỗ lớn với vạt giường gỗ có trải chiếu bên trên.

“Nghỉ đi” người lính bảo chúng tôi.

Beth nói, “Tôi muốn nằm giữa.”

Tôi đoán chừng lúc đó đã là hai hay ba giờ sáng. Chúng tôi nằm xuống và rơi ngay vào giấc ngủ sau một trong những ngày dài nhất trong đời.

2. ĐIỀU TRA

 Anh sáng đầu ngày chiếu qua những tàu lá chuối bên ngoài cửa sổ khi người thanh niên mảnh khảnh, có khuôn mặt đưa đám tối qua, vẫn mặc chiếc áo sơ-mi xanh biển và quần xanh lá cây nhặt bước vào phòng và nói với Mike bằng tiếng Việt: "Đến giờ tắm rồi."

Anh ta bảo "quý bà" tắm trước, rồi đến lượt Mike và tôi sau khi Beth tắm xong quay lại. Chị quơ lấy khăn tắm, quần áo, miếng xà phòng của chúng tôi rồi theo người lính ngang qua căn nhà đang chìm trong yên tĩnh, dùng cầu thang trước xuống đất. Đến lượt mình, tôi làm theo chỉ dẫn của Beth: ra khu vực nhà vệ sinh trước - một cái hố cạn đào gần bụi chuối thấp. Những miếng lá chuối khô màu nâu mềm được dùng thay cho giấy vệ sinh.

Phòng tắm nằm trong một góc phía sau nhà, một chậu thiếc đặt trên gốc cây cạnh một lu đựng nước trong cao ngang bụng. Beth đã móc khăn tắm và đặt miếng xà phòng sẵn trên thanh sắt hàng rào cũ. Nước lạnh làm tôi nhớ đến phòng tắm nghèo nàn tương tự mà tôi đã từng sử dụng năm 1960 tại một làng quê nhỏ ở Lào, trong chuyến công tác Đông Dương đầu tiên của tôi. Nước lạnh thật dễ chịu đối với cái nóng nhiệt đới.

Cũng người thanh niên đó mang bữa sáng cho chúng tôi, với nụ cười rụt rè nhưng vẫn chưa phải là "mào đầu câu chuyện". Anh đặt một nồi đồng đầy cơm ở chân giường, và ba đĩa ăn bằng sứ, ba cái thìa và một ấm trà nóng với ba tách thủy tinh nhỏ không quai. Cơm - được chứa lại từ khẩu phần sáng của du kích - vẫn còn nóng. Tôi nghĩ gạo đã được xay sát sơ sài, đủ dưỡng chất, những hạt gạo tròn và mềm. Một bữa ăn sáng ngon miệng.

Ngày đầu tiên bắt đầu trong không khí thân thiện. Anh Tư - chúng tôi nghe những người khác gọi như vậy đêm hôm trước - quay lại sau bữa sáng mang theo ba cái xà-rông và một bao ni-lông đựng bàn chải đánh răng và kem đánh răng do Campuchia sản xuất. Ông bảo xà-rông dùng để thay quần áo. Mỗi chiếc giống như cái váy may bằng vải thô in hoa, và chúng tôi học được ngay cách tạo một nếp gấp lớn để cho nó quấn khít quanh bụng rồi cuộn lên một hay hai vòng cho chặt.

Những người sống chung trong nhà đã bắt đầu “viếng thăm” chúng tôi suốt bữa sáng, và trong lúc chúng tôi kiểm tra những đồ dùng mới. Người mẹ, một phụ nữ cao, khá đẹp với đôi mắt đen, khoảng gần ba mươi, vào nhà và trải rộng một tấm chiếu nhựa mới phủ lên tấm chiếu rơm mà chúng tôi đã ngủ, tạo thêm một khoảng đệm chừng sáu ly giữa lưng chúng tôi và miếng ván cứng. Bà quấn xà-rông, áo choàng rộng và một tấm khăn rằn gấp lại che mái tóc đen mượt. Chúng tôi không biết làm sao có thể nói chuyện với bà và chỉ biết cười khi bà dùng chổi quét những hạt cơm rơi vãi xuống dưới đất qua những thanh gỗ lát sàn và thu dọn bát đĩa mang đi. Bà mỉm cười với sự thân thiện dè dặt.

Một lát sau, đưa con gái nhỏ của bà, chừng bốn tuổi, thò đầu vào giữa những dải nhựa xanh hồng dùng làm cửa ngăn cách với phòng chúng tôi. Cô bé trông như một còn búp bê Đông Phương nhỏ nhắn với đôi mắt hạt huyền và những bím tóc cắt tỉa cẩn thận. Khi chúng tôi mỉm cười, cô quay đầu bỏ chạy nhưng rồi trở lại ngay sau đó, tay vờ mãi mê túm gọn những dải nhựa, rồi thả chúng ra từng cái một, nhưng thật ra là để nhìn kỹ ba khách lạ phương Tây. Người cha vẫn giữ khoảng cách. Chúng tôi thấy ông thấp thoáng đâu đó hoặc đi lững thững trước nhà hoặc nằm trên giường.

Anh Tư lại trở vào, mang theo một ấm trà giữa buổi sáng. Mike và tôi vội

vàng mặc áo vào cho lịch sự. Chúng tôi cởi trần vì trời đã bắt đầu nóng và ẩm. Anh Tư mời chúng tôi ngồi, rồi im lặng rót vài giọt trà vào từng tách, lắc lắc, đổ xuống đất, rồi lại rót đầy tách thứ nhất cho Beth, tách thứ hai cho tôi và Mike uống chung, và tách thứ ba cho chính anh.

"Các anh ăn đủ không?" Chúng tôi trả lời cơm rất ngon, và nói thêm trà thì được đặc biệt đón chào vì cái nóng làm chúng tôi mau khát. Chúng tôi hỏi chúng tôi có thể uống nước còn dư trong thau rửa mặt buổi sáng không?

"Nếu các anh đã uống nước đó, thì có thể bệnh mà chết đó" anh nói.

Trong khi nói chuyện anh thường đề cập về cái chết. Anh trao đổi về chuyến đi đến Campuchia của chúng tôi với giọng nói nhẹ nhàng, cảm tình, và khi chúng tôi kể đến giây phút bị bắt, anh nói "Các anh cũng may mắn lắm mới còn sống. Nếu có súng trong xe. các anh đã bị xử ngay."

Nói xong anh bỏ đi một lúc, rồi quay lại bảo chúng tôi có khách, một cặp trên của anh chỉ đến một lát và hỏi qua vài câu.

"Quan trọng là các anh nên nói thật," anh bảo.

Rồi, một người có dáng vẻ nhân viên phản gián điển hình bước vào. Dáng nhỏ con, trong bộ đồ kaki với vẻ cau có và nghiêm khắc để chứng tỏ mình là người quan trọng. Ông đeo một khẩu súng lục ở thắt lưng và túi xà-cột bằng vải kaki trên vai. Sau khi hớp nhanh một ngụm trà, không nhâm nhi như thông thường, và cũng không có vài câu dạo đầu:

"Tại sao các anh lại tới đây?" giọng miền Nam, chứng tỏ ông là một "Việt Cộng".

Mike kể lại một lần nữa về cuộc hành trình cho đến khi bị bắt. Anh nói

chúng tôi là "nhà báo quốc tế" và chúng tôi có dán trên kính xe máy chữ này bằng tiếng Việt.

"Như vậy tại sao máy bay trực thăng Mỹ phát thanh lời yêu cầu giúp đỡ ba nhân viên chính phủ Mỹ trốn thoát khỏi vùng giải phóng?"

Mike không hề nghe bất cứ lời phát thanh nào như thế và nói anh cũng không hiểu tại sao người ta mô tả chúng tôi như thế.

"Các anh quan hệ như thế nào với CIA?"

Mike nói chúng tôi không có bất cứ quan hệ nào với CIA cả. Anh nhắc lại chúng tôi là những phóng viên độc lập và một lần nữa kể về các tờ báo Sant Louis Post - Dispatch, The Christian Science Monitor và Dispatch News Service International.

Viên sĩ quan thẩm vấn nhỏ con tỏ vẻ giận dữ, hỏi tới hỏi lui và nóng nảy lắc đầu như không tin bất cứ điều gì mà chúng tôi kể cho ông.

Những câu đối đáp qua lại giữa ông và Mike bằng tiếng Việt, còn Beth và tôi thì thỉnh thoảng mới lồm bồm nghe được một vài chữ. Mike chú ý từng lời trong mỗi câu hỏi và trả lời, quan sát cử động của đôi môi người thẩm vấn để hiểu đầy đủ ý nghĩa và trả lời với giọng thành khẩn gần như van nài.

Sau gần nửa giờ, viên sĩ quan thẩm vấn ra hiệu phiên thẩm vấn kết thúc, rồi ông và anh Tư bỏ ra ngoài. Mike gần như kiệt sức, phải nằm nghỉ một lát trước khi có thể kể lại cho chúng tôi chi tiết của phiên thẩm vấn, rồi cùng chúng tôi đánh giá tình hình của mình ra sao. Mike bị phiền muộn nặng nề bởi thái độ thù nghịch và sự không tin ra mặt của viên sĩ quan thẩm vấn mà Mike bắt đầu gọi là "Mặt Sắt".

Sau mười lăm phút xoa bóp lưng và vai cho Mike, tôi quyết định chúng tôi phải làm cái gì đó để san sẻ gánh nặng với Mike. Sẽ còn nhiều phiên thẩm vấn nữa, và như vậy quá nặng để một mình anh ấy chịu trận. Tôi đề nghị, trong phiên thẩm vấn tiếp theo, chúng tôi sẽ kéo giãn ra bằng cách để Mike dịch ra tiếng Anh những câu hỏi, tôi và Beth tìm câu trả lời. Như vậy sẽ giúp giảm căng thẳng cho Mike. Cách đó cũng giúp Mike đỡ phải sơ hở trong khi trả lời có thể gieo thêm nghi ngờ chúng tôi là gián điệp. Chúng tôi phải cẩn thận trong từng lời nói. Mike giả định là trong số du kích có thể có người biết tiếng Anh, do đó chúng tôi quyết định ngay cả khi nói chuyện với nhau cũng phải giữ ý tứ.

Chúng tôi e rằng cũng không loại trừ khả năng chúng tôi sẽ bị đưa ra xử công khai như những điệp viên CIA. Tôi thật không thể chấp nhận được viễn cảnh tuyệt vọng đó và tự an ủi rằng cách điều tra và những câu hỏi cũng hợp lý và không tệ hơn những cuộc điều tra của người Mỹ, và còn khá hơn nhiều so với phương pháp thẩm vấn cấp ba của chế độ Sài Gòn. Chúng tôi đoán già đoán non rằng chúng tôi đang trải qua cuộc thử nghiệm đầu tiên bằng phương pháp vừa xoa vừa đánh cổ điển, áp dụng ở bất cứ đâu, mà anh Tư là người xoa nên cư xử như bạn, còn Mặt Sắt thì chính là người đánh luôn buộc chúng tôi phải tự thú.

Lúc ấy là đầu buổi chiều. Chúng tôi chỉ còn lại một mình. Qua rèm cửa chúng tôi thỉnh thoảng nhìn thấy những người du kích hay những người trong gia đình Campuchia đang ngủ trưa hoặc thì thầm trò chuyện. Cảnh tượng đó hứa hẹn một ngày dài nhàn rỗi, có thể là ngày đầu tiên của nhiều ngày nữa. Giết thời gian là một vấn đề khó khăn khi không có một quyển sách, hay giấy để ghi chép.

Chúng tôi bắt đầu suy nghĩ một cách tích cực để vượt qua tình trạng này.

Phải tập thể dục thường xuyên và bắt đầu là động tác bẻ cong người. Mike tinh nguyện dạy tiếng Việt cho hai chúng tôi và câu đầu tiên là: “Xin cho tôi viết thư về nhà.” Đó là câu mà chúng tôi dự tính sẽ nói khi anh Tư trở lại. Rồi chúng tôi bắt đầu chơi đồ. Beth đưa ra một câu đố khiến tôi và Mike bủ đầu suốt cả tuần. Có tất cả 12 trái bóng bằng bạc, đều giống nhau về kích cỡ và màu sắc bên ngoài, chỉ trừ một trái bóng có trọng lượng khác. Vậy đồ bạn làm cách nào để xác định trái bóng đó và cho biết nó nhẹ hơn hay nặng hơn bằng cách dùng hai đĩa cân và chỉ được cân ba lần thôi.

“Đừng năn nỉ tôi giải đáp” Beth nói, “tôi sẽ không nói đâu.”

Ngay lúc đó, khi chúng tôi trò chuyện, cô bé gái rón rén vào cửa và lắng nghe chăm chú tiếng nói bằng một ngôn ngữ xa lạ. Rồi chúng tôi lại thấy em trai của cô bé, khoảng sáu tuổi đi vào như muốn tìm kiếm vật gì. Em hỏi chúng tôi bằng tiếng Campuchia cái “patadl” ở đâu? Chúng tôi đoán có lẽ em muốn tìm cái xô đồng mà chung tôi dùng đi tiểu nên chỉ cho em nó ở trong góc, gần tủ gỗ. Em hơi nhản mặt, mang nó ra ngoài để đổ đi.

Trời đã tối. Chỉ còn lại chút ánh sáng tù mù trong phòng khi anh Tư trở lại cùng với một người trong nhà khác. một cô gái khoảng chín tuổi, gầy gò, đôi mắt đen láy, mặc một áo choàng bằng vải bông và quần quanh hông một chiếc xà-rông ca rô. “Cha mẹ cô bé đã bị máy bay Mỹ giết chết hôm qua,” anh Tư nói, gia đình này đã tiếp nhận em.”

Anh Tư trao cho chúng tôi mấy trang giấy vở học sinh và dặn chúng tôi viết ra những câu trả lời cho những câu hỏi như một phần của cuộc thẩm vấn. Sau khi ghi đầy đủ họ tên, địa chỉ, tên tuổi từng thành viên gia đình, tên và địa chỉ tờ báo, chúng tôi phải liệt kê tất cả những chuyến đi của chúng tôi đến Paris, Sài Gòn, Phnom Penh, Lào, ghi cả ngày tháng và nội dung tóm tắt những bài báo mà chúng tôi đã viết từ những địa danh đó. Và những nhà báo nào mà

chúng tôi biết ở những nơi đó? Chúng tôi có viết báo cáo cho CIA không? Cuối cùng, là tên tuổi của những ai có thể xác minh thân phận chúng tôi. Beth là người giỏi tiếng Pháp nhất đã dịch những bản khai này ra tiếng Pháp để chúng tôi ký tên. Chúng tôi được phép giữ hai cây bút nguyên tử, và anh Tư cho chúng tôi mượn thêm một cây nữa.

Chúng tôi xin phép được viết thư về nhà. Anh đồng ý và bảo chúng tôi cứ bắt đầu, rồi anh đi khỏi.

Chúng tôi bắt tay vào việc ngay, trước hết là viết những bức thư ngắn về nhà. Tôi hy vọng sẽ gửi được thư cho vợ tôi, Helen, để yêu cầu nàng bỏ hết công việc, tìm cách bay đến Sài Gòn hay Hà Nội.

Khi viết các tờ khai, chúng tôi nghĩ rằng không thực tế nếu liệt kê tất cả các bài báo viết về Đông Nam Á bởi vì chúng tôi đã ở đó khá lâu và đã viết rất nhiều. Hai câu hỏi quan trọng, một là về mối quan hệ với CIA, mà dĩ nhiên là phải bác bỏ quyết liệt. (Tôi viết thêm rằng sẽ chỉ có thiệt hại nếu một nhà báo lại đi làm thêm công việc của một nhân viên tình báo bán thời gian), hai là yêu cầu khai tên những nhân vật mà chúng tôi quen biết. Cả ba chúng tôi đều cố hết sức lục lọi trong trí nhớ những tên tuổi có thể quen thuộc đối với những người bắt giữ chúng tôi để may ra có một chút ánh sáng hy vọng. Tôi viết ra nào là Wilfred Burchett, một nhà báo Úc, người đã ở Hà Nội nhiều cũng như từng sống với Việt Cộng ở miền Nam Việt Nam; nào là Harrison Salisbury, Tổng Biên tập của tờ New York Times mà những tường thuật của ông từ miền Bắc Việt Nam vào cuối năm 1966, đã tố cáo với người dân Mỹ bản chất thật sự cuộc oanh tạc của Mỹ; tên vài nhà ngoại giao nước ngoài, cả những nước trung lập và cộng sản, tên những lãnh đạo đối lập chống chiến tranh Việt Nam như Thượng Nghị sĩ Fulbright, Mansfield, McGovern, và McCarthy.

Chúng tôi mất gần hai ngày để kê khai, kể cả bản dịch tiếng Pháp của Beth, rồi trao cho anh Tư cùng những bức thư gửi về nhà.

Lại một ngày nữa trôi qua, và Mặt Sắt trở lại. Ông rút những tờ giấy từ trong túi xách ra, liếc đọc chúng như một ông thầy nghiêm khắc đang dò bài những học trò lười biếng.

“Những lời khai chưa đầy đủ và các anh cũng chưa thành khẩn.” ông nói “Các anh phải viết lại, và quan trọng là phải khai báo chính xác.”

Cũng có thêm những câu hỏi khác, hầu hết là lặp lại những gì mà ông đã thẩm vấn chúng tôi lần đầu. Nhờ mưu kế phiên dịch ra tiếng Anh nên đỡ căng thẳng. Chỉ có một lần gay go khi Mặt Sắt hỏi có ai trong ba chúng tôi biết về chương trình Chiêu Hồi - một chiến dịch được gọi là “Mở rộng Vòng tay”, mà chính quyền Sài Gòn cố gắng thuyết phục những du kích Việt Cộng đào ngũ bằng cách hứa ân xá và thưởng tiền sau khi họ trải qua một khóa cải huấn ngắn. Tôi nói với Mặt Sắt rằng tôi có biết chút ít về Chiêu Hồi vì đã viết nhiều bài đặt nghi vấn về luận điệu cho rằng số lượng cán binh đào ngũ gia tăng thì có nghĩa là Sài Gòn giành chiến thắng. Tôi đã viết rằng nhiều người chiêu hồi không phải là kẻ đào ngũ mà chỉ là những dân thường muốn được thưởng tiền và trốn quân dịch, còn một số khác là Việt Cộng đã trải qua một khóa cải huấn để nghỉ ngơi, nhưng rồi lại quay về chiến đấu trong hàng ngũ du kích. Nhưng Mặt Sắt cắt ngang câu trả lời của tôi. Có phải tôi đã từng ở trong Tổng Hành dinh của Chiêu Hồi? Tôi quen ai ở đó? Quá trễ để tôi nhận ra rằng ông ta đã có trong đầu về một khía cạnh khác của chương trình Chiêu Hồi, về những cuộc điều tra căng thẳng các hàng binh do những nhân viên phản gián chế độ Sài Gòn thực hiện. Tôi chỉ còn cách là hạn chế thấp nhất những hiểu biết của mình về vấn đề đó.

Cuối cùng, khi Mặt Sắt bỏ đi, Mike trở nên bi quan hơn bao giờ hết. “Tôi

biết cái gì sẽ đến," Mike nói. "Ông ấy sẽ dùng phương pháp cổ điển của Trung Quốc, buộc chúng ta viết đi viết lại những chuyện này 40 lần và cố phát hiện những mâu thuẫn." Có thể lắm chứ, Mặt Sắt giữ bản viết đầu tiên, rồi bắt viết bản thứ hai theo trí nhớ. Tôi vô cùng khổ sở khi phải nhớ lại thời gian của bảy chuyến công tác đến Đông Nam Á, cũng không dễ dàng gì liệt kê chúng chính xác như lần khai đầu tiên.

Sự nghi ngờ của Mike làm chúng tôi vô cùng hoang mang. Khi chúng tôi viết bản khai thứ hai tôi quyết định sẽ giữ bình tĩnh và cố gắng hết mình giữ vững tinh thần.

Thật không dễ dàng chút nào. Rồi, anh Tư quay vào và đưa Mike ra ngoài để thẩm vấn riêng khoảng 15 hay 20 phút. Mike trở lại mang theo một báo động mới. Họ báo với Mike rằng hãng tin United Press International đã đưa tin về vụ bắt giữ chúng tôi trên đài phát thanh, nói đúng tên nhưng không hề nói chúng tôi là những nhà báo. Họ còn nói bản tin đó gọi chúng tôi là "nhân viên Mỹ". Không thể có bản tin như thế được, nhưng Mike không dám nói rằng họ đã bịa chuyện. Mà anh nói rằng chúng tôi rất quen thuộc với phóng viên và biên tập viên UPI, nên không thể hình dung có một bản tin như thế.

Nếu đó là cách chơi của họ thì chúng tôi tự nhủ không biết chuyện gì sẽ xảy ra sắp tới.

3. TÀN CƯ

Dêm thứ ba, khi chúng tôi đang ngủ thì có người bước vào phòng. Chúng tôi ngồi dậy trên giường và nhìn thấy đôi má hóp, cặp mắt thiện cảm và buồn của anh Tư dưới ánh đèn dầu trên tay anh. “Chuẩn bị đi,” anh nói.

"Sẵn sàng đi," Mi ke dịch lại. Chúng tôi nhét vội quần áo và đồ dùng vệ sinh vào túi xách. Anh Tư bảo chúng tôi trùm xà-rông quanh đầu. rồi dẫn chúng tôi xuống nhà. Ai đó đã lấy giày sẵn cho chúng tôi và đặt ngay dưới chân cầu thang.

Trăng sáng và trời hơi lạnh. Chúng tôi đã ngủ nhiều giờ. Tôi cảm thấy khỏe lại và sẵn sàng cho một chuyến đi đêm. Anh Tư dẫn đường đầu đội một cái mũ rộng vành và khẩu súng AK-47 đeo vai. Cả ba chúng tôi, từng người một theo sau anh, và sau lưng chúng tôi còn có ba hay bốn người nữa. Không ai nói lời nào. Chúng tôi băng qua một đường mòn ngoằn ngoèo bao quanh một cánh rừng cạnh những đồng lúa ngập nước. Khi chúng tôi rời khỏi nhà, có một cái gì trên cao đập vào mắt tôi. Tôi thấy có người đang ngồi như treo người trên những ngọn dừa cao. Hình ảnh này nhắc nhở tôi rằng chúng tôi đang ở trong tay những người kiểm soát khu vực này.

Nhưng chuyến đi bộ cũng chỉ kéo dài vài phút. Tiếng một động cơ đầu đó và rồi chúng tôi đến chiếc Land Rover đang đậu chờ chúng tôi. Chúng tôi được lệnh lên xe trước, ngồi vào cái băng ghế dài gần bánh xe sau và một cái thùng trên sàn xe. Khoảng giữa chúng tôi và tài xế là nơi chất đầy những đồ dùng linh tinh. Khi tôi thử co chân lại thì chạm phải hai nòng súng trường.

Anh Tư ngồi băng trước với những người du kích. Người lính có khuôn mặt

gầy - người đã ngăn không cho đánh chúng tôi đêm đầu tiên - ngồi bên cạnh tôi, khẩu súng lục bên hông của anh ta chạm vào hông tôi. Khuôn mặt của anh như tỏ vẻ lạnh lùng dưới nón cối vải ka ki. Anh phớt lờ chúng tôi. Bên cạnh anh, tôi nhận ra người du kích Campuchia to lớn nhờ kích thước và khuôn mặt rộng với đôi môi dày. Khi anh ta đốt thuốc, tôi thoáng thấy hàm răng vàng ánh lên. Anh chống báng súng cạc-bin xuống sàn xe và kẹp nó giữa hai đầu gối.

Tiếng một chiếc xe máy đến gần. Nhìn qua cánh cửa sau đang mở của chiếc Land Rover, chúng tôi thấy rõ một người đi xe chở theo một du kích với khẩu súng trường khoác sau lưng. Họ dẫn đường và chiếc xe chở chúng tôi rời khỏi lối mòn nhỏ. Một cách kín đáo, tôi cố gắng định hướng bằng cách thỉnh thoảng liếc nhìn ra bên ngoài khi xe liên tục rẽ phải, dựa theo mặt trăng hay sao Bắc Đẩu. Chúng tôi chủ yếu đi về hướng bắc và hướng tây, nhưng tôi không thể nào tính được khoảng cách bao xa, bởi vì không cách gì biết được vận tốc hay thời gian di chuyển.

Đúng là một hành trình thầm lặng. Không ai buồn nói chuyện khi xe chạy. Thỉnh thoảng, y như đêm đầu tiên, ánh sáng của đèn pin nhấp nháy từ những lùm cây, và một trong những du kích trên xe bấm đèn ra hiệu đáp trả. Chúng tôi dừng lại và nhiều bóng đen bước tới gần xe, thì thầm chuyện gì không rõ. Cũng có lúc chúng tôi phải chờ cho xe gắn máy dẫn đường chạy trước, có lẽ để dò đường. Thảng hoặc chúng tôi nghe tiếng lanh canh ở bình xăng và đoán rằng đó là tiếng những vỏ chai rượu cũ mà người trong vùng Đông Nam Á thường dùng đựng xăng. Thỉnh thoảng, sau khi thầm thì trao đổi với nhau, những người bắt giữ chúng tôi cho xe quay ngược lại và chúng tôi biết họ đã lộn đường.

Xa xa phía chân trời, những ánh hỏa châu lóe sáng, lúc thì bên trái, lúc sau

lưng chúng tôi. Những đơn vị lính Mỹ vẫn thường bắn hỏa châu sáng rực, rơi từ từ trên không nhờ những chiếc dù nhỏ, để giúp phát hiện vị trí của địch. Nhưng trái hỏa châu này có lẽ được bắn đi từ hai căn cứ Mỹ mới lập bên trong đất Campuchia mà tôi có dịp viếng thăm bằng trực thăng vài ngày trước, nơi lính Mỹ khai hoang khu rừng để đặt đại bác.

Lúc này chúng tôi đang đi ngang qua một đoàn người xếp hàng một đi dọc hai bên đường. Có cả phụ nữ và trẻ em mang vác những bao đồ nặng, nồi niêu, xoong chảo và những chú gà bị trói chặt hai chân lại với nhau. Xe dừng lại nhiều lần để hai du kích phía sau giúp những phụ nữ có con nhỏ leo lên tìm chỗ ngồi trên băng ghế hay dưới sàn xe. Tôi đếm trong xe lúc này cũng đến 16 người. Có những du kích quân lẫn trong đoàn bộ hành. Dưới ánh sáng mờ mờ, tôi nhận ra những khẩu súng trường và các-bin của họ. Hình như họ không mặc quân phục. nên tôi không thể đoán họ thuộc lực lượng Việt Nam hay Campuchia. Vài người phải bẻ cành cây làm gậy chống. Những lúc xe chạy chậm lại họ chạy theo, hy vọng được đi nhờ xe. Người đàn ông có khuôn mặt gầy không cho họ lên xe, nhưng đã tiếp nhận một số hành trang của họ, cố tìm cách nhét vào những khoảng trống còn lại trên xe.

Điều mà chúng tôi chứng kiến chính là một cuộc tản cư của dân làng và du kích Campuchia để tránh những cuộc tấn công của lính Mỹ và Sài Gòn dọc biên giới phía Đông. Có lần tôi đếm có khoảng 200 người lính. Ở một điểm khác, tôi thấy có khoảng từ 50 đến 60 du kích ngồi nghỉ chân hai bên đường.

Miền quê hiện ra mờ mờ. Đôi khi ánh hỏa châu soi sáng những cánh đồng lúa ngập nước trải dài đến tận chân trời. Thỉnh thoảng đường đi băng qua những cánh rừng rậm đến nỗi dây leo và cành cây quét vào tấm bạt phủ xe. Đôi lúc xuất hiện những dãy cột hàng rào được quét vôi trắng và tôi đoán chúng tôi đang đi qua những đồn điền cao su của người Pháp.

Trời vẫn còn tối. Có thể chúng tôi đã chạy được hai tiếng, cũng có thể năm tiếng không chừng, khi chúng tôi dừng lại trước một căn nhà gỗ lớn, rồi người đàn ông có khuôn mặt gầy bảo Mike (dịch cho chúng tôi) lấy xà-rông che mặt lại. Qua tấm vải che, chúng tôi thấy chừng chục người du kích và dân làng đang nói chuyện với nhau. Một người rọi đèn pin vào trong xe. Người mặt gầy ra lệnh cho tất cả mọi người rời khỏi xe. Những phụ nữ bước xuống với con cái và đồ đạc. Chúng tôi chuyển những túi quân trang ra chất thành đống trên đất. Anh Tư đi vòng ra sau xe và bảo Mike rằng chúng tôi phải nhanh chóng ra khỏi xe và theo lối cầu thang vào nhà.

Căn nhà xây giống một kho thóc. Chúng tôi được dẫn đến một phòng riêng phía sau. Chiếc giường lán này là nhiều tấm ván rộng dày khoảng bảy phân kê sát nhau trên hai ngựa gỗ. Anh Tư và một bé trai Campuchia trải lên hai tấm nệm giường và cậu bé mang cho chúng tôi mỗi người một cái gối, cỡ bằng một viên gạch lớn, và cũng cứng như gạch. Chúng tôi quá mệt và ê ẩm sau cuộc hành trình nên chìm ngay vào giấc ngủ.

Kho Thóc - chúng tôi đặt tên cho nơi ở mới như thế - trông bụi bặm và hoang tàn. Sau khi đi dạo quanh nhà vào sáng sớm như thường lệ, chúng tôi thấy trên tường bức ảnh đã ố chụp hai vợ chồng cùng mấy đứa con ăn mặc theo kiểu Âu. Ngoài phòng trước rộng hơn, các du kích vẫn còn ngủ trên những chiếc chiếu trải dưới đất có một cái bàn cao với những cuốn vở học sinh. Có thể từng có một thầy giáo dạy học ở đây hay một điền chủ ghi nợ của những tá điền. Người ta dùng chiếu che cửa sổ, nên chúng tôi chỉ có thể nhìn ra ngoài qua những kẽ hở nhỏ. Nước xài lán này được cải thiện tốt hơn một chiếc lu bằng đất nung chứa đầy nước, với một thau đồng để trên cái giá đỡ bằng gỗ.

Chúng tôi bắt đầu làm quen với cuộc sống thường nhật. Tập thể dục vào

sáng sớm trời còn lạnh. Tôi bẻ cong người, vươn tới, thở và làm vài động tác hít đất. Beth tập rất căng bằng cách nằm dài với hai chân đưa lên cao đập xe đạp, nhưng thỉnh thoảng cô cũng đứng thẳng, xoay vai từ từ trong một động tác xoay vòng mà tôi chê cô làm chưa đúng. Mi ke - một chàng trai 24 tuổi, cao, vạm vỡ, như muốn lắc cả ngôi nhà, khi tập động tác bụng và hít đất khoảng 50 lần một lượt. Anh ấy khoe đã từng là vận động viên chạy đường trường lúc ở Dartmouth, và tôi cảm thấy bớt buồn về cơn mệt đứt hơi trong ngày đầu tiên bị bịt mắt và kéo chạy đi.

Sau bữa ăn sáng với cơm nóng, trà và vài miếng thịt hầm, chúng tôi tiếp tục viết tờ khai, tranh thủ lúc nghỉ nói chuyện với nhau hay học thêm tiếng Việt. "Lớp học ngôn ngữ" đã dẫn đến một sự cố nhỏ. Một thanh niên Campuchia mặc sơ-mi trắng đứng ngay cửa ra vào cau mày nhìn chúng tôi vài phút, và rồi nói với Mike với giọng quở trách bằng tiếng Việt: "Đây không phải Việt Nam. Đây là Campuchia." Mike bảo anh ta rằng chúng tôi cũng mong sẽ học tiếng Campuchia nữa, nhưng chàng trai chỉ quay mặt bỏ đi.

Đôi khi chúng tôi nghe tiếng súng và tiếng bom nổ từ xa. Lúc là những tràng súng máy dồn dập, có khi là tiếng ì ầm của đại bác. Vào sáng sớm hay lúc xế chiều, chúng tôi còn nghe cả tiếng bom bất thường của B-52, mà mỗi quả có thể đào một hố bom bằng cả ngôi nhà.

Tiếng gầm rú của máy bay thường từ xa vọng lại và đôi khi có cả tiếng phần phật của trực thăng gần nơi ở của chúng tôi. Đã có hai lần chúng tôi phải bò dưới giường, nằm dưới nền đất bẩn với hy vọng những tấm ván giường sẽ che chở chúng tôi tránh đạn pháo kích.

Vào xế chiều, anh Tư mang đến một nồi cơm nóng và một ấm trà. Chúng tôi lại viết, cố gắng nhớ lại ngày tháng và nơi chốn của các bài mà chúng tôi đã viết về cuộc chiến tranh, cũng như những nguồn tham khảo khác trên thế

giới. Cuối cùng, vào buổi tối, chúng tôi được đi ra ngoài, từng người một, và đó là cơ hội để giặt giũ quần áo. Rồi lại viết, dưới ánh đèn dầu. Rồi đi ngủ.

Cũng tại Kho Thóc này lần đầu tiên Beth có kinh nguyệt kể từ khi bị bắt.

Mike phải khó khăn lắm mới giải thích vấn đề tế nhị này với anh Tư, vì từ vựng tiếng Việt của Mike không đủ. Ở Việt Nam, anh ấy chủ yếu dùng tiếng Việt để nói chuyện chính trị, và anh biết nhiều thuật ngữ đại loại như "phe đối lập không cộng sản" hay "đế quốc Mỹ", nhưng anh lại không biết những từ đơn giản như "máu" hay "băng vệ sinh". Tuy vậy, cuối cùng, anh Tư cũng hiểu ra: "Ô, đó chỉ là chuyện bình thường của phụ nữ Việt Nam hàng tháng thôi mà." Rồi anh mang tới một cuộn băng gạc thô. Beth dùng cả hai chiếc khăn tay trắng của tôi, mỗi lần một chiếc thay nhau, quấn quanh miếng gạc, rồi buộc chúng lại bằng hai kim gút an toàn mà tôi tìm thấy trong túi dụng cụ vệ sinh của tôi. Cô xử lý vấn đề này một cách đơn giản, sau đó giặt chiếc khăn tay thật sạch, phơi trên sợi dây ở góc xa căn phòng. Cô đã làm những việc ấy còn gọn hơn là việc cạo râu an toàn của tôi và Mike. Số là chúng tôi chỉ còn một đồ cạo râu loại cuộn, với ba lưỡi dao cuối cùng, vì những du kích đã thu giữ dao cạo hai lưỡi kiểu cũ. Tôi còn có một miếng xà phòng cạo râu, nhưng bàn chải thì mất biến. Chúng tôi nhất trí không để râu tóc mọc dài, sợ mất lòng các du kích vì họ luôn để râu tóc sạch gọn. Chúng tôi nhất trí nếu hai hay ba ngày cạo râu tóc một lần, chúng tôi sẽ giữ được vẻ ngoài đàng hoàng mà dao cạo râu cũng như xà phòng cũng đủ xài trong một thời gian lâu. Mỗi lần như vậy chúng tôi phải quỳ trên sàn, dùng chiếc gương soi bỏ túi của Mike, chiếc thau đồng và sau đó, cọ rửa thật kỹ lưỡi dao cạo bằng một miếng tre.

Vào một buổi chiều, Mặt Sắt quay trở lại, sau khi chúng tôi đã nộp tờ khai. Ông đi cùng một thanh niên nói được tiếng Pháp nhưng lại có thói quen rất

chán là che miệng khi nói. Mặt Sắt nói với Mike bằng tiếng Việt, vẫn những câu hỏi đầy nghi ngờ như trước. Mike lại giảm nhịp độ bằng cách dịch những câu hỏi ra tiếng Anh. Trong khi đó, người kia với giọng đều đều đơn điệu, bảo với Beth rằng, căn bản là chúng tôi nên khai sự thật một cách chính xác về bản thân mình, rồi anh còn nhận xét rằng máy ảnh của chúng tôi rất lạ, không phải là loại mà các nhà báo thường dùng.

Mặt Sắt có vẻ cứng rắn hơn mọi lần. Lần này, tôi đã nghe hơi rõ được tiếng Việt, nên nhận ra giọng miền Bắc của ông, với âm “z” và “v”, sắc hơn.

“Chúng tôi nghi ngờ các anh là những nhân viên Mỹ”, ông bảo Mike.

"Điều đó có nghĩa là gì?" Mike hỏi.

“Các anh chắc chắn là nhân viên của Chính phủ Hoa Kỳ. Dù chúng tôi chưa nắm rõ các anh là người của CIA, quân đội hay tị nạn”^[2], nhưng chúng tôi đối xử với các anh như những nhân viên Mỹ."

Chúng tôi vẫn không chắc chuyện ấy có ý nghĩa gì, nhưng có vẻ như chúng tôi thậm chí không được cho phép hưởng quy chế tù nhân chiến tranh, chứ đừng nói được chấp nhận là nhà báo. Có nhiều khả năng rõ ràng là họ sẽ xử chúng tôi như những tên gián điệp.

Phiên thẩm vấn gây hoang mang như mọi lần, và sau đó, chúng tôi lại nhận thấy nguy hiểm hình như thay đổi luân phiên. Lúc thì máy bay và pháo binh Mỹ, lúc thì bị những người du kích coi là gián điệp. "Kẻ thù" khi thì Việt Cộng, khi thì quân Mỹ.

Chúng tôi vội vã rời khỏi Kho Thóc sau buổi chiều ngày thứ ba, khi rõ ràng nguy hiểm trước mắt đến từ phía người Mỹ và chúng tôi cùng những du kích chia sẻ mối quan tâm chung là tránh nó. Anh Tư dẫn đường như thường lệ,

chúng tôi đi bộ theo hàng một xuyên qua những đồng lúa khô cạn chia cắt bởi những hàng dừa cao và đôi khi là những lùm cây nhỏ. Tiếng trực thăng xa xa và tôi than phiền với Mike rằng thật ra chúng tôi có thể đi nhanh hơn. Nhưng hình như những du kích biết rõ họ nên làm gì. Khi chúng tôi đến gần một lùm cây, tôi thấy một chòi canh trên cây dừa và một chiếc hầm mới đào sát hàng dừa. Chúng tôi chờ dưới bóng cây trong khi người mặt gầy tiến lên trinh sát phía trước.

Khi ông trở lại và cho biết là an toàn, chúng tôi liền băng qua khoảng đồng trống hơn để tiến vào cụm nhà dân cư rải rác kể đó. Chúng tôi được đưa đến căn nhà đầu tiên, mái lợp tranh, bước lên thang vào căn phòng chính đầy bóng tối. Dưới ánh sáng lờ mờ, tôi nhận thấy cả gia đình người Campuchia quây quần ở lối đi, trong khi chúng tôi lặng lẽ rẽ vào căn phòng bên phải, không cửa sổ, một phòng kho kín bưng nơi chiếc chiếu tốt nhất của cả nhà đã trải sẵn cho chúng tôi. Chỉ lưu lại mười lăm phút, sau đó tiếp tục di chuyển bằng xe găn máy, đến một ngôi nhà mới to lớn, với mái tranh vàng sạch và nền được lát bởi những thanh tre với mặt ngoài đánh bóng. Người nông dân Campuchia và vợ không để ý chúng tôi, nhưng cô con gái ở lứa tuổi thiếu niên chỉ giả vờ may vá, nhưng rồi lại bỏ công việc sang một bên, và bước lại gần chiếc chiếu, nhìn vào mặt chúng tôi khi chúng tôi đang thì thầm to nhỏ.

Ngày hôm đó chúng tôi còn phải di chuyển một lần nữa, đi bộ sang một căn chòi khác - nơi ở của một cụ già Campuchia hút cần sa quấn trong lá dừa. Cụ tỏ vẻ thán phục thân hình của Mike khi thấy chúng tôi tập thể dục. Lúc đêm xuống, cụ dạy chúng tôi những từ tiếng Campuchia chỉ những bộ phận trong cơ thể kể cả những xương đốt ngón tay, cho đến khi anh Tư trở lại và nhẹ nhàng yêu cầu cụ già ra ngoài. Chúng tôi đoán có lẽ anh Tư nghĩ rằng sự thân mật như thế là quá đủ.

Anh Tư kể cho chúng tôi những gì đã xảy ra: “Xe tăng, trực thăng Mỹ và quân đội Sài Gòn tấn công ngôi nhà nơi chúng tôi đã ở. Chúng đã giết cả gia đình và phá hủy căn nhà. Ở đây chúng ta vẫn còn an toàn được một thời gian. Họ sẽ chờ ở đó hai hay ba ngày trước khi tiến xa hơn.”

Mike cảm ơn anh Tư đã khéo léo đưa chúng tôi đi khỏi.

“Nếu chúng tôi không làm như thế, các anh đã chết rồi,” anh Tư thản nhiên nói.

Mỗi đêm trong hai hay ba đêm sau đó, chúng tôi lại di chuyển trên chiếc Land Rover mà các du kích đã “giữ lại” được trước cuộc tấn công của Mỹ và quân đội miền nam Việt Nam. Chúng tôi trải qua những ngày sau đó trong hàng loạt căn nhà khác nhau, mà chúng tôi đặt cho chúng những cái tên như “Nhà Rừng”, “Nhà Bọ” cho dễ nhớ. Nhà Rừng là một túp lều tranh dơ bẩn, với vách bằng lá dừa và một lỗ nhỏ bằng quyển sách làm cửa sổ. Một cơn mưa dông vào buổi tối khởi đầu cho một dàn đồng ca ếch nhái. Tôi và Mike ra ngoài lúc trời chạng vạng, vạch những cành cây đan nhau, những chiếc lá khổng lồ, những dây leo chằng chịt, cho tới khi bắt gặp một đầm lầy. Cảnh trí và âm thanh ở đây có vẻ lớn hơn cuộc sống bình thường - hình như giống bản sao của khu rừng ở công viên Disneyland hơn. Tiếng ủa ủa và khụt khịt của một con heo nái ở ngay phía dưới chỗ chúng tôi ngủ càng tạo thêm một cảm giác lạ.

Nhà Bọ là một ngôi nhà lợp ngói bề thế, nhưng chỉ có một phòng rộng ngoài cái phòng ngủ nhỏ kín mít dành cho chúng tôi sâu trong góc và một căn bếp cuối nhà. Sở dĩ chúng tôi đặt tên như thế là vì hàng ngàn con mối thi nhau bò lên tường và đu đưa trên mái ngói, cho đến khi tiếng sấm hay tiếng bom B-52 khiến chúng rơi lả tả như một cơn mưa nhẹ xuống chiếu, trên đầu và . . . bữa ăn của chúng tôi. Beth, ở tuổi 33, là một phụ nữ trẻ đầy tự chủ, và

kinh nghiệm của cô tại báo Christian Science đã giúp cô chịu đựng khổ cực và phiền hà. Tôi đã thấy một lần cô gần như suy sụp ở Nhà Bọ. Bất luận chúng tôi cố gắng thế nào khi dùng giấy viết che đồ ăn, một chú mối vẫn rơi đúng vào chén của Beth ngay lúc cô sắp ăn một miếng. Khoảnh khắc đó là lúc tôi nghe thấy cả nỗi thống khổ trong giọng cô: “Ôi, thật khổ thân tôi?”

Cảm giác không có ngày giờ bắt đầu tác động đến chúng tôi. Để nhớ, tôi gọi tên ngày của tuần và ngày của tháng vào mỗi buổi sáng và chúng tôi thường tìm một chuyện gì đó khác thường để đánh dấu mỗi Thứ Năm, để biết thêm một tuần nữa trôi qua kể từ ngày Thứ Năm đầu tiên bị bắt. Khó khăn của chúng tôi là không biết gì về kế hoạch hành động của những người bắt giữ chúng tôi hoặc thậm chí không biết họ có kế hoạch gì hay không. Lộ trình hình như bất định, lúc bắc, lúc nam, lúc đông, lúc tây, khiến chúng tôi không biết đường nào mà đoán. Phải chăng chúng tôi đang xuyên rừng để đến một căn cứ nào đó, hoặc đến Lào hoặc ngược lên đến Hà Nội. Hay phải chăng chúng tôi đang chạy lung tung để tránh những trận tấn công bằng máy bay hay bộ binh.

Chúng tôi vẫn dò tìm những dấu hiệu về điều sắp xảy đến với mình. Thịnh thoảng có những dấu hiệu nhưng lại không có điều gì xảy ra và chẳng đáng để lo âu. Một buổi tối, tại cái chòi của cụ già, Beth được du kích Campuchia hộ tống ra ngoài để tắm. Cô đi khá lâu. Tôi bắt đầu bồn chồn lo nghĩ không biết mình có nên đi tìm cô và mình sẽ làm gì nếu cô bị ngược đãi. Mike chắc cũng cùng suy nghĩ như tôi trong khi cả hai yên lặng chờ đợi. Rồi chúng tôi nghe giọng cô, khi cô quay về sau buổi tắm thoải mái dưới ánh trăng. Tôi bảo Mike: "Chúng ta phải thận trọng, đừng để trí tưởng tượng chạy quá xa!".

Một dấu hiệu khác giống như một điềm lành và rồi nó lại trở thành sự thật. Một đêm khi chúng tôi cùng anh Ba - viên trung úy mặt gầy - ngồi cạnh tôi

trên băng ghế hai bên thùng xe, rong ruổi trên chiếc Land Rover thì bất thần xe dừng lại. Như thường lệ, những bóng đen hai bên đường bước đến gần xe. Người du kích Campuchia cao lớn xuống xe, anh Ba cũng chuẩn bị xuống theo để trao đổi với những lính gác. Với một cử chỉ hoàn toàn hồn nhiên, anh tháo nịt súng, khẩu súng đã nạp đạn, và băng đạn đặt chúng trên đùi tôi rồi nhảy xuống xe. Nếu anh Ba nói được tiếng Anh, có lẽ anh đã nói với tôi: "Anh giữ chúng giùm tôi một lát nhé, Mac?".

Ba chúng tôi còn lại một mình với chiếc xe đầy súng đạn và giờ đây tôi còn có cả một khẩu súng nạp đạn nằm trên đùi. Tôi không chắc có phải họ đã tin chúng tôi hay nghĩ rằng chúng tôi không biết sử dụng súng, hay cho rằng chúng tôi thừa thông minh để không làm vậy. Cũng có thể họ thử chúng tôi. Dù thế nào đi nữa, chúng tôi đã vượt qua một quãng đường dài từ chỗ bị những mũi súng chĩa thẳng vào đầu vào buổi chiều đầu tiên.

4. NHỮNG NGƯỜI CÁCH MẠNG

Dân dà chúng tôi cũng trở nên quen thuộc với từng người trong toán đặc nhiệm nhỏ của chúng tôi.

Anh Tư, chàng trai có khuôn mặt đượm buồn thường mặc áo xanh da trời, quần xanh lá cây, người trực liếp phụ trách chúng tôi, thỉnh thoảng ngồi nán lại nói chuyện những lúc anh mang thức ăn sáng, bữa ăn tối hay quà vặt đến cho chúng tôi. Đôi khi anh hé cho chúng tôi vài mẩu tin thời sự. Một hôm, anh mang bánh mì Pháp và sữa bò đến và nói với chúng tôi bánh mì mua ở Việt Nam. “Chúng ta đang ở gần biên giới và người của chúng tôi mang những món này đến làm quà đó”, anh nói.

Một lần khác khi chúng tôi đang trả lời câu hỏi chúng tôi là ai và chúng tôi vào Campuchia bằng cách nào, thì bất ngờ anh Tư bảo tôi: "Nếu ông thật sự là trưởng văn phòng Washington của một tờ báo lớn, tôi rất hạnh diện được quen ông." Chắc chắn là anh Tư nói thật lòng, anh quá hiền lành và nghiêm túc nên không thể châm biếm được.

Một lần khác, anh ngồi xếp bằng bên cạnh chúng tôi và hỏi, giọng nhẹ nhàng và buồn bã: “Các anh có nhớ nhà không?” Câu hỏi nghe đầy thiện cảm. Mike trả lời : "Vâng, nhớ lắm!".

“Tôi xa nhà mười một năm rồi. Tôi không gặp và cũng không có tin tức gì về gia đình kể từ đó,” anh nói . "Một hay hai tháng cách biệt chẳng phải lâu đâu."

Làm sao chúng tôi biết rõ thật sự anh muốn nhả nhủ gì qua những lời nói

đó? Phải chăng đó là lời nhắc nhở rằng đừng quá buồn phiền vì sự chịu đựng của chúng tôi chẳng thấm vào đâu so với họ? Hay đó là một ẩn ý rằng chừng một hay hai tháng nữa chúng tôi sẽ được thả? Hay đơn thuần chỉ là một lời tâm sự về cuộc đời anh?

Có lẽ giả thiết cuối là đúng. Đề cập chuyện gia đình, anh chỉ nói tới cha mẹ già sống ở Đồng bằng sông Cửu Long, miền Nam Việt Nam, bởi vì, sau một thoáng im lặng, anh cho biết vợ anh đã bị giết trong cuộc thảm sát người Việt của quân Chính phủ Campuchia tại Prasaut, một thị trấn nằm trên đường chúng tôi đến Campuchia. Còn đứa con gái nhỏ đã được các đồng chí của anh mang đến một nơi khác nuôi dưỡng.

Anh Ba, lãnh đạo quân sự của toán đặc nhiệm, luôn mặc một bộ đồng phục ka ki gọn gàng thích hợp với đường nét gãy gọn trên khuôn mặt gầy, là một người ít nói, nhưng đôi khi lại đến chỗ chúng tôi và tự mình đốt cho Mike một điếu thuốc Campuchia với cái bật lửa hiệu Zippo, rồi ngồi lại vài phút, cùng mơ màng nhả khói. Dù anh Ba rất kín đáo, chúng tôi đã nghĩ về anh như một người đáng tin cậy vào những lúc nguy hiểm. Anh luôn luôn cảnh giác, luôn là người đầu tiên nghe thấy tiếng máy bay trực thăng. Mạng sống của chúng tôi hầu như phụ thuộc vào tài năng quân sự của anh.

Thỉnh thoảng chúng tôi nghe các du kích quân gọi nhau bằng tên thật, nhưng chúng tôi nghĩ tốt nhất là nên theo cách dùng bí danh của họ. Anh Ba có nghĩa là “người anh thứ ba” và anh Tư là “người anh thứ tư.”

Còn người lính Campuchia không có bí danh. Vì an toàn của chính anh ta, chúng tôi quyết định đặt cho anh một cái tên khi viết về anh: Ban Tun. tiếng Campuchia có nghĩa là “người tốt”. Nhờ một du kích người Việt biết tiếng Campuchia, Ban Tun kể cho chúng tôi anh từng là một sĩ quan cận vệ của Thủ tướng Lon Non. Khi cuộc đảo chính ngày 18 tháng 3 (năm 1970 - ND)

xảy ra, anh bỏ việc để tham gia cách mạng. Anh phải để lại người vợ đang mang thai ở Phnom Penh - nơi anh đã có nhà cửa và cả một chiếc xe hơi riêng. Anh đeo một sợi dây với hai tượng Phật nhỏ dưới cổ áo.

Anh rất khỏe và hài lòng về sức mạnh của mình. Anh thường thách người khác vật tay và anh luôn luôn buộc đối thủ phải thua cuộc. Vào mỗi sáng, Beth hay để ý thấy anh nhảy lên nhảy xuống, rồi nhìn quanh xem có ai nhìn mình không. Cô ấy thán phục đôi vai khỏe mạnh, khuôn mặt chữ điền mạnh mẽ của anh, và thường nhắc đi nhắc lại rằng anh ta đúng là người mẫu cho một nhà điêu khắc.

Hình như Ban Tun là người giữ vị trí thấp nhất trong đội đặc nhiệm. Anh không mang súng và thường có nhiệm vụ nhóm lửa hay múc nước giếng. Thoạt đầu Mi ke cho rằng anh ta bị đối xử chẳng khác nào chú Tom^[3] phần lớn những cuộc trao đổi giữa chúng tôi với Ban Tun trong hai tuần lễ đầu tiên thường là nhại tiếng của nhau. Một đêm, sau khi đã ngồi trên xe nhiều giờ, anh dạy cho chúng tôi nói chữ hot nuh, lặp đi lặp lại và nhấn mạnh âm cuối "hót - NUH" - như thể anh ta rất khổ sở. Cuối cùng chúng tôi cũng hiểu chữ đó có nghĩa là "mệt". Lúc dạy cho chúng tôi từ "uống trà", anh cũng tranh thủ học nói từ đó bằng tiếng Anh. Thoạt đầu là "br- r-rink tea", cho đến khi chúng tôi sửa bằng được để anh có thể phát âm đúng. Thật mệt, và chúng tôi đùa anh bằng chính từ anh vừa dạy: hot nuh.

Nhân vật thứ tư của đội mà chúng tôi sẽ gọi là Wang, một người Miến lai nửa Hoa nửa Việt. Anh nói tiếng Campuchia rất sôi khiến người nghe chuyện tin ngay là nhà anh ở thủ đô Phnom Penh. Anh nói anh đã tham gia cách mạng được hai năm. Chúng tôi cũng biết, từ một người khác, rằng Wang xuất thân từ một gia đình rất giàu có. Wang rất thân thiện, mặc dù không nhiều lời. Một lần, tình cờ anh nghe Beth hát một khúc nhạc của Mozart, anh đã huýt

sáo lại bài đó và nói anh đã từng học nhạc phương Tây. Wang vào khoảng gần 30 tuổi và hầy còn độc thân. Anh phụ trách hậu cần của nhóm và thường lên danh sách các món hàng phải mua trên một mảnh giấy nhỏ, rồi tự mình chạy xe gắn máy, không quên khẩu súng trường vắt vẻo sau lưng, chạy đến một thị trấn gần đó mua nào là trà, xà phòng, muối, đường, tiêu và có thể vài cục pin mới. Thịnh thoảng, không tìm đâu ra xà phòng, nhưng thực phẩm thì không bao giờ thiếu.

Trong bốn người này, hai là những chiến sĩ cách mạng Việt Nam giàu kinh nghiệm, một sĩ quan Campuchia đào ngũ và một người Miên gốc Hoa-Việt ít kinh nghiệm đã được chọn cẩn thận cùng canh gác và hộ tống chúng tôi, do đó không thể cho rằng họ là một mẫu ngẫu nhiên của quân đội du kích. Thế mà họ chỉ được tập hợp trong vòng một tiếng đồng hồ hay đại loại như vậy, ngay trong vùng ở gần nơi mà chúng tôi được chiếc xe tải bất ngờ thả xuống vào đêm đầu tiên. Chúng tôi cảm thấy rằng họ có những giá trị giống như hàng trăm người khác mà chúng tôi đã từng thấy nhưng chưa được quen biết.

Nhân vật thứ năm của đội đặc nhiệm năm người này gia nhập một tuần sau đó, rõ ràng được phái đến từ bộ chỉ huy cấp cao, để phụ trách công tác tư tưởng, tức là để đánh giá chúng tôi có các biện pháp cải huấn cần thiết.

Đó là anh Hai (người anh thứ hai) đi cùng một người lính có thân hình ốm tong teo với tật co giật ở mắt và má trái. Tháp tùng họ là một phóng viên ảnh người Việt với cái máy ảnh Nhật 35 ly loại tốt. Lúc đó, chúng tôi đang ở tại Nhà Rừng. Hai chiến sĩ đang ngồi xếp bằng ngay cửa chính. Chiếc mền treo trên một sợi dây làm màn, ngăn tầm nhìn từ bên ngoài, đã được kéo hé sang một bên, và một đám người gồm những du kích trẻ Việt Nam, đàn ông, phụ nữ và trẻ em Campuchia tò mò nhìn vào khi chúng tôi đang nói chuyện. Người phóng viên ảnh ngồi sau các chiến sĩ, bấm máy lia lịa trong ánh sáng

hoàng hôn mờ nhạt. Nếu anh không xài phim tốc độ nhanh, cố gắng của anh sẽ trở thành vô ích.

Đó là một cuộc thăm vấn, nhưng lại hoàn toàn khác với những lần trước. Anh Hai là một người Việt có đôi má tròn, mái tóc muối tiêu cắt gọn ghê và một vẻ ngoài thông minh, lạnh lẽ. Hình như anh hoàn toàn ý thức về sự kính trọng dành cho tuổi tác và cấp bậc của anh. Thay vì chất vấn, anh trò chuyện với chúng tôi như thể anh muốn làm quen hơn là muốn tìm cách bẫy cho chúng tôi mắc sai lầm khi kể lại câu chuyện của chúng tôi.

Anh tỏ ra thích thú khi tôi nói tôi quen Wilfred Burchett, và cho rằng điều này có thể giúp giải quyết vấn đề. Người phóng viên ảnh - thuộc loại mau miệng, bảo anh ấy cũng quen với Burchett và từng tháp tùng nhà báo người Úc này khi ông vào vùng giải phóng ở miền Nam Việt Nam với Việt Cộng. Họ hỏi chúng tôi có biết Michèle Ray, người mẫu thời trang Pháp và là một nhà văn không chuyên, đã từng bị bắt và sống chung với Việt Cộng nhiều tuần tại miền Nam Việt Nam. Tôi đã điểm cuốn sách của bà, nhưng không ai trong chúng tôi quen bà cả. Lôi ra một cuộn giấy vấn thuốc và thuốc rê, anh mời Mike một điếu, vấn cho mình một điếu, rồi bắt đầu nói tóm lược về mình. Anh nói anh đã tham gia cách mạng 25 năm trước, khi còn là một nông dân 19 tuổi, với ba năm đi học. Như vậy, nay mới 44 tuổi, anh đã là một chiến sĩ cách mạng lão thành, từng đánh Nhật (khi đó Chủ tịch Hồ Chí Minh có lúc là đồng minh của Hoa Kỳ), đánh Pháp và giờ đây là đánh Mỹ.

Anh nói đã tham gia 100 trận và bị thương bốn lần. Từ lâu anh đã học cách sống với nguy hiểm của chiến tranh, kể cả những trận bom sấm sét của máy bay B-52.

"Nếu bạn trải qua một trận bom B-52, bạn sẽ không còn sợ nó nữa," anh nói. "Chúng tôi không sợ bất cứ một loại vũ khí nào của Mỹ. Linh tính luôn

báo cho chúng tôi khi nào thì máy bay B-52 dội bom và kịp thời tránh nó."

Anh làm động tác chống chân tay trên đất, trườn tới trườn lui để chỉ cho chúng tôi cách mà anh chịu đựng sức nổ của những trái bom khổng lồ. Anh từng trải qua ba trận oanh tạc của B-52.

Lúc đó, chúng tôi không thể biết bao nhiêu là tuyên truyền, bao nhiêu là sự thật trong câu chuyện của anh. Nếu anh nói thật thì điều đó giải thích tại sao các máy bay bỏ bom chiến lược không hoàn thành nhiệm vụ trong chiến tranh Việt Nam và người cũng như khí tài từ miền Bắc vẫn đổ vào Nam và Campuchia qua Lào, bắt chấp hàng ngàn tấn bom rải thảm dọc đường mòn Hồ Chí Minh của không lực Hoa Kỳ.

Sự có mặt của anh Hai giúp chúng tôi cảm thấy ít bị cô lập và có một vị thế tốt hơn để tìm hiểu trong thời gian bị bắt. Vài ngày sau đó - ngày 19-5 - ngày chúng tôi chuyển đến ngôi nhà lớn có nhiều mối trên trần, đã xảy ra một sự thay đổi nữa. Anh Hai mang một ấm trà nóng bằng sứ có trang trí hình con nai và một người Hoa mập mạp và mời chúng tôi uống. Chắc hẳn anh cho rằng chúng tôi cần vui vẻ lên.

"Không có gì phải buồn," anh nói. "Chúng tôi không bao giờ giết tù nhân. Chiến tranh không phải để giết người mà để đạt được một lý tưởng. Chúng tôi tin rằng người xấu chỉ là những người bị lạc lối lầm đường. Những người Mỹ xấu chỉ vì thiếu hiểu biết mà thôi. Chúng tôi không thích giết người Mỹ, thậm chí là lính Mỹ. Chúng tôi biết rằng họ không hiểu hoàn cảnh của chúng tôi. Bất cứ ai cũng có thể giáo dục được. Khi bắt một người, chúng tôi hy vọng giữa chúng tôi và người đó sẽ không còn khác biệt".

Tôi tin sự bảo đảm của anh Hai ở nghĩa đen của nó và coi đó như một tin tốt lành cho chúng tôi. Anh chưa nói rằng chúng tôi được xếp loại là những

người Mỹ tốt, nhưng lời của anh là sự bảo đảm có thẩm quyền đầu tiên rằng chúng tôi sẽ không bị giết.

Ngày 19-5-1970 còn quan trọng vì một lý do khác. Đó là ngày Phật đản mà so với dương lịch thì thay đổi hàng năm giống như ngày lễ Phục sinh, và năm đó lại trùng hợp ngẫu nhiên ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau bữa ăn tối thường lệ, ăn trong đám mối rơi trong căn phòng kín không cửa sổ của chúng tôi, anh Tư mời chúng tôi đến gian chính của ngôi nhà. Chúng tôi ngồi uống trà trên sàn tre đã sậm màu và bóng lên do những bàn chân trần giẫm đạp cạnh chiếc cửa sổ mở rộng, trông ra những tàu lá chuối và những cây xoài hiện lên trên nền trời xanh thẫm phía xa. Nhìn qua một cánh cửa cuối ngôi nhà, chúng tôi thấy những rặng dừa và cái giếng nước mà chúng tôi đã tắm đêm trước. Chủ nhà - một nông dân cao lớn, tóc ão bạc, ngồi yên lặng cạnh cửa ra vào mở rộng, hút một điếu cần sa quấn bằng lá chuối và nhấm nháp một bình trà nhỏ, đựng trong chiếc vỏ gùi ẩm được làm bằng một quả dừa khô. ông chẳng có việc gì làm ngoài việc chờ mùa mưa đến, mùa cày xới và gieo mạ trên đồng. Bên ngoài, trên hàng hiên trước, những người Campuchia kể cả người phụ nữ có đôi mắt đen rất đẹp, đang thời kỳ thai nghén mà tôi đoán là con gái ông già nông dân đang chuyện trò với Ban Tun và vài ba du kích Việt Nam. Ánh sáng, không khí và khung cảnh thanh bình, tĩnh lặng càng làm cho tinh thần chúng tôi thêm phấn chấn.

Anh Tư ngồi xuống cạnh chúng tôi.

"Các anh có biết hôm nay là ngày gì không?" anh hỏi. "Đó là ngày sinh Bác Hồ. Các anh có biết Bác Hồ là ai không?"

Mike thoáng giật mình. Sau đó anh kể lại rằng có cảm giác tội lỗi giống như anh lại quên ngày Lễ Quá Hải ở nhà một người bạn Do Thái. Anh nói dĩ nhiên anh biết Bác Hồ là ai.

Chúng tôi cùng đi xuống tới cuối gian phòng rộng thoáng, gần cửa ra vào, có trải thảm mềm, khiến gian phòng thêm ấm áp và vui tươi. Anh Tư đãi chúng tôi bánh ngào đường - loại bánh thường ăn trong ngày lễ của người Việt. Những người hàng rong thường đẩy xe với bếp than và một cái chảo trên đường phố và trẻ em chạy ra mang theo gạo, đường và vài đồng. Thế là người hàng rong làm ngay cho các em một món bánh tuyệt vời.

"Tất cả chúng tôi đều mong muốn Bác Hồ đến Sài Gòn khi Bác còn sống," anh Tư nói. "Chúng tôi đã không làm được điều mơ ước đó. Chúng tôi rất buồn về điều đó. Bây giờ, chúng tôi phải chiến đấu dũng cảm hơn để bù đắp lại. Chúng tôi kỷ niệm sinh nhật Người bằng cách chiến đấu quyết liệt hơn giành độc lập, tự do cho tổ quốc và chống quân Mỹ xâm lược."

Anh lấy từ túi áo một cuốn sách nhỏ màu đỏ và cho chúng tôi xem. Ở trang bìa chạy một dòng tựa tiếng Việt theo lối chữ cổ: Tiểu sử tóm tắt của Hồ Chí Minh. Bên trong bìa là hình Chủ tịch.

Anh Tư nói: "Tất cả chúng tôi đều có cuốn sách này. Chúng tôi thường đọc để tưởng nhớ Người và công lao của Người. Bác Hồ có thể đã là nhà lãnh đạo Cộng sản quốc tế sau Lênin nhưng Người quyết định chọn con đường trở về Việt Nam làm cách mạng giải phóng dân tộc. Chúng tôi tiếp tục cuộc cách mạng và chúng tôi sẽ chiến thắng. Điều đó là chắc chắn. Cách mạng sẽ thành công. Khi chúng tôi đánh đuổi được quân Mỹ xâm lược, chúng tôi sẽ về nhà. Chúng tôi sẽ chiến đấu đến cùng, dù chỉ còn một người, để có ngày đó."

Anh Hai nói tiếp về tài nguyên phong phú của Việt Nam, như khoáng sản, gỗ và nông nghiệp. Anh tin vào tương lai tươi đẹp của đất nước anh khi hòa bình và thống nhất. Quay lại chủ đề Bác Hồ, anh đề cập tới chủ trương của Bác Hồ về giáo dục thực tiễn hơn là trí thức tháp ngà. Anh kể có lần Bác Hồ hỏi một anh kỹ sư nông nghiệp thời gian nào trong ngày là tốt nhất để tưới

nước và bón phân cho cây mau lớn. Người kỹ sư không biết. Bác Hồ nói ngay là buổi sáng và khuyên anh kỹ sư nên tránh lối học tách rời nhu cầu thực tiễn của nhân dân.

Trời tối dần, anh Tư thắp một ngọn đèn dầu nhỏ. Ánh sáng của nó cộng với ngọn đèn đặt ngoài cửa trước, cạnh cụ chủ nhà, phản chiếu trên sàn nhà sạch bóng, cho thấy rõ những đoạn nối của sáu hay tám thanh tre được cắt ra từ thân một cây tre.

Đã đến giờ đi tắm, anh Tư nói , và tối nay, cả ba chúng tôi được đi cùng nhau ra giếng. Chúng tôi được phép tắm giặt bao lâu tùy thích.

Sau đó, anh Hai thích thú nhìn khi tôi cột một tấm màn trong phòng để ngăn các con muỗi rơi xuống mặt khi ngủ. Tôi căng hai sợi dây dài cắt từ ruột bánh xe, nối từ tường tới cái ghế dài, dùng cái bao đồ của Mike và một miếng gỗ cũ chặn lên trên để khỏi tuột. Khi thấy tôi trải các tấm xà-rông lên phía trên, anh liền mở ba-lô lấy ra một tấm ni-lông xếp gọn và giúp tôi căng lên trên thay cho các tấm xà-rông. Nhờ vậy, chúng tôi đã được “bảo vệ” đáng kể, và đã trải qua một đêm ngon giấc. Ngôi Nhà Bọ không còn quá tệ hại nữa.

Những cuộc nói chuyện với anh Hai trở thành một công việc thường xuyên. Vài ngày sau, vào buổi sáng, trước khi chúng tôi ra đến gian phòng chính, anh ngồi gần cửa ra vào của căn phòng nhỏ của chúng tôi, mời chúng tôi uống trà và mời Mike tự vấn thuốc rê, rồi bắt đầu cuộc thảo luận xoay quanh đề tài chiến lược của cộng sản trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Mike khom lại gần ông, quan sát thật kỹ cử động của môi và nghe kỹ giọng nói để nắm chắc nghĩa tiếng Việt. Sau một vài câu, anh lại dịch ra tiếng Anh.

Mike thắc mắc tại sao mấy ngày vừa qua không khí quá yên tĩnh? Chúng tôi không nghe thấy tiếng ì ầm của bom hay đại bác. Thịnh thoảng chỉ có tiếng

máy bay quan sát vọng lại từ xa.

"Quân Mỹ đã di chuyển đến một cứ điểm khác," anh Hai trả lời "Chiến lược của người Mỹ ở Campuchia là không khó lắm để chúng tôi chống trả. Họ thường tập trung lực lượng vào một nơi, và khi họ di chuyển đến một nơi thì chúng tôi di chuyển đến một nơi khác. Chúng tôi chỉ việc tránh họ. Chúng tôi đã vô hiệu hóa đại bác và máy bay Mỹ. Quân Mỹ chỉ hao công tốn của mà không thể gây thiệt hại được cho chúng tôi."

Anh Hai nhắc lại rằng chính quyền ở Phnom Penh chắc chắn đã sụp đổ nếu quân Mỹ và lực lượng Sài Gòn không xâm lăng Campuchia để hậu thuẫn cho chính quyền đó. Nhưng xét về chiến lược, thì chính cuộc xâm lăng đó lại có lợi cho cách mạng.

"Trước hết," anh nói, "cuộc xâm lăng khiến nhân dân Campuchia và Lào đoàn kết chiến đấu chung với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chống quân xâm lược Mỹ. Thứ hai, các lực lượng Mỹ và Sài Gòn phải bị phân tán qua Campuchia, và điều đó giúp chúng tôi chiến đấu dễ hơn ở miền Nam Việt Nam. Cuối cùng, nó gây thêm khó khăn mới cho chính quyền Nixon ở Hoa Kỳ. Sự chống đối trong Quốc hội Mỹ và sinh viên mạnh mẽ hơn."

"Chiến lược của chúng tôi là dùng ít đánh nhiều", anh nói, gọi lại sự quay về với kiểu chiến tranh du kích thông thường sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân. Các lực lượng cách mạng đã rất thành công khi áp dụng kiểu phân tán mỏng ở Malaysia và sau đó ở miền Nam Việt Nam, đưa đến việc quân chính phủ muốn có lợi thế quân sự thì phải có quân số đông gấp mười lần quân du kích. Khi tạo được sự tự tin ở miền Nam, họ củng cố các trung đoàn thậm chí sư đoàn tiến hành cuộc tấn công năm 1968 nhằm chiếm giữ Sài Gòn, Huế và các thành phố lớn. Cuộc hành quân không như ý muốn, nhưng gây một cú

sốc mạnh cho Mỹ, buộc Tổng thống Lyndon Johnson quyết định ngừng leo thang chiến tranh và ngừng oanh tạc miền Bắc.

Anh Hai cũng cho chúng tôi biết vài tuần nữa mùa mưa sẽ đến, khi đó các đại diện chính quyền và người ngoại quốc không thể ở chung với du kích nữa, bởi vì các chiến sĩ sẽ rời nhà dân, lủi vào rừng và các vùng quê để chuẩn bị cho một cuộc tập kích quân sự. Điều đó có ý nghĩa gì đối với chúng tôi? Tôi chỉ có thể đoán già đoán non. Có thể chúng tôi sẽ được đưa đến một trại tù binh chiến tranh. Cũng có thể chúng tôi sẽ sớm ãôi thả. Trong cả hai trường hợp, điều chắc chắn là những chuyến đi chung với những người du kích mà mỗi ngày mỗi thêm thú vị sẽ chẳng còn kéo dài bao lâu nữa.

Tôi nhờ Mike hỏi anh Hai, có khi nào anh nghĩ rằng hòa đàm Paris sẽ trở nên quan trọng trong việc tìm ra giải pháp kết thúc chiến tranh.

“Hòa đàm Paris cũng giống như một sân khấu.” anh nói. “Đó chỉ là một nơi để người ta đưa các tuyên bố cho báo chí quốc tế. Nixon muốn phá vỡ hội đàm vì hội đàm tiếp tục sẽ khiến dư luận chú ý vào tầm quan trọng của chiến tranh Đông Dương, qua đó thế giới có thể biết rõ sự thật về cuộc xâm lược của Mỹ và chính nghĩa của phong trào giải phóng, vì nhân dân Pháp căm ghét chính sách của Mỹ và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với Pháp. Nhưng Nixon không thể phá vỡ hòa đàm vì sợ dư luận của nhân dân Mỹ và thế giới.”

Anh Hai còn nêu một lý do bất ngờ khiến anh nghĩ rằng Tổng thống Nixon không thể phá vỡ hòa đàm, đó là ý kiến của Johnson chuyển địa điểm hòa đàm tới Phnom Penh năm 1968, nơi mà hiện nay Mỹ đang tiến hành một cuộc xâm lược.

“Chính quyền Nixon giờ đây đang bị lúng túng thật sự ở Đông Dương,” anh

Hai nói.

Anh tin rằng cách mạng sẽ thành công ở Campuchia, Lào và miền Nam Việt Nam, và cho rằng chính phủ lưu vong của Hoàng thân Sihanouk đã có ba bộ trưởng và nhiều cán bộ nằm vùng bên trong Campuchia.

“Sihanouk đang ở Hà Nội. Ông đã từ Bắc Kinh đến ngày hôm nay.” anh Hai nói (Có lẽ, đó là ngày 22-5-1970) “hoàng thân sẽ không trở về Campuchia cho đến khi tình hình quân sự bảo đảm chắc chắn hơn.”

Hoàng thân muốn đến đó bằng đường hàng không, chứ không phải đi bộ như chúng tôi. Anh nói điều đó rất nghiêm túc với một nụ cười. Câu hỏi tiếp theo của tôi - một câu hỏi “méo mó nghề nghiệp” của một nhà báo - có thể khiến anh Hai không còn muốn nói chuyện thoải mái. Đó là: Liệu Hoàng thân có trở về Campuchia trước khi chính quyền Phnom Penh sụp đổ? Anh Hai đã thẳng thừng gạt câu hỏi đó qua một bên, nói: "Đó là bí mật quốc gia. Tôi biết tôi cũng không thể nói với các anh."

Hình như để đánh trống lảng, anh nói rằng nói chuyện là một cách hay để xua đi nỗi buồn. Anh quay ra kể về niềm vui và nỗi buồn trong cuộc đời của một chiến sĩ cách mạng.

“Một chiến sĩ cách mạng hoặc không có gia đình hoặc phải rời xa gia đình,” anh nói . “Chiến sĩ cách mạng coi nhân dân là cha, mẹ, anh chị em của mình. Khi cách mạng thành công, người cách mạng sẽ về nhà đoàn tụ với gia đình và sống một cuộc sống bình thường.”

"Người chiến sĩ cách mạng buồn khi nhân dân còn nghèo khổ, bị áp bức hay đô hộ. Nhưng nỗi buồn này không làm chúng tôi mềm yếu” (anh lấy hai tay ôm mặt), "mà thay vì vậy, chúng tôi biến nỗi buồn thành sức mạnh chống lại

ách áp bức và đô hộ."

"Người chiến sĩ chỉ vui khi nhân dân được giải phóng, khi xã hội tốt đẹp và phát triển, và khi giai cấp công nhân được chăm sóc tốt. Đây là điều trái ngược với đế quốc. Đế quốc chỉ vui khi chiếm nhiều quốc gia, bóc lột nhân dân và tài nguyên để làm lợi cho mình, vợ con mình và cuộc sống giàu có của mình."

Trong những buổi chuyện trò, thường vào ban đêm, ngồi xếp bằng với nhau quanh một ấm trà và cây đèn dầu lạc, anh Hai thích nói về sự tốt đẹp của cách mạng và một chiến thắng cuối cùng và chắc chắn.

"Cho đến giờ, các anh đã đi cùng chúng tôi khá nhiều, ban đêm trong xe tải và nhìn thấy chúng tôi sống ra sao." anh Hai nói. "Ở đâu không có Thiệu-Kỳ và Mỹ thì có chúng tôi. Chúng tôi có mặt dù trong một kẻ hở ở các vùng đất tạm chiếm. Không có chỗ cho họ vì chúng tôi có mặt khắp nơi. Chúng tôi sẽ đánh Mỹ dù chúng tôi chỉ còn lại một người, cho đến khi giành được độc lập cho Việt Nam, Campuchia và Lào."

Anh tin rằng Việt Nam sẽ là một nước giàu, có nhiều sản phẩm xuất khẩu sang các quốc gia cộng sản trên thế giới. Chiến tranh đã ngăn cản việc khai thác các tài nguyên của Việt Nam, ví dụ như gỗ và khoáng sản, nhưng công nghiệp và sản xuất vẫn phát triển ở miền Bắc, ngay cả dưới bom đạn oanh tạc của Mỹ, anh Hai nhấn mạnh.

Một dịp khác anh nói rằng chúng tôi có thể yên tâm về sự an toàn tuyệt đối dù máy bay và 20.000 lính Mỹ vẫn rình rập quanh đây, trong lãnh thổ Campuchia.

"Quân Mỹ vẫn dùng xe tăng chiếm giữ con đường chính," anh Hai nói. "Họ

không dám tiến sâu vào những vùng nhỏ như nơi đây. Chiến lược của chúng tôi là không giữ đất với bất cứ giá nào. Chúng tôi rút lui và chờ tấn công vào chỗ yếu nhất của đối phương."

Anh thường trích dẫn những bản tin đêm của đài BBC, tường thuật các trận đánh ở miền Đông Campuchia và các cuộc đào ngũ tập thể của các đơn vị quân chính phủ Campuchia để theo cách mạng. Tuy vậy, anh không tiên đoán một chiến thắng bất ngờ, ít nhất là khi quân Mỹ còn can thiệp ở đất nước Chùa Tháp.

Anh Hai tin tưởng tuyệt đối vào lý thuyết chiến tranh nhân dân và đó là chủ đề xuyên suốt các câu chuyện của anh với chúng tôi. Một hôm anh bảo chúng tôi vẫn còn nhiều người dân sống trong vùng tạm chiếm của quân Mỹ và Sài Gòn. "Không phải họ thích gì bọn chúng mà vì ở đó họ có thể tránh được bom đạn Mỹ. Họ vẫn tiếp tục giúp đỡ chúng tôi khi có thời cơ."

Riêng chúng tôi có thể nhận thấy rất rõ mối quan hệ tốt đẹp giữa dân làng Campuchia và du kích Việt Nam. Tại hầu hết các căn nhà mà chúng tôi lưu lại bao giờ cũng treo hình Sihanouk trên tường, ở chỗ trang trọng nhất gần bàn thờ Phật, chứng tỏ dân Campuchia vẫn ủng hộ vị hoàng thân lưu vong hơn là chính phủ Phnom Penh. Chúng tôi thấy Wang - người chiến sĩ gốc Hoa - trả tiền cho dân để mua rau và thịt. Còn gạo, thì chúng tôi được biết, do dân chúng tự nguyện đóng góp. Cũng có vài ngày lúc chúng tôi ở trong vùng khan hiếm lương thực, chúng tôi cùng các du kích giảm khẩu phần thường nhật của mình.

Các du kích luôn nhắc chúng tôi là dân quê Campuchia rất căm ghét người Mỹ vì lính và máy bay Mỹ gây ra chết chóc và tàn phá. Đây là lý do tại sao chúng tôi phải được che giấu cẩn thận: dân chúng không thể phân biệt người Mỹ tốt và người Mỹ xấu. Một hôm, khi vài dân làng nhìn thấy chúng tôi, thì

du kích giải thích với họ rằng chúng tôi là người Pháp đến giúp lloàng thân Sihanouk đánh đuổi quân Mỹ. Một lý do khác khiến họ phải che giấu chúng tôi vì họ sợ rằng tin tức về chỗ ở của chúng tôi sẽ rò rỉ ra bên ngoài tới quân Mỹ. Nhưng những gì trải qua trong buổi chiều đầu tiên khi bị dân làng đánh và chửi lúc đang bị bịt mắt, chúng tôi hiểu rõ rằng các du kích vừa phải bảo vệ chúng tôi trước dân làng lại vừa phải tránh các cuộc tập kích của quân Mỹ.

Một hôm anh Tư trao đổi nhanh với chúng tôi về tầm quan trọng của sự hợp tác giữa dân làng và du kích. Tôi nhờ Mike nói với anh Tư rằng chúng tôi biết ông Mao Trạch Đông từng so sánh du kích với dân như cá với nước. Tôi có ý qua câu nói này để biết phần nào thái độ của anh Tư đối với Trung Quốc. Nhưng thật hoài công, bạn sẽ không bao giờ bì được về kho tàng cách ngôn với người Á châu. Anh Tư nói: “Vâng, nhưng không có cá thì nước cũng vô ích.”

5. LỜI MỜI

Một buổi sáng lúc còn ở trong ngôi nhà lớn đầy mối trên trần, anh Hai hỏi chúng tôi có muốn viết tin tức không, mặc dù chưa có quyết định về việc chúng tôi sẽ được thả hay không. Anh nói du kích sẽ giúp chuyển những tin tức đó về tòa soạn để đăng. Mike như bắt được vàng vì sẽ được hành xử như một đặc phái viên, thay vì như một tù nhân nên anh chấp nhận ngay, chẳng màng dịch câu hỏi ra tiếng Anh để xem Beth và tôi có đồng ý hay không.

Tôi bị giăng co. Bất cứ một phóng viên nào cũng không muốn gì hơn là có tin hay để được đăng trên trang nhất. Đã khá lâu tôi chưa được hưởng niềm vui đó. Một vài tin tường thuật từ Bangkok, một vài cái khác từ Sài Gòn một tuần trước khi bị bắt nhưng không có gì đặc biệt. Trước đó, tôi bận đi nghỉ hai tuần với vợ và con gái tại Pháp và Ý, do đó không viết một dòng nào. Một bản tin từ nơi bị bắt giữ sẽ là một tin đặc biệt.

Nhưng không phải là không có bất tiện. Câu hỏi thật sự trong đầu tôi là liệu tờ Post-Dispatch của tôi có chịu đăng tin tức của một phóng viên đang bị bắt giữ làm tù binh không. Các biên tập viên sẽ chịu, không có cách nào biết được là phóng viên của họ có được viết tự do hay bị bắt buộc viết bóp méo, thậm chí tạo tin tức giả hay không. Tôi đã từng thảo luận điều đó với Marquis Childs, nhà bình luận và là tiền nhiệm của tôi ở vị trí trưởng đại diện của Post-Dispatch tại thủ đô Washington D.C, liên quan tới việc nhiều lần nộp đơn xin visa đi Hà Nội của tôi. Theo anh Marquis Childs thì thời gian tốt nhất để viết bài là sau khi từ Hà Nội về bởi vì những bài viết ở đó sẽ không thể phối kiểm. Hơn nữa, cho dù các biên tập viên nghĩ thế nào, thì các tin viết trong tù cũng bị kiểm soát tùy theo mức độ. Tôi không thể tránh khỏi suy

nghĩ rằng việc thả chúng tôi có thể chịu tác động bởi cái chúng tôi sẽ viết ra. Tôi sẽ bị giăng xé trong cuộc xung đột lợi ích y như một quan chức chính phủ có lợi ích trong một công ty mà ông ta phải xử lý hay một thẩm phán có quan hệ lợi ích với một bên trong phiên tòa. Chúng tôi - những nhà báo - luôn gay gắt phê phán những người đó và khó thể hạ thấp chuẩn mực cho chính chúng tôi.

Tôi bảo Mike vì hai lý do nêu trên, tôi không thể viết và gửi tin đi trong lúc bị cầm tù. Hình như Beth đồng cảm với tôi, nên cô nói cô không có ý định gì về việc đưa tin cả. Mike không đồng ý, anh nói anh cảm thấy sẵn sàng viết và gửi tin tức về nhà.

Mike nói là làm ngay. Anh dùng các tờ giấy vở có kẻ vạch mà anh Tư đưa chúng tôi viết tự khai, cả những tờ giấy vẽ khổ lớn mà du kích mang đến. Mike viết rất nhanh, lúc đầu nằm sấp trên sàn, kê gối dưới ngực, rồi lại ngồi dậy vào bàn - nơi mà ông chủ nhà để giấy tờ cá nhân và du kích để chiếc máy phát thanh xách tay nối tạm thời vào một ăng-ten cột dưới rui nhà.

Bài báo đầu tiên của Mike rất hay. Anh viết về sự hợp tác và tình hữu nghị ngày một nảy nở giữa dân làng Campuchia và du kích Việt Nam, như du kích đã trả tiền mua thực phẩm của dân làng, tự mình nấu nướng thay vì bắt dân phục vụ và chịu ở trong những căn nhà lụp xụp chung với heo gà và vật dụng làm nông, chứ không làm phiền các gia đình Campuchia quá mức cần thiết. Ngược lại, Mike mô tả cảnh tượng mà chúng tôi chứng kiến ở thị trấn Prasaut một ngày trước khi bị bắt. Khi dừng lại nghỉ tạm tại thị trấn biên giới này, chúng tôi thấy một trung đội lính Sài Gòn với hai xe tải nhà binh chở đầy ghế, giường, tủ và những đồ gia dụng khác - những vật dụng bị lấy ra từ những nhà dân dọc hai bên đường, cửa nẻo bị phá bung. Một toán lính khác áp tải một xe tải chạy về hướng kho gạo của thị trấn, rồi khuân những bao

gạo chất đầy lên xe. Một người lính đưa chúng tôi qua đường và chỉ vào một cái hố, rồi cho chúng tôi biết một trăm xác người đã bị thiêu sau khi bị giết trong một cuộc thảm sát dã man vài ngày trước. Người lính Sài Gòn này báo chúng tôi rằng đơn vị của anh ta quá bận rộn không thể chôn cất những người xấu số. Quá bận hơi của thì có, đúng ra anh ta nên nói như vậy, và Mi ke đã ghi lại điều này trong bài báo của mình.

Đó là một trong những bài báo mà bản thân tôi rất muốn viết. Bài viết thẳng thắn và đáng tin cậy, tôi hình dung, một lúc nào đó nó được chuyển đến hãng tin thời sự quốc tế Dispatch News Service ở Washington, sau đó, các báo sẽ đăng tải, kể cả tờ Post-Dispatch của tôi, trong khi đó tòa báo lại không nhận được thông tin gì từ tôi cả.

Nhưng tôi vẫn giữ quyết định của mình và bắt đầu viết một bản ghi nhớ gửi cho thư ký tòa soạn của tôi, anh Evarts A. Graham, Jr, hy vọng nó sẽ được chuyển tới St. Louis và là khả năng tốt nhất để thông báo cho các đồng nghiệp, Helen - vợ tôi và các con gái, rằng tôi vẫn còn sống và mạnh khỏe. Khi các chiến sĩ du kích đọc bản dịch tiếng Việt trước khi họ chuyển bản chính đi và đó cũng là cách để họ hình dung được các bài báo mà tôi sẽ viết nêu họ thừa nhận chúng tôi là những nhà báo. Cuối cùng khi tôi bắt đầu viết bản ghi nhớ cho tòa soạn, tôi chợt nhận ra rằng trong thời gian tôi viết, họ sẽ tưởng là tôi cũng đang viết báo như Mike thôi. Nhờ vậy sẽ trì hoãn được cuộc đối đầu do tôi không chịu viết báo trong lúc bị giam cầm.

Tôi còn lưu lại một bản ghi nhớ đề ngày 21-5-1970:

Chuyển đến tòa soạn báo St. Louis Post-Dispatch, St. Louis, Missouri, Hoa Kỳ.

Bản ghi nhớ gửi Graham

Tôi vẫn mạnh khỏe và an toàn sau khi vô tình đi vào vùng giải phóng Campuchia và bị bắt.

Hôm nay ngày 21-5 tôi được phép viết một bài báo. Tôi đã trả lời rằng tôi muốn viết sau khi các cuộc điều tra làm rõ tôi đúng là nhà báo và không phải nhân viên chính phủ Hoa Kỳ.

Các thành viên Mặt trận Giải phóng rõ ràng có quan hệ hữu nghị và đoàn kết với nhân dân Campuchia và Hoàng thân Sihanouk rất được lòng dân trong vùng chúng tôi ở. Ngược lại, nước Mỹ và Tổng thống Nixon bị căm ghét hơn bất cứ đâu trên thế giới, vì Mỹ xâm lăng Campuchia và bom đạn Mỹ đang giết hại thường dân.

Tôi mong mỗi được viết báo trở lại, càng sớm càng tốt, để kể về phía bên kia của cuộc chiến mà Nixon đang mở rộng ra toàn cõi Đông Dương. Khi nhân thân tôi được xác minh, họ nói sẽ cho tôi thấy nhiều khía cạnh của cuộc cách mạng và tôi hy vọng sẽ có thể phỏng vấn một vài nhà lãnh đạo. Tôi không biết bao lâu nữa tôi được chứng thực.

Cùng đi với tôi còn có Michael Morrow của hãng tin Dispatch News Service International và Elizabeth Pond của tờ Người hướng dẫn khoa học Đạo Cơ đốc (The Christian Science Monitor).

Chúng tôi được đối xử tử tế và bảo vệ an toàn khỏi các cuộc tấn công của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Tôi sẽ bắt đầu gửi bài ngay khi được chứng thực.

Thân ái

Richard Dudman.

Việc dùng từ thận trọng, thậm chí quá dè dặt, cũng phản ánh thói quen nói năng mà chúng tôi đã cố gắng rèn luyện để không đụng chạm các du kích hay tạo nên những xung đột không cần thiết. Đó cũng là kết quả của nỗ lực có chủ ý dùng những từ mà khi dịch ra tiếng Việt, nghe dễ chịu hơn. Do đó, thay vì "bị tù", tôi dùng chữ "bị bắt". Cuộc điều tra để xác minh "tôi không phải là nhân viên chính phủ Mỹ" thay vì "điệp viên CIA", bởi vì chữ CIA xuất hiện trên giấy có thể khiến cho các du kích chú ý. Còn cụm từ "Các thành viên Mặt trận Giải phóng" tốt hơn nhiều so với từ "miền Bắc Việt Nam" hay "Việt Cộng", bởi vì trong những bản tin chính thức từ Hà Nội không hề nói rằng có lực lượng cộng sản vào Campuchia.

Trong những ngày kế tiếp Mike viết được ba hay bốn bài báo, và cả ba chúng tôi tập thói quen hàng ngày là sử dụng vài giờ để viết Beth và tôi bắt đầu ghi chú chi tiết kinh nghiệm và quan sát của chúng tôi cũng như nội dung trò chuyện với những người du kích, trong lúc các điều ấy còn tươi rói trong tâm trí chúng tôi. Cho đến lúc này, chúng tôi vẫn rất dè dặt khi ghi chép vì sợ họ lại nghi ngờ rằng chúng tôi đang làm một điệp vụ bí mật. Lúc này họ đã mời chúng tôi bắt đầu viết, thì chuyện ghi chép đó chẳng còn là vấn đề gì Tôi bắt đầu bằng một bài ghi lại đầy đủ các sự kiện của ngày đầu bị bắt. Rồi tôi đã viết một bài báo đánh giá cuộc xâm lăng của Mỹ vào Campuchia dựa trên những gì chúng tôi thấy từ vị trí thuận lợi độc đáo của chúng tôi, chuẩn bị sẵn sàng gửi bài đi ngay khi bất ngờ được trả tự do.

Bài báo ghi rõ nơi viết: "Vùng giải phóng Campuchia" và bắt đầu: "Hai tuần sau khi quân Mỹ và quân Sài Gòn vượt qua biên giới vào Campuchia, xuất hiện các bằng chứng rõ ràng cho thấy kết quả sẽ hoàn toàn trái ngược với những gì người ta tính toán." Những "vùng đất chiến khu thù địch" còn lâu mới bị tiêu diệt, mà ngược lại còn mở rộng hơn về phía tây. Bom đạn Mỹ chỉ làm cho nông dân thêm căm thù và khiến cho vùng nông thôn trở thành

căn cứ cách mạng đầy hiệu quả, rộng lớn hơn, đông đảo và hăng say hơn mà thôi. Mỗi quan hệ hữu nghị càng phát triển hơn giữa dân chúng Campuchia và chiến sĩ cách mạng Việt Nam “tạo nên một Mặt trận cách mạng vững chắc ủng hộ Lãnh tụ Sihanouk và tôn sùng Chủ tịch Hồ Chí Minh như một anh hùng.” Dù Tổng thống Nixon có 1 giữ đúng cam kết rút quân Mỹ khỏi Campuchia sau hai tháng hay không nhưng tôi dự đoán, quân Sài Gòn vẫn duy trì lực lượng ở đó và bom đạn Mỹ vẫn tiếp tục tàn phá đất nước Campuchia. Đứng ở vị trí của những người Campuchia mà tôi sống chung, tôi viết về cuộc xâm lăng Campuchia của Mỹ như sau: "Bom đạn Mỹ chỉ khiến cho nhân dân Campuchia không còn nghi ngờ gì về cuộc chiến tranh thực dân vô cớ của Hoa Kỳ chống nhân dân Campuchia. Họ thấy Hoa Kỳ chỉ là kẻ xâm lăng thay chân thực dân Pháp, cố gắng quay ngược chiếc đồng hồ lịch sử, sử dụng chiêu bài châu Á của người Á châu mà thôi."

Mike nộp nhiều tin, bài. Còn tôi cũng trao cho anh Hai bản ghi nhớ. Anh Hai cho biết sẽ gửi ngay theo đường dây, nhưng cũng phải tốn thời gian để đến Mỹ, bởi vì trước hết nó phải đến một nơi nào đó để dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt, để họ có thể đọc trước. Khi các bài của Mike và các bản ghi chép của tôi bắt đầu đầy lên trong cái túi bay của tôi, tôi lại nghĩ vẫn vơ tới một nỗi lo mới. Nếu họ thử chúng tôi không phải để biết chúng tôi viết gì khi được thả, mà để xem có thể giữ chúng tôi lại làm những cái loa tuyên truyền cho phong trào của họ thì sao? Có lẽ họ nghĩ rằng, với sự cải huấn từ từ, cộng với phương pháp vừa đánh vừa xoa, chúng tôi sẽ thần phục lý tưởng của họ và trở thành người viết hay phát thanh cho họ, tương tự như Lord Haw Haw, một nhà báo Anh làm phát thanh cho Đức trong Thế chiến thứ II. Thậm chí tệ hơn nữa - vì khó có lý do gì để phản đối - chính là vai trò mà Mike đang bị cuốn vào có thể sẽ kéo dài vô thời hạn - những tin bài anh viết trong khi bị giam giữ có thể làm các chỉ huy du kích thấy hữu ích và gửi cho báo chí khắp thế giới.

Riêng trường hợp của tôi, tôi chuẩn bị trước cách trả lời nếu được yêu cầu viết tin, bài đăng báo. Phân tích cuối cùng khiến tôi quyết định phải từ chối để không bị mắc bẫy như Mike, nếu thật sự đó là một cái bẫy. Tôi hy vọng, nếu chuyện đó xảy ra, tôi có thể giải thích để du kích có thể thông cảm được hoàn cảnh của tôi. Tôi sẽ bắt đầu lập luận của mình bằng cách trích câu nói của Carl Schurz và bảo họ ở Mỹ chúng tôi có một câu ngạn ngữ rất hay, đó là: "Tổ quốc đúng hay sai - cũng là tổ quốc. Nếu đúng thì luôn giữ đúng, nếu sai thì hãy sửa cho đúng." Khổ nỗi, tôi lại quá phản đối cuộc chiến tranh ở Đông Dương, nhưng không thể quay lưng với tổ quốc tôi và trở thành người tuyên truyền cho phía bên kia. Tôi hy vọng sẽ thuyết phục họ rằng các bài báo của tôi chỉ hiệu quả khi tôi viết như một người Mỹ trung thực, viết lên sự thật và giúp nhân dân Mỹ hiểu về cuộc chiến tranh. Nhưng điều lo lắng là không biết họ có chịu nghe lý lẽ đó hay không?

Hình như Mike cũng lo âu. Anh hiểu người châu Á rõ hơn tôi và thấy không có nhiều hy vọng vì tính kiên nhẫn, bền bỉ của họ. Họ đã nói sẽ chiến đấu thêm hai mươi năm nữa và Mike bắt đầu tin rằng họ có thể giữ chúng tôi vô thời hạn, biết đâu cho đến khi chiến tranh chấm dứt. Anh nghĩ hết tháng đầu tiên là hạn chót để họ cho chúng tôi một lời hứa, nếu chúng tôi được thả sớm. Để an ủi Mike và an ủi chính mình, tôi tự vẽ ra một khung thời gian khác. Tôi kết luận rằng chúng tôi phải chờ ít nhất hai tháng để biết việc trả tự do cho chúng tôi có bị trì hoãn hay không. Tôi nghĩ, quyết định thả chúng tôi là do Hà Nội. Chúng tôi không hề thấy những người bắt giữ chúng tôi có liên lạc qua sóng viễn thông với Hà Nội. Xe gắn máy thường chạy ban đêm dọc đường mòn hay đường cái, có lẽ là phương tiện truyền tin duy nhất với bộ chỉ huy cấp trên. Điều này khiến chúng tôi tin rằng bộ chỉ huy khu vực này cũng phải sử dụng những người đưa thư để gửi tin cho Hà Nội. Mọi thứ tôi thấy ở đây đều thô sơ, và tạm bợ đến nỗi tôi có lý để cho rằng những bản tin gửi bằng ăng-ten vô tuyến là thời phồng, y như câu chuyện về một Ngũ Giác Đài

của quân giải phóng nằm đâu đó dọc theo biên giới Campuchia. Giả thử một người mang thư phải đi bằng đường bộ ra Hà Nội. Anh ta phải cỡi xe gắn máy hay xe đạp vào ban đêm và ẩn nấp vào ban ngày. Đang có những trận đánh ác liệt ở Đông Bắc Campuchia và Nam Lào, nên có lẽ anh ta phải cuốc bộ qua vùng đó. Để ra ít nhất cũng phải mất một tháng để anh ta mang các hồ sơ của chúng tôi đến Hà Nội. Khi đó, tôi lập luận, các nhân viên phản gián sẽ liên lạc với Paris, Matxcơva, Stockholm và nhiều thủ đô khác trên thế giới để kiểm tra các nguồn mà chúng tôi đã cung cấp. Khi thông tin đã được xác minh và ra quyết định, thì cũng phải mất một cuộc hành trình dài ngược lại để chuyển bức điện trả tự do đến chúng tôi đang ở Đông Nam Campuchia. Hai tháng là một ước tính vừa phải.

Tuy vậy, cũng có lúc, tôi nghĩ đến việc trốn thoát. Đó là những lúc ngồi sau xe Land Rover giữa những khẩu súng trường và súng máy hay khi ngồi trong một lều cỏ với vài khẩu súng bỏ lăn lóc chỉ cách chúng tôi vài bước. Tôi hình dung cảnh tượng chúng tôi có thể trốn với những vũ khí này. Nhưng cái khó là làm sao tìm ra một nông dân Campuchia chịu giúp ba người Mỹ, khi chúng tôi thấy tình cảm của họ hoàn toàn dành cho những người cộng sản. Điều đó có nghĩa là trong suốt thời gian bỏ trốn, chúng tôi phải mang theo gạo, nồi nấu nước và tự nhóm lửa. Cùng với vũ khí, chúng tôi phải cướp cả những dụng cụ nhà bếp, một bao gạo, một bật lửa đang nằm sâu trong túi của du kích.

Một vấn đề nữa là thú dữ. Trong một lần trà dư tửu hậu về đêm, anh Hai kể cho chúng tôi rằng trong rừng thường có những loài rắn độc mà nọc của nó mạnh đến nỗi có thể giết người trong vòng năm phút. Anh cũng kể về cách mà các con voi băng qua vùng quê. Anh còn chỉ cho chúng tôi cách tránh cạp - không dễ chịu chút nào: "Hãy lấy gậy đập xuống đất. Tiếng động đó sẽ làm cạp co mình lại như một trái banh. Khi đó hãy huýt sáo lên. Cạp ta sẽ bỏ

chạy."

Một cuộc đào thoát dài trong một vùng đất xa lạ và đầy thù hận xem ra chẳng hứa hẹn gì. Tôi nghĩ cuộc chạy trốn duy nhất khả dĩ thành công là lên đến một chỗ nấp gần một cánh đồng trống hay một ruộng lúa khô, rồi làm hiệu với hy vọng một phi cơ trực thăng đáp xuống giải cứu khẩn cấp. Chiếc sơ-mi và quần dài trắng của tôi có thể là vật tốt nhất để làm hiệu. Tôi nghĩ chúng tôi có thể cắt chúng ra nhiều dải nhỏ để ghép lại trên mặt đất hình chữ "CỨU" (Help) hay chữ "Mỹ" (U.S.).

Nhưng khi nghĩ kỹ về những kế hoạch này, tôi biết chúng có quá ít cơ may thành công và chỉ nên áp dụng khi đã không còn hy vọng và trong một tương lai mờ mịt. Thật sự, chúng chẳng khác gì những giấc mơ ban ngày. Ngoài ra, có quá nhiều điều cho một nhà báo như tôi tìm hiểu về những chiến sĩ cách mạng này, đã chiến đấu vì độc lập trong hai mươi lăm năm và đứng vững trước sức mạnh của Mỹ suốt tám năm qua mà không hề có dấu hiệu nào thua cuộc.

Hầu hết những gì mà du kích nói với chúng tôi đều rất giáo điều. Một hôm, có một phụ nữ trẻ khuôn mặt chữ điền gia nhập vào toán đặc nhiệm khoảng một tuần và thỉnh thoảng cũng ngồi nói chuyện với chúng tôi. Chị đi lại với vẻ khoan thai trong chiếc áo sơ mi bông xanh và quần pijama đen. Chỉ cho biết chị là y tá. Chị khuyên Mike nên ăn nhiều rau hơn khi anh nói anh thường bị đau bụng. Giọng nói nhẹ nhàng và thái độ ân cần của chị khiến thoát tiên tôi nghĩ chị như một cô Florence Nightingale châu Á xinh đẹp^[4] - Nhưng chính chị lại bệnh liệt giường vài ngày, dán người trên chiếc chiếu kê gần cửa lớn, bên cạnh tay nải, súng và một cây đèn dầu lạc. Khi đỡ hơn, chị xin lỗi đã vắng mặt một thời gian vì bệnh, không đến nói chuyện được với chúng tôi. Tất cả điều đó làm chúng tôi càng thêm có cảm tình với chị.

Nhưng hầu hết những gì chị nói đều cứng nhắc nên cũng khó tạo nên tình bạn. Ví dụ, chị nói: “Chúng tôi biết có những người Mỹ tốt và những Mỹ xấu. Những người tốt ủng hộ cuộc cách mạng của chúng tôi. Chúng tôi sẽ giẫm nát những người xấu.” Những lời nói chẳng khác gì chị muốn dừng câu chuyện.

Tuy vậy, đối với anh Hai và những người khác thì mối quan hệ lại ngày càng ít nghi thức và thoải mái hơn. Nhưng ngay cả anh Hai cũng nói cho chúng tôi những giáo điều cách mạng. Anh nói: “Ở hiền gặp lành. Mọi người sẽ giúp đỡ và che chở người hiền. Ngược lại, ác lai ác báo. Ở ác sẽ gặp điều ác.” Anh Hai và những người khác cũng thường nói với chúng tôi, gần như giống hệt nhau: “Sống mà không có độc lập, tự do thì chết còn hơn. Chết cho cách mạng là cái chết nhẹ như không.”

Nhưng vào những buổi tối ngồi với chúng tôi, khi bẻ những ngón chân, rồi đưa tay vuốt gọn mái tóc mới tắm, anh Hai cũng tâm sự những suy nghĩ riêng của anh về bản chất của chiến tranh. Đôi lúc, những ý tưởng này không đề cập tới ý thức hệ Mác-xít. Ví dụ, anh Hai mở rộng ý tưởng mà chúng tôi thường nghe du kích bàn tán, đó là từ việc người Mỹ tốt, người Mỹ xấu anh nói đến nhà kinh doanh tốt và nhà kinh doanh xấu.

Ở Mỹ có ba loại tư bản, anh nói. Loại thứ nhất kiếm tiền từ chiến tranh, như những người chế tạo vũ khí, loại này luôn mong chiến tranh kéo dài, để họ có thị trường bán sản phẩm chiến tranh của họ. Loại tư bản thứ hai kinh doanh những hàng hóa không liên quan đến chiến tranh, do đó cũng không có lợi lộc gì từ chiến tranh. Còn loại thứ ba thì kinh doanh cả hàng hóa chiến tranh lẫn hàng hóa bình thường. Hạng tư bản thứ nhất luôn gắn bó với giới quân sự Mỹ và cổ vũ mạnh mẽ chiến tranh. Hạng thứ hai phản chiến vì chiến tranh làm cho người dân khó kiếm ra tiền để mua sắm. Hạng thứ ba thì trước đây

ủng hộ chiến tranh, nhưng bây giờ quay ra phản chiến vì nhận ra rằng chiến tranh đã gây ra suy thoái kinh tế ở Mỹ.

Anh Hai ít tâm sự với chúng tôi về cuộc đời anh. Một lần Mike hỏi anh đã ra Hà Nội chưa. Anh nói chưa, nhưng rồi dừng lại, không kể tiếp về mình. Wang, anh sinh viên người Miên gốc Hoa, có lẽ theo ý của anh Hai, sau đó đã kể cho chúng tôi rằng anh Hai sinh ra trong một gia đình nông dân gần Huế và đã từng làm việc cho một đồn điền cao su. Wang kể, lúc đã 17 hay 18 tuổi, anh Hai mới bắt đầu học tiểu học và liên lạc với Việt Minh, một phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo chống lại thực dân Pháp. Từ đó, anh tham gia cách mạng. Hai mươi lăm năm rồi!

Bất luận câu chuyện này đúng đến đâu, anh Hai vẫn là một chiến sĩ cách mạng nông dân triệt để, đã cống hiến cả cuộc đời mình cho phong trào. Một buổi chiều, cùng ngồi bệt trên sàn nhà, anh nói với chúng tôi: "Dĩ nhiên, quân đội cách mạng cũng có những cấp hàm khác nhau, nhưng tất cả chúng tôi cùng sống như nhau, chan hòa với nhau. Sống cuộc sống của người nghèo mới có thể hiểu thấu cách mạng. Tạm thời chúng tôi phải quên đi gia đình. Tôi đã xa vợ tôi nhiều năm. Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu cho đến khi Mỹ cút, và Việt Nam, Campuchia, Lào giành được độc lập. Rồi nếu những dân tộc khác trên thế giới cần giúp đỡ trong cuộc chiến đấu giành độc lập của họ, chúng tôi sẵn sàng đi giúp họ."

Lòng yêu nước chính là yếu tố lớn nhất trong tư tưởng của anh Hai khi anh nói chuyện với chúng tôi. Còn khi đề cập tình đoàn kết với nhân dân các nước khác, anh nói đến những dân tộc bị áp bức ở châu Phi, châu Mỹ La-tinh và khối Ả Rập hơn là những nước cộng sản.

Anh Tư cũng có niềm tự hào về lòng yêu nước của người Việt Nam, mặc dù ngày đầu anh giấu tung tích khi nói với chúng tôi anh là người Campuchia.

Một lần anh đã nói với chúng tôi: "Lịch sử chứng minh chúng tôi không sợ bất kỳ kẻ xâm lăng nào. Chúng tôi đã từng đánh bại năm cuộc xâm lăng từ Trung Quốc, một cuộc từ Mông Cổ, và một của Pháp."

Một buổi tối, sau khi anh Hai tóm tắt cho chúng tôi nội dung buổi phát thanh tiếng Việt của đài BBC về cuộc bàn cãi mới tại Thượng Nghị viện Mỹ liên quan đến cuộc xâm lăng Campuchia và các cuộc biểu tình của sinh viên trong các khuôn viên đại học Mỹ - bất ngờ ông nhận định: "Nhà báo cũng có ba loại. nhà báo xã hội chủ nghĩa là những người ủng hộ cách mạng. Nhà báo tư bản chủ nghĩa làm thuê cho Mỹ và chế độ Thiệu-Kỳ. Và cuối cùng là những nhà báo hành nghề vì lý tưởng hòa bình và trung lập. Nếu các bạn là những nhà báo tốt, chúng tôi sẽ cung cấp cho các bạn nhiều thông tin về phong trào cách mạng để các bạn có thể viết bài cho báo của mình. Ngược lại, chúng tôi cũng không giết các bạn đâu, mà chỉ cho các bạn học tập cải tạo."

Đó không phải là lời hứa sớm thả tự do, nhưng đó chính là cơ sở để lạc quan. Trong loại thứ ba - những nhà báo hành nghề vì lý tưởng hòa bình và trung lập - tôi nghĩ có thể tìm thấy một chỗ cho chúng tôi. Những lời của anh Hai lần đầu tiên bộc lộ một cách rõ ràng rằng chúng tôi có thể giữ sự trung thực mà vẫn được du kích chấp nhận.

6. TẤN CÔNG

Thứ sáu, 22 tháng 5 là một ngày nghỉ ngơi và chuẩn bị. Những người du kích làm nhiệm vụ bảo vệ chúng tôi - như chúng tôi thường nghĩ như thế - không bao giờ cho chúng tôi biết trước lịch trình di chuyển ban đêm từ nơi này sang nơi khác. Chỉ có những cái khều nhẹ vào ngón chân và thì thầm ra lệnh: “Chuẩn bị đi”. Nhưng ngày thứ sáu hôm đó chúng tôi linh tính một cuộc hành quân quan trọng sắp xảy ra.

Chị y tá đã khỏi bệnh, xếp gọn ba-lô và cho dầu đầy vào cây đèn nhỏ, rồi vận chặt nắp như để chuẩn bị kỹ cho một chuyến đi xa. Sau khi mang cho chúng tôi bữa ăn sáng, anh Tư lặng lẽ ra phòng ngoài ngồi vá lại chiếc áo sơ-mi xanh anh thường mặc. “Nhăn Nhó”, một du kích ngăn nắp nhất trong một nhóm người cực kỳ ngăn nắp bỏ ra cả nửa giờ để bắt những con mối chui vào chiếc mùng màu xanh của anh đêm qua. Anh đứng thẳng, đưa chiếc mùng ra ánh sáng từ cửa ra vào, cố bắt mấy con còn sót, rồi quay chiếc mùng trở lại bắt nốt phía bên kia, miệng và mũi của anh nhăn nhó vì quá tập trung vào công việc. Cuối cùng anh xếp chiếc mùng vuông vức như một cuốn sách, nhét vào ba-lô - một túi ni-lông với dây rút vòng từ hai bên đáy. Trên miệng ba-lô cũng có một sợi dây buộc hai đầu để dễ móc ba-lô lên. Sau khi thắt miệng ba-lô, anh kéo hai dây lên làm thành quai mang trên vai. Anh thử nhấc chiếc ba-lô cỡ 15 ký lên để coi thử nó cân bằng chưa. Lần đầu thất bại, anh lấy hết vật dụng ra - mùng, mền, quần áo, quẹt lửa, giấy vãn thuốc, thuốc rê, kể cả tiêu, muối, đường, thư từ hình ảnh cá nhân, một tấm ni-lông xanh lớn có thể trải nằm hay làm lều dã chiến. Rồi anh xếp lại, có thứ tự hơn, cột chặt lại, cho đến khi anh cảm thấy hài lòng. “Ba-lô bộ đội cụ Hồ” - như tôi thường gọi - cùng với những vật dụng tiêu chuẩn chứa trong đó, là vật kỷ niệm mà

tôi tha thiết muốn mang về nhà Washington.

Beth, Mike và tôi mất gần cả ngày để viết bài hay ghi lại nội dung những cuộc nói chuyện một vài ngày trước với anh Hai và những người khác. Mike có một trí nhớ chính xác tuyệt vời, cả tiếng Anh và tiếng Việt, chúng tôi cùng làm việc với nhau để ghi lại chính xác những buổi thảo luận dài dằng dặc về bản chất của chiến tranh và cuộc sống của người cách mạng. Thỉnh thoảng chúng tôi tranh thủ xả hơi bằng cách làm một giấc ngủ ngắn trên sàn tre hay chơi trò đố "hai mươi câu hỏi" hay lấy những tờ giấy cũ chơi trò đố chữ của Beth: mỗi người nghĩ ra một từ gồm năm chữ cái, rồi đố những người khác thử đoán xem là từ gì bằng cách đưa ra nhiều từ gồm năm chữ cái khác nhau. Mỗi lần như vậy sẽ được công khai có bao nhiêu chữ cái tương thích, cho đến khi đoán đúng.

Ngôi nhà lớn hình như là một trạm liên lạc của du kích. Ngay đêm mới đến, tôi đã chú ý thấy người chủ nhà cao lớn với vầng trán đầy nếp nhăn lấy từ một chỗ bí mật trên tường một mảnh giấy nhỏ xếp gọn, rồi trao cho một trong những du kích. Chuyện này làm tôi nhớ đến Wilfred Burchett đã từng viết về những bì thư nhỏ dùng để truyền tin mà ông thấy trong những chuyến hành trình của ông cùng với các cánh quân của Mặt trận Giải phóng bên trong miền Nam Việt Nam và tôi cho rằng mảnh giấy nhỏ kia là một lá thư để lại cho nhóm của chúng tôi.

Chỗ ngủ đã được trải dọc trên sàn nhà và ba-lô được đặt ngay đầu giường, người đi ra đi vào - tất cả nếu không có những khẩu súng dựa vào tường và tiếng động cơ của máy bay do thám xa xa - đều gợi lên ấn tượng đây là một ký túc xá thanh niên. Ba thiếu nữ người Việt mới đến, được giới thiệu là y tá, khiến cảm tưởng đó càng thêm mạnh mẽ. Ba cô gái có lẽ đã đến đây trước khi chúng tôi thức dậy vào lúc bình minh, và giết thì giờ bằng cách dạo quanh

ngôi nhà hay ngồi giữa nhà, cạnh những chiếc ba-lô, mặc quần pijama đen và áo màu xanh biển, nói chuyện với nhau hay chải kỹ mái tóc dài đen mượt, bới rồi kẹp lại bằng những kẹp tóc màu bạc. Trong vài phút, họ nói chuyện với chúng tôi một cách vui vẻ - mặc dù đó là sự chỉ đạo của cấp trên. Họ không hỏi câu gì ngoài những tuyên bố như: "Cách mạng sẽ thành công bất luận kéo dài bao lâu nữa."

Ban Tun, người chiến sĩ Campuchia vui tính, dường như không có nhiệm vụ gì quan trọng, ngoài việc lo củi lửa và múc nước giếng đưa vào nhà bếp. Anh rất khỏe và siêng năng. Ban Tun đi vào nhà, nhặt lá rơi từ các cây quanh nhà. Anh mất cả giờ nói chuyện với các người Việt Nam: anh đưa cao một chiếc lá để họ nói tên loại cây đó bằng cả tiếng Campuchia và tiếng Việt. Sau đó, anh đi ra khỏi nhà, mang theo một cây sào dài có một cái rổ và cây nĩa ở đầu sào. Anh dùng nĩa hái trái trên cây rơi vào rổ. Rồi anh quay trở lại, mang cho chúng tôi mỗi người vài trái dâu xanh nhỏ chua lè và một gói muối ăn cho bớt chua. Chúng không quá tệ bởi vì tôi cảm thấy chúng bù đắp thêm được một ít vitamin C trong người. Một chú tắc kè lớn - được gọi như thế vì tiếng kêu hai nhịp nào nùng của nó - đang bò ngược trên kèo nhà. Anh Ba - chỉ huy quân sự của chúng tôi - đang nằm lim dim trên chiếu, thấy nó anh vội chụp lấy một cây tre dài và cố hất con vật xuống. Những bàn chân của nó cố bám chặt, nhưng cây tre mạnh hơn nó, nên cuối cùng nó đành rơi bạch xuống sàn nhà. Anh Ba dùng cây tre ghìm nó xuống, rồi chụp lấy nó từ phía sau đầu để tránh chiếc miệng to đủ rộng có thể cắn vào ngón tay. Anh mang chú tắc kè vào bếp, để thêm một món đột xuất vào nồi cháo đêm.

Vào buổi tối, lúc chúng tôi ra giếng tắm. chúng tôi thấy ba cô y tá, với mái tóc óng ả và những cây trâm bạc lấp lánh dưới ánh trăng, ba-lô trên lưng, vai quàng AK-47, lặng lẽ vượt qua chúng tôi, rồi đi tiếp trên những bờ ruộng lúa phía xa. Quay vào nhà, chúng tôi lại thấy anh Ba đang ngồi viết một mảnh

giấy nhỏ dưới ánh đèn dầu. Chúng tôi cảm thấy một cuộc hành quân nữa sắp đến nhưng tốt hơn không nên hỏi. Ở đây không ai được quyền tự ý tiết lộ thông tin.

Chúng tôi được gọi dậy lúc 3 giờ sáng. Anh Tư khê bảo chúng tôi thời gian và nói chúng tôi sẽ di chuyển sớm. Anh mang đến cho chúng tôi cháo và một đĩa đậu phộng muối. Cháo hãy còn nóng và Mike nhớ lại cách mà người châu Á nhận biết thành phần xuất thân của một người: nếu anh ta xuất thân từ một gia đình nghèo, anh ta sẽ có thói quen dùng muỗng rà quanh tô cháo để ăn những chỗ nguội trước. Vài phút sau, theo lệnh của anh Tư, chúng tôi rời khỏi ngôi nhà, mang giày dép đã đặt sẵn ở chân cầu thang như thường lệ và lội bộ qua một lối mòn ẩm ướt ánh trăng, đến chiếc Land Rover chờ sẵn, được giấu trong căn nhà hàng xóm. Chúng tôi leo lên xe, tìm chỗ ngồi giữa ngổn ngang đồ đạc, súng ống, một trái dừa và một thùng nhỏ đầy gà con kêu chiêm chiếp. Xe chạy suốt đêm, len lỏi theo những con đường mòn, bỏ lại phía sau lưng và hai bên đường ánh sáng của những trái hỏa châu Mỹ lập lòe trên bầu trời đêm và thỉnh thoảng tiếng đạn đại bác gầm lên như nhắc nhở chiến tranh đang quanh quẩn đâu đây.

Lúc rạng sáng, chúng tôi có thể thấy những dãy nhà sàn bằng gỗ khi xe chạy vào một ngôi làng lớn. Chiếc Land Rover dừng trước một ngôi nhà. Chúng tôi lấy xà-rông che lên đầu khi những người hộ tống trao đổi với một nhóm người Campuchia. Sau một hồi bàn bạc về chỗ ở cho chúng tôi, anh Tư ngoắc chúng tôi ra khỏi xe, theo anh leo lên cầu thang, vào một căn phòng nhỏ phía trái cửa ra vào. Căn phòng được ngăn bởi dây tử gỗ cao. Vợ chồng chủ nhà trải chiếu dưới sàn và treo những tấm màn che chắn tầm nhìn, nhưng chúng tôi vẫn thấy những đôi mắt nâu qua mỗi khe hở, khi các em bé Campuchia kháo nhau về những người phương tây vừa đến. Khi tôi mỉm cười với một em bé, em vội vã bỏ đi, nhưng lát sau em quay lại khe hở vì tính hiếu

kỳ đã chiến thắng sự nhút nhát.

Chuyện bình thường là ngủ sau một chuyến đi đêm, và sau khi ăn sáng no nê với cơm thịt bò, đậu đũa và nước mắm - món nước chấm được làm từ cá của người Việt, giống như món ketchup vậy, chúng tôi ngả lưng xuống chiếu cạnh nhau. Khi vừa thiu thiu, thì anh Tư đến và ra lệnh “Chuẩn bị đi” - giọng anh khẩn trương hơn thường lệ. Chúng tôi vợ vợi hành lý và anh dẫn chúng tôi xuống cầu thang phía sau nhà. Không kịp mang giày, tôi đành để chân trần chạy theo anh Tư, qua dãy nhà sau, ra đến một con đường đất. Xa xa vọng lại tiếng máy bay và tiếng cánh quạt trực thăng. Chúng tôi là một phần của cuộc tản cư tập thể của dân làng và du kích, bỏ chạy tán loạn ra khỏi thị trấn, để tránh trận tấn công đang đến. Đám đông chạy khỏi con đường và băng xéo qua cánh đồng lúa lầy lội. Chúng tôi cũng lội qua đồng. cố gắng bước nhanh. Anh Ba và anh Tư đi trước, thỉnh thoảng nhìn lại thúc giục chúng tôi cố gắng theo kịp. Leo qua một bờ đê thấp, chúng tôi đến một cánh đồng khác, chỉ có bùn sâu và đầy những bãi phân trâu. Chiếc quần lấm bùn của tôi như dán chặt vào chân khi chạy. Đôi lúc tôi cũng cố ngoái đầu xem thử Beth có theo nổi không. Tôi tự hỏi làm sao mình có thể viết được gì về những điều đang xảy ra nếu vẫn cứ giữ kẽ là một nhà báo thận trọng, không bao giờ dám đặt mình vào nơi nguy hiểm. Hơi thở đã phì phò, tôi bắt kịp hai phụ nữ bế con và anh du kích đang ôm trong tay một chú gà còn sống. Không suy nghĩ, tôi hỏi người lính: "Còn phải đi nhiều như thế này không?" Khi anh lính quay lại vì nghe một giọng nói lạ, và phát hiện khuôn mặt phương Tây của tôi, thoáng qua mắt anh có một cái nhìn kinh ngạc mà tôi chưa từng thấy bao giờ.

Rồi chúng tôi cũng vượt qua cánh đồng thứ hai, tiến vào một vùng đất trống, thỉnh thoảng có bóng cây và bụi rậm. Tiếng máy bay trực thăng tuần tra càng lớn hơn. Khi du kích và dân làng chạy lên trước, tản ra để tránh máy

bay, nhóm chúng tôi cũng dừng lại một chút, trong khi anh Ba trèo lên cây quan sát phía sau. Tôi tranh thủ cột chặt dây giày và quàng qua dây đeo của túi bay cho dễ mang theo. Anh Ba bảo cứ tiếp tục chạy xa hơn, rồi mới tìm chỗ núp, chúng tôi chạy tiếp qua những bụi cây và dây leo cao đến bụng. Vài phút sau, anh Hai dẫn Mike và Beth chạy một hướng, còn Nhăn Nhó dẫn tôi chạy về một hướng khác. Chúng tôi đến một lùm cây thấp với những cành tươi bị bẻ gãy phủ lên những bụi cây cạnh đó. Nhăn Nhó chỉ vào một khe hở nhỏ giữa bụi và ra hiệu cho tôi chui vào. Anh cố ra hiệu cho tôi vào sâu bên trong cho đến khi tôi được cành lá che phủ an toàn, xong anh bò ra xa một chút, nằm nghe ngóng và quan sát bầu trời. Xa xa vọng lại tiếng đại bác, máy bay trực thăng, máy bay cánh quạt và cả phản lực cơ chiến đấu. Có lẽ Nhăn Nhó nghe thấy một điều gì khác thường - tiếng gầm của pháo đài bay - thường chúng bay quá cao nên ít khi nghe thấy. "Bê năm hai" (B-52), Nhăn Nhó thì thầm. Anh lôi ra một miếng bông gòn, xé một nửa cho tôi, ra hiệu cho tôi nhét vào tai nằm úp mặt xuống đất, nhắm mắt lại. Khi tôi xoay người úp mặt xuống đất, tôi phát hiện mình đang nằm ngay trên một tổ kiến, nhưng tôi không thể di chuyển sang nơi khác, vì tôi sẽ làm "kinh động" đến tổ ong gần đó nếu tôi nhích thêm chút nữa. Tôi nằm yên chịu trận, chờ mặt đất rung lên và lỗ tai sẽ nổ tung khi bom B-52 rơi gần đó. Vài phút trôi qua, thấy không có gì xảy ra, lôi đưa mắt nhìn sang Nhăn Nhó. Anh hiểu ánh mắt của tôi nên ra hiệu cứ úp mặt xuống đất và nhắm mắt lại. Tôi liếc nhìn lần nữa và bắt gặp anh mở nắp bao da của cây súng lục bên hông. Anh đoán được ý nghĩ của tôi, nên đưa ngón tay lên như khẩu súng, chỉ vào tôi, lắc đầu rồi chỉ lên trời, gật đầu "Súng không phải bắn anh, mà bắn bọn chúng," anh muốn nói. Một khoảnh khắc im lặng, không nghe tiếng máy bay. Nhăn Nhó đưa cho tôi cái bi-đông nước và tháo túi ba-lô lấy ra một túi giấy màu nâu. Anh xé một nửa đưa cho tôi trong đó chứa năm cục đường. Chất ngọt làm tinh thần hưng phấn và cung cấp năng lượng nhanh, nên tôi cảm thấy khỏe

ngay.

Vào lúc đó, mặt trời đã lên cao và trời bắt đầu nóng. Nhăn Nhó lại mở ba-lô, lấy ra một mảnh ni-lông xanh lá cây, buộc hai góc vào cành cây, che nắng. Anh lại mở ba-lô lấy thuốc rê, rồi đóng ba-lô, vắn thuốc và lạng lẽ hút. Mở, đóng ba-lô liên tục là một phần trong cuộc sống của người du kích, luôn luôn sẵn sàng di chuyển khi có lệnh.

Rồi có báo động mới, anh lại tháo tấm che nắng, xếp gọn, bỏ vào ba-lô. Máy bay lại đến, lần này gần hơn. Tôi có thể nghe tiếng bom rơi xuống cách đó vài dặm và đôi khi tiếng gầm rú của phản lực cơ ngay trên đầu. Những cành cây dày giúp che khuất chúng tôi. Nhăn Nhó quá điềm tĩnh - nhìn lên qua bụi cây - khiến tôi có cảm giác an toàn, còn hơn cả cảm giác khi ngồi máy bay trực thăng trước đây bay qua những cánh rừng già nơi du kích bắn tỉa đang ẩn núp.

Máy bay bỏ đi, nhưng chúng tôi nghe một âm thanh lạ. Tiếng xích xe tăng và những tràng súng liên thanh ngày càng gần hơn, chỉ cách một hai dặm. Ba tuần lễ trước khi bị bắt tôi có được các chuyên gia về xe bọc thép Mỹ cho biết xe tăng của họ có thể băng qua những vùng tương đối trống trải như thế này với tốc độ 35 dặm một giờ. Tôi không biết làm thế nào có thể thoát được nếu như các xe tăng chạy thẳng về phía chúng tôi. Nhưng cuối cùng, tiếng xe tăng xa dần. Chúng tôi an toàn.

Sau một hồi nằm bất động, Nhăn Nhó nhẹ nhàng đứng thẳng dậy, nhìn qua những bụi cây, theo hướng xe tăng đang bỏ đi, đầu anh quay tới quay lui như một con rắn khi anh cố nhìn xuyên qua những cành cây rậm rạp. Có vẻ hài lòng, anh chuẩn bị làm một điếu thuốc nữa khi thấy anh Ba tới. Cả hai thầm thì với nhau, rồi bỏ đi, khuất sau những lùm cây, mang theo súng trường, nhưng bỏ lại ba-lô và súng lục gần chỗ tôi. Tôi nghe tiếng đào bới và đoán có

lẽ họ đang làm một hầm trú ẩn. Khi Nhăn Nhó quay lại, tôi thử ra dấu hỏi anh rằng tôi có thể giúp một tay không. Anh vội vã chạy đi, rồi quay lại, bảo tôi mang giày, túi xách và theo anh. Anh dẫn tôi đi gần một trăm mét, tới một lùm cây khác - nơi Beth, Mi ke đang ngồi cùng với anh Hai. Họ mặc mấy miếng ni-lông và vải xanh tiếp với màu cây rừng để che nắng cho chúng tôi, rồi lấy vài tấm ni-lông khác trải dưới đất để chúng tôi khỏi bị ẩm. Âm thanh mà tôi đã nghe là tiếng chặt cây để che những khoảng hở phía trên chỗ nấp. Nhăn Nhó báo cáo với anh Hai, và anh Hai nói Nhăn Nhó rất lo cho tôi vì anh đã hiểu lầm cách ra dấu của tôi. "Anh ấy nói anh ấy muốn chăm lo cho anh đặc biệt tốt" anh Hai nói. Tôi hài lòng vì được coi là quan trọng, có lẽ vì tôi là người của Pos - Disparch - một tờ báo quan trọng, nhưng anh Hai lại nói tiếp: "Anh ấy lo cho anh vì anh lớn tuổi hơn và có vẻ sợ hãi hơn những người khác." Tận đáy lòng, tôi không nghĩ tôi hoảng sợ hơn bất cứ ai, nhưng tôi quyết định là sẽ ứng xử tốt hơn. Trong số tay, khi ghi về sự cố này, tôi còn tự nhắc nhở: "phải giữ thái độ không lo lắng, thậm chí, phải can đảm lên."

Anh Ba, Wang và Ban Tun đi trinh sát, và quay lại, nói ngắn gọn rằng, máy bay đã đánh bom một khu rừng cách đây vài dặm, nơi chẳng có ai. Họ biết được rằng xe tăng đã theo con đường chạy ngang qua chỗ chúng tôi khoảng hai dặm. Tiếng xe đến gần nhưng rồi xa dần khi con đường chạy sát nách chỗ ẩn nấp của chúng tôi. Anh Ba lại bỏ đi, và tôi mong anh về với nồi cơm và bình nước nóng. Có thể đây sẽ là đêm đầu tiên chúng tôi ở ngoài trời, nhưng theo kinh nghiệm của mình, thì bất luận thế nào, du kích cũng không bao giờ bỏ bữa cơm. Cũng có thể chúng tôi sẽ phải đi bộ nhiều hơn và đi xe ít hơn vì sợ "phe bên kia" đã bắt được chiếc Land Rover. Nhưng vài phút sau, đã thấy anh Ba quay lại, báo rằng một người đưa tin từ trong làng ra cho biết lính Mỹ đã bỏ đi và chúng tôi có thể về nhà an toàn để dùng bữa tối. Chúng tôi đi bộ dưới ánh hoàng hôn, băng qua những đồng lúa, ra đường lớn hướng về làng. Chúng tôi không còn là kẻ xa lạ được che giấu, mà đã trở thành những "cựu

binh" từ một trận đánh đe dọa tính mạng của tất cả mọi người. Từ đây sự có mặt của chúng tôi hẳn là đã được nhiều người biết đến. Dân làng vỗ tay và mỉm cười với chúng tôi, và khi đến nhà, gia đình người Campuchia nồng nhiệt chào đón chúng tôi. Tốt hơn cả, bữa ăn tối dọn sẵn cho tất cả cùng ăn: gia đình chủ nhà, các du kích, ba phóng viên bị bắt. Tất cả chúng tôi ngồi quây quần quanh hai nồi cơm lớn, bên cạnh những bát canh gà, cá kho và đậu rán. Chủ nhà mang ra một chai rượu đế, rót đầy ly, rồi chuyển cho từng người một uống. Có tiếng máy phát thanh ở đâu đó, và tôi nghe một bài hát tiếng Campuchia, xen lẫn tiếng kêu của những con vật. Tôi bỗng nhớ đến bài "ông già Macdonald có một trang trại", và cả ba chúng tôi - Mike, Beth và tôi cùng hát vài câu kết thúc với tiếng kêu "quác, quác" và "ộc, ộc". Đó là một bữa cơm đầy tình thân và ấm áp, nhưng nó kết thúc bất ngờ khi anh Tư bảo chúng tôi rằng ngôi làng không phải là nơi an toàn để qua đêm và chúng tôi phải rời đi tức khắc.

Như thường lệ, chiếc Land Rover đậu dưới chân cầu thang chờ sẵn. Chúng tôi lên phía sau xe và xe bắt đầu lăn bánh, tạm biệt bao nhiêu bàn tay vỗ và những lời chúc may mắn. Chúng tôi chạy trên con đường làng gập ghềnh, thỉnh thoảng băng qua các cánh rừng, các đồng trống và cuối cùng đến một đồng lúa bằng phẳng. Những ruộng lúa ngập nước vẫn trải dài mát mắt, phản chiếu ánh hỏa châu lập lờ xa xa. Anh Hai - uống khá nhiều rượu đế - ngồi cùng băng sau với chúng tôi và vui hơn thông lệ. Đôi má tròn rung lên và đuôi mắt nhăn lại khi anh cười theo câu chuyện này đến câu chuyện khác. Một câu chuyện kể về một cuộc nhậu mà khi tỉnh dậy anh thấy quần áo của mình đã mặc lộn ngược. Các du kích khác là những khán giả nhiệt tình. Tiếng cười của họ khuyến khích anh chuyển sang một câu chuyện khác. Anh kể về trận đánh của quân mặt trận dân tộc giải phóng, có lẽ trong cuộc tấn công năm 1968, nhằm chiếm thị trấn của Tỉnh Kiến Hòa. Mặc dù thất bại, thay vì thất vọng, họ quyết định sáng tạo ra những chức vụ khôi hài mà họ sẽ được

tưởng thưởng một khi, cuối cùng, họ chiến thắng cuộc chiến tranh, như Giám đốc Kiểm tra và Ném thủ rượu đế hay Bộ trưởng Bộ Tán tỉnh và Hôn nhân.

Đang lúc vui vẻ, chúng tôi nhận thấy có ánh đèn nhấp nháy... phía sau chúng tôi chừng một dặm. Có ai đang tiến gần và không có cách gì để biết đó là bạn hay thù. Tài xế của chúng tôi rẽ vào con đường đê hẹp nằm giữa cánh đồng. Chúng tôi chạy được chừng một dặm thì xe bị xóc nảy lên, chao về phía phải rồi dừng hẳn trên một bờ lầy lội. Leo ra khỏi xe, chúng tôi thấy nó tông phải một đầu ống cống xi măng. Hai bánh xe phải đã bị trượt khỏi bờ đường, để bụng xe nằm sát trên đường. Máy hai cầu chẳng giúp gì. Cả hai bánh phải đều không kiểm soát được khi tài xế nổ máy xe. Bị kẹt ở đây thì rất nguy hiểm. Thình thoảng chúng tôi nghe tiếng máy bay do thám. Chúng tôi e rằng máy bay quan sát có thể phát hiện hình dáng chiếc xe dưới ánh sáng phản chiếu của hỏa châu trên cánh đồng ngập nước. Trăng đã lên cao và đang ra khỏi một đám mây, làm cho trời thêm sáng. Không có chỗ trốn, cũng không có chỗ để chạy trừ con đường hẹp cả phía trước và sau, còn hai bên đường thì bùn ngập tới đầu gối dài hàng dặm. Tài xế, một thanh niên gốc miền Nam, đội chiếc mũ kiểu phương Tây, và không muốn bất cứ ai điều khiển xe thay mình nên làm hết sức để đưa chiếc xe trở lại trên đường Anh bảo vài người khác dùng xẻng đào một cái rãnh nhỏ để chúng tôi có thể đẩy chiếc xe trở lui trên mặt đường bằng phẳng. Chúng tôi cố gắng làm như thế nhiều lần, trong khi “bác tài” tập trung dùng xà-beng nạy bánh xe lên, nhưng hai bánh xe sau vẫn kẹt trong chỗ bế của cống xi măng. Trừ lúc được yêu cầu phụ đẩy xe, cả ba phóng viên chúng tôi ngồi bệt bên vệ đường với xà-rông trùm kín đầu để đoàn người gồm du kích và dân thường đang vượt qua không nhìn ra khuôn mặt phương Tây của chúng tôi.

Chị y tá lúc này đang giữ nhiệm vụ chỉ huy giao thông, luôn miệng hối thúc đoàn người nhanh chân vượt qua chiếc xe “mắc kẹt”, rồi bảo chúng tôi tiếp

tục ngồi che kín mặt lại. Phần lớn chiến sĩ mang súng các-bin hoặc súng trường và đeo loại ba-lô nhỏ như các du kích hộ tống chúng tôi. Vài người mang vũ khí nặng như súng cối, súng không giật và có thể cả đại liên. Có cả thương binh chống nạng hay, trong vài trường hợp được cáng bằng vồng. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy đoàn người lại đông như thế ngay trong bán kính chỉ vài dặm thuộc các căn cứ hỏa lực Mỹ. Một cảm giác an toàn hơn khi có nhiều đơn vị xuất hiện cùng chúng tôi trong khu vực trống trải này. Trong đoàn quân cũng có vài phụ nữ, thậm chí có một người đẹp bất ngờ, với mái tóc uốn cong theo kiểu Pháp. Dáng chị cao ráo, với bộ quân phục ka ki mặc trên người. Chị tình cờ đến chỗ chúng tôi ngay lúc có một gia đình với đồ đoàn nội trợ linh tinh chất đầy trên một chiếc xe bò bị chiếc xe của chúng tôi chặn đường. Chị ra lệnh cho người đánh xe đi vòng xuống ruộng, rồi leo lên đường, vượt qua chúng tôi.

Sau này nhờ theo cách này của chị mà chúng tôi đưa xe thoát ra chỗ kẹt. Trước đó, chúng tôi gần như buông xuôi. Có lẽ do kiêu hãnh, các du kích không muốn nhờ các chiến sĩ của đơn vị bạn đang đi qua đẩy xe giúp, hoặc nhờ bò kéo xe ra. Đang tuyệt vọng thì vận may lại đến khi khoảng hai mươi thanh niên từ trong ngôi làng gần đó, kéo nhau ra giúp vì họ nghe các chiến sĩ đi ngang báo cho biết về tai nạn của chúng tôi. "Bác tài" nổ máy và nhóm trai tráng đẩy tới, kéo lui một hồi cho đến khi xe trượt thẳng xuống ruộng.

Mike nhảy xuống nước, phụ một tay. Nước ngập quá sà xe, nhưng máy xe vẫn nổ. Trong khi bánh xe quay, toán thanh niên tiếp tục đẩy xe trong bùn về phía con đường. Rồi bác tài de lại, nhắm thẳng bờ, cho xe thoát ra khỏi đám ruộng, nằm hằn trên đường. Mọi người đều đưa tay lên đầu và vỗ tay sung sướng. Các trai làng còn nán lại giúp chúng tôi tìm những ống cống bê khác có thể đe dọa xe của chúng tôi trên đoạn đường trước mặt. Mỗi lần tìm thấy một ống cống bê, họ lại nhảy xuống ruộng tìm những miếng gỗ, đá, gạch rồi

vá lại, để xe chúng tôi qua.

Phải mất ít nhất hai tiếng đồng hồ. Mặt trăng treo lơ lửng trên đầu vào lúc chúng tôi tới bờ ruộng bên kia, để lại tiến sâu vào rừng. Xe chạy tiếp chừng vài dặm, rồi dừng lại ở một ngã tư khi thấy một toán chiến sĩ ngồi nghỉ hay ngủ quanh đó. Anh Tư dẫn chúng tôi đến một thân cây và bảo ngồi xuống, che mặt để khỏi bị để ý. Lúc này, sau khi to nhỏ với các du kích tại chỗ, những người hộ tống trở lại chỗ chúng tôi, và chúng tôi bắt đầu đi bộ theo con đường nhánh. Còn chiếc Land Rover chạy theo con đường lớn. Chỉ vài phút sau, chúng tôi mới hiểu tại sao phải cuộc bộ. Những hố sâu được đào dọc hai bên, còn bề ngang thì ra gần nửa mặt đường. Như vậy có thể dễ dàng khóa con đường lại đối với xe hơi, mặc dù vẫn có nhiều xe gắn máy chạy qua. Tôi đoán mình đang đi vào vùng căn cứ của quân giải phóng. Càng có nhiều dấu hiệu chỉ rõ điều đó khi chúng tôi đi thêm năm dặm nữa, thỉnh thoảng dừng lại nghỉ, trước khi đến một làng nhỏ được bảo vệ cẩn mật với nhiều lính gác và đèn pin. Toán hộ tống chúng tôi trao đổi với lính gác, nhưng hình như có trục trặc vì vệ binh không đồng ý cho tiến xa hơn. Anh Tư đưa chúng tôi đến một chòi tranh, không có gì ngoài một chiếc giường trơ trụi, vài băng ghế và mái nhà trên đầu. Khoảng sáu người lính đang ngủ ở đó với súng ống và ba-lô bên cạnh. Chúng tôi rất mệt, nên Beth và Mi ke ngã vật xuống nền nhà đầy bụi và đi ngay vào giấc ngủ. Tôi ngồi xuống băng ghế, mơ màng, thỉnh thoảng ném một cục đất để đuổi chú heo hay chú trâu mon men lại gần hai đồng nghiệp của tôi. Anh Tư, anh Ba và những người khác tiếp tục đi vào làng, có lẽ để dàn xếp cho chúng tôi một chỗ ở. Một giờ sau họ trở lại và đưa chúng tôi vào làng - những ngôi nhà rải rác, trải dài chừng nửa dặm. Chúng tôi đi qua một dãy nhà thấp lợp tranh với cái bảng treo bên ngoài: “Bệnh viện căn cứ”.

Y tá lẫn những thương binh băng bó hay chống nạng đi ra đi vào. Rồi,

chúng tôi đến một dãy nhà gỗ. Chúng tôi chờ ngoài cổng, còn anh Ba, anh Tư và Ban Tun vào trong trao đổi gì đó với chủ nhà - một ông cụ tóc bạc nhưng bộ dạng còn lanh lẹ. Nhìn cử chỉ của ông, tôi đoán có lẽ ông từ chối cho chúng tôi ở lại chỗ ông. và khó khăn lắm anh Ba, anh Tư và Ban Tun mới thuyết phục được ông lão đi cùng họ để tìm chỗ ở một căn nhà khác. Chúng tôi đi qua ba căn nhà nhưng không được căn nào, còn ông lão vẫn khẳng khẳng không chịu đi nữa, trước khi chúng tôi tìm được một nhà cho chúng tôi vào. Trời đã sáng, còn chúng tôi quá mệt sau hành trình dài hai mươi sáu giờ đến nỗi không còn thiết chỗ ở ra sao. Chúng tôi ngã người trên chiếu và ngủ thiếp đi.

Khi anh Tư đánh thức chúng tôi dậy ăn sáng vài giờ sau, anh giải thích lý do đã gây phiền hà cho chúng tôi: "Dân vùng này không biết chúng tôi. Khi họ thấy chúng tôi đi với ba người Tây, họ không tin chúng tôi là lực lượng cách mạng. Nhưng chúng tôi đã cho họ xem hình của Sihanouk và Chủ tịch Hồ Chí Minh và đã thuyết phục được họ. Bây giờ thì họ đã đón tiếp chúng ta, đã mang thức ăn đến." Anh không quên nói thêm về phía bên kia: "Bọn lính Thiệu-Kỳ không bao giờ làm như vậy. Họ sẽ bắt bỏ tù những người dân lành không tuân theo ý họ."

Sau đó, anh Hai nói với chúng tôi thêm vài tin tức về cuộc tấn công ngày hôm trước. Anh nói có 110 xe tăng và 3.000 lính tham gia cuộc càn quét cách ngôi nhà chúng tôi đã dùng bữa sáng và sau đó trở lại ăn tối chưa đầy hai trăm mét. Anh nói lực lượng tấn công chỉ cách chỗ nấp của chúng tôi trong rừng chừng hai dặm, nhưng như thường lệ, đội quân đó chỉ bám lấy con đường lớn và do đó không thể tìm ra chúng tôi. Anh Hai kể lính Mỹ đã đi sâu vào ngôi chợ trong làng và hiếp dâm một phụ nữ. Cũng như những chuyện tương tự, không có cách nào xác minh sự thật cả.

7. ĐỒNG ĐỘI

Lúc chúng tôi mới bị bắt, tôi đã cảnh báo Beth và Mike rằng có thể sẽ có những khoảng thời gian dài ở không, và việc ở không ấy sẽ dẫn đến buồn chán, và đôi khi chúng tôi sẽ gây bức bối cho nhau. Lời cảnh báo đó có lẽ đã có tác dụng. Thật ra thì cũng đã có những bức mình nho nhỏ, nhưng những chuyện ấy chưa bao giờ đe dọa niềm tin và sự tôn trọng giữa chúng tôi với nhau.

Nhóm chúng tôi đã được hình thành chỉ từ một kế hoạch hết sức ngẫu nhiên cho một chuyến đi mà lúc đó chúng tôi ngỡ rằng chỉ kéo dài tối đa hai ngày. Chúng tôi không hề chủ động chọn nhau làm bạn đồng hành cho nhiều tuần, nhiều tháng, hay có thể nhiều năm, lại càng không chọn nhau làm đồng đội gắn bó sinh tử với nhau. Tôi chỉ biết sơ sơ về cả hai người. Tôi đã gặp gỡ Beth ở Cambridge, Massachusetts vài năm trước, khi tôi đến đó đọc một bài phát biểu về Việt Nam, còn cô ấy thì đang chuẩn bị đến Sài Gòn nhận nhiệm vụ đầu tiên do tờ The Christian Science Monitor (Người hướng dẫn khoa học Đạo Cơ đốc) phân công. Tôi đã gặp Mike vào mùa đông trước, lúc đó anh là một trong những người thành lập Dispatch News Service, một hãng tin nhỏ đã phát hành các bài của Seymour Hersh về vụ thảm sát Mỹ Lai, luôn luôn đi trước các hãng tin khác trong việc đưa tin về vụ này. Mike đề nghị tôi đừng nói rõ về sự có mặt của anh ở Washington trong một bài báo mà tôi đang viết về sự khó khăn trong việc đăng tải vụ Mỹ Lai cho đến khi Hersh đem vụ ấy đến cho hãng Dispatch News Service. Anh giải thích rằng anh được bố trí ở Sài Gòn, viết các tin bài từ nơi đó cho hãng, và đang trốn quân dịch. Anh đã lên vào Mỹ để làm một chuyến đi ngắn và muốn lên trở ra mà không đánh động các viên chức tuyển dụng quân sự.

Tôi đã đến Đông Nam Á gần như là hàng năm kể từ năm 1960 để theo dõi sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ ở đó, và sớm nhận ra rằng sự can thiệp đó là một điều rất gần với chủ nghĩa đế quốc. Thực tế tại chỗ luôn luôn khác xa so với các bài diễn văn và thuyết trình chính thức khiến cho nhiều bài viết của tôi đã được dành để phơi bày cái bề mặt chưa được kể ra của cuộc chiến tranh và để làm bộc lộ rõ sự tự huyễn hoặc của các nhà lâm chính sách, họ đã tự đánh lừa chính mình trong lúc họ cố gắng đánh lừa để người dân Mỹ tin rằng lợi ích sống còn của nước Mỹ đang bị đe dọa, rằng cuộc chiến tranh chỉ đơn thuần là một cuộc xâm lăng từ phía bắc, rằng các chế độ ở Sài Gòn đang không ngừng mạnh mẽ hơn, rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng chỉ tồn tại dựa vào khủng bố mà thôi, và rồi luôn luôn có ánh sáng ở cuối đường hầm.

Lúc này có những yếu tố mới. Nixon đã bắt đầu cuộc rút quân lính Mỹ dần dần. Sự bất ổn chính trị ở miền Nam Việt Nam đang sôi sục với những phe nhóm mới như nhóm thương phế binh gào thét đòi hỏi cải cách, và nếu cần, lật đổ chính phủ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Campuchia đã từ bỏ sự trung lập truyền thống của mình sau việc Sihanouk bị hất cẳng, và có vẻ như sắp xảy ra một cuộc can thiệp lớn của Mỹ ở nước này mặc dù có những lời cam đoan chính thức là sẽ không xảy ra. Một cách tình cờ, cuộc xâm nhập ngắn của Mỹ đã bắt đầu vào ngày tôi đến sân bay Tân Sơn Nhất tại Sài Gòn sau vài ngày ở Bangkok. Tổng thống Nixon vừa công bố sự kiện đó, và một người Mỹ không quen biết đã cho tôi biết tin đó trong lúc tôi xếp hàng làm thủ tục khám sức khỏe và nhập cảnh.

Đó là một thời điểm hoàn hảo để nhìn lại cuộc chiến và tôi dự định sẽ dành ra một tuần ở mỗi nơi, miền Nam Việt Nam, Lào, Thái Lan và Campuchia. Ông thư ký tòa soạn của tôi đã cho tôi hay rằng đây có thể là chuyến công tác nước ngoài duy nhất của tôi trong năm 1970, đây là khoảng thời gian duy nhất tôi có thể dành ra được vì còn phải lo công việc điều hành văn phòng

Washington của tờ Post-Dispatch. Ông ấy còn cảnh báo tôi đừng đi bất cứ đâu ở Campuchia ngoài Phnom Penh và nhắc nhở tôi rằng đã có chín nhà báo bị bắt ở vùng nông thôn Campuchia.

Tại Sài Gòn, một trong những người tôi muốn gặp là Mike, một người mà tôi biết là am hiểu chính trường miền Nam Việt Nam, và là một phóng viên năng nổ, có tư duy độc lập và có thể hiểu biết nhiều về tình hình thực tế ở Campuchia. Tôi tình cờ gặp anh ấy tại một cuộc họp báo ở chùa Ấn Quang vào một buổi sáng sau khi tôi đã dành năm, sáu ngày bay đến những căn cứ hỏa lực mới của Mỹ vừa bị đánh bật ra khỏi vùng rừng rậm ở Campuchia và viết những bản tin thường lệ về việc phát hiện các kho gạo và vũ khí của đối phương. Beth cũng có mặt tại ngôi chùa đó, và Mike đã có lòng tốt phiên dịch tại chỗ cho chúng tôi những lời của các nhà sư lên án sự đàn áp của chế độ Thiệu-Kỳ.

Tối hôm đó Mike và tôi dùng cơm ở Aterbea, một quán ăn Pháp chưa bị chiến tranh phá hủy. Cả hai chúng tôi cùng cảm thấy rằng bài viết về cuộc xâm nhập của Mỹ với các kết quả chẳng nhiều nhận gì thì khá nghèo nàn, và cần có một bài đặc sắc hơn nói về những gì đang xảy đến cho người dân Campuchia và vùng nông thôn Campuchia. Anh ấy đề nghị chúng tôi lái xe theo Quốc lộ 1, theo sau đội hình quân miền Nam Việt Nam, xem thử chúng tôi có thể đi bao xa về hướng Phnom Penh. May ra, nếu đội quân đó khai thông được toàn bộ con đường, chúng tôi sẽ có thể đi thẳng đến đích, ở lại qua đêm, rồi trở về vào chiều hôm sau. Anh cũng đề nghị rủ thêm Daniel Southerland của tờ The Monitor cùng đi. Chúng tôi mượn một chiếc International Scout và sắp xếp là Mike sẽ đón tôi vào sáu giờ sáng hôm sau. Rốt cuộc thì Dan không thể đi được nhưng Beth muốn đi thế chỗ của Dan. Beth đang được tờ The Monitor cho nghỉ phép năm để làm việc tại Việt Nam do tổ chức Alicia Patterson Foundation tài trợ.

Đó là tất cả những gì tôi biết về hai đồng nghiệp của tôi khi chúng tôi cùng lên đường vào cái buổi sáng tháng Năm ấy. Trong những tuần lễ tiếp sau đó, chúng tôi đã đi đến chỗ hiểu biết nhau như anh em một nhà.

Thời điểm tồi tệ nhất của Beth trong suốt bốn mươi ngày ấy, như Beth vẫn nói, là vào cái đêm mà Mike và tôi nằm xuống để ngủ trong căn lều nhỏ ở khu căn cứ thay vì thức đợi xem linh tính của cô ấy có đúng không. Beth linh cảm rằng đêm đó các du kích sẽ tổ chức một bữa ăn khuya, như thỉnh thoảng họ vẫn làm, với nước trà, cơm nguội, và thịt trâu kho. Và hôm đó khi họ đến chỗ những người Mỹ, ngó tới ngó lui chỉ thấy có một mình Beth còn thức, họ chẳng buồn mời mọc chia sẻ gì nữa.

Tôi nhận ra rằng đôi khi mình trở nên khó chịu, mà chỉ vì những sự việc nhỏ. Một lần vì sự lộn xộn của Beth trong việc dịch các tài liệu của chúng tôi ra tiếng Pháp. Một lần khác là khi tôi không thuyết phục được cả hai người về vấn đề cần thiết phải làm việc để khơi dậy tinh thần đồng đội trong những thành viên của một tờ báo hay sự cần thiết phải có sự chỉnh sửa của một biên tập viên trước khi đăng bài báo của phóng viên. Tôi cảm thấy phiền muộn cho tới khi tôi nhận ra rằng sự bất đồng giữa chúng tôi đã phản ánh sự khác biệt giữa hai thế hệ phóng viên, một bên vẫn đeo đuổi cái mục tiêu huyền hoặc về chân lý và tính khách quan tuyệt đối, còn một bên hướng đến sự tự thể hiện không bị ngăn trở.

Mike có thói quen khom đầu về phía trước mỗi khi chúng tôi nói chuyện với anh Tư hay anh Hai, khiến tôi cứ phải ngóc nhìn qua vai của Mike. Điều này đã có sẵn câu giải thích: Mike đã bị mất cặp kính ngay ngày đầu tiên, và anh ấy lại cận thị nặng đến nỗi phải xích lại gần để nhìn mặt và môi của người đối thoại để hiểu được sự tinh tế của tiếng Việt.

Chắc là tôi đã gây bức dọc cho hai đồng đội với những điều áp đặt nhỏ nhặt

của tôi, như không ai được xài quá nhiều kem đánh răng mỗi lần và cố sức thuyết phục Beth rằng: “chuyện gì đáng thì nên làm cho tốt”. Cô ấy phản đối mạnh mẽ, như đang đụng đến một vấn đề nguyên tắc, khẳng định rằng làm một việc gì quá ngăn nắp là làm lãng phí thời gian quý báu lẽ ra nên dành cho một nỗ lực thật sự nào khác.

Nhưng đó chỉ là những sự cố lẻ tẻ. Và nếu như Mike có cảm thấy buồn phiền chúng tôi thì anh cũng chưa bao giờ để lộ ra. Mặc dù nhỏ tuổi nhất, anh lại tỏ ra chín chắn nhất. Anh mang một vẻ trang nghiêm và phong cách chững chạc có được một phần nhờ hai hay ba năm sống ở Viễn Đông và đã giúp chúng tôi nhiều trong việc hòa hợp với các du kích. Có lần anh kể rằng các bạn bè từ hồi nhỏ của anh ở bang Washington đã nói với anh trong một dịp anh về quê là anh đã thay đổi và trở nên chững chạc hơn rất nhiều. Trong những buổi chiều dài, chỉ có chúng tôi với nhau. Mike đã kể chuyện về thời trai trẻ của anh ở miền Nam Washington, về những năm tháng ở Dartmouth, và về một mùa hè anh làm thợ rừng ở vùng rừng Tây Bắc. Các câu chuyện ở trại gỗ của anh cung cấp một mẫu thông tin hữu ích cho cuộc trải nghiệm hiện thời của chúng tôi; anh nói rằng một thợ đốn gỗ luôn luôn cắt bo gấu quần để không bị vướng víu và vấp ngã. Anh thường kể về vợ anh, Christine và cha mẹ vợ, một gia đình buôn bán ở Chợ Lớn, khu người Hoa của Sài Gòn. Mike và Christine chỉ mới lấy nhau được vài tháng.

Beth thường tỏ ra dửng dưng khi nói về mình. mặc dù có lần cô ấy cho biết rằng lẽ ra cô đã trở thành một người vợ, một bà nội trợ ở Scarsdale, nếu như cô đã chấp nhận một lời cầu hôn, thay vì thành một tù nhân ở Campuchia. Khi tôi hỏi cô có ân hận về quyết định ấy không, cô nói không, rồi không nói thêm về chuyện ấy nữa. Beth đã trải qua năm, sáu tháng ở Tiệp Khắc, vào thời gian diễn ra cuộc xâm nhập của khối Liên Xô, và năm, sáu tuần ở Nga, ở đó cô đã lén rời khỏi một đoàn có hướng dẫn và bị cảnh sát Liên Xô cảnh báo

về việc viếng thăm phòng nghệ thuật của một nghệ sĩ, một nơi mà du khách Mỹ không được đến.

Tôi thì thích thú vì có thêm thính giả mới để tôi kể các chuyện xưa cũ hồi tôi làm bồi tàu và đầu bếp trên tàu buôn, về gia đình tôi và căn nhà nghỉ hè của chúng tôi trên một hòn đảo ở ven bờ biển Maine.

Chúng tôi đều đã viết chuyện về cuộc chiến tranh, và chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất nhiều các khía cạnh của cuộc chiến ấy. Tôi có thể cung cấp cho họ những chi tiết về vụ sụp đổ chính trị của Lyndon Johnson trong vấn đề chiến tranh và tôi phân tích rằng Nixon không thật sự tìm cách chấm dứt sự liên can của Mỹ mà chỉ cố gắng làm cho cuộc chiến tranh trở nên dễ chấp nhận hơn đối với người dân Mỹ, đồng thời vẫn quyết tâm làm tất cả những gì cần thiết để ngăn chặn một chiến thắng của cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Tại Sài Gòn, Beth đã trở thành một chuyên gia phương Tây hàng đầu về vụ Trần Ngọc Châu, Tổng Thư ký Hạ Nghị viện, người bị Tổng thống Thiệu tước bỏ quyền bất khả xâm phạm dành cho dân biểu và bỏ tù vì tội làm gián điệp với những lời buộc tội đáng hoài nghi. Những bài báo đa dạng về cuộc chiến của Mike bao gồm phóng sự chiến trường về trận đánh ở Huế, tường thuật chính trị về các nhóm đối lập, và cả những chuyện kỳ cục đại loại như các thực nghiệm của quân đội Mỹ để quyết định về cách kết hợp giữa giày và vớ để tránh tối đa chứng lở chân, một bệnh ngoài da gây đau đớn. Mike phát hiện rằng nhiều binh sĩ đã tự nguyện ngâm nước ngập tới đầu gối trong nhiều ngày trên ruộng lúa bởi vì điều đó sẽ đem đến chứng lở chân khiến cho họ khỏi phải đi tác chiến trong một thời gian.

Tất cả các mẫu chuyện về bản thân chúng tôi đều cho thấy chúng tôi đặc biệt coi trọng các phẩm chất tháo vát và tự lập. Với nhiều tự hào về mình và cha mình, Beth kể rằng cô đã thuyết phục cha cho cô được rong ruổi một

mình khắp nước Mỹ trên một chiếc xe gắn máy cũ khi còn là một thiếu nữ. Cô cũng đã lấy làm hãnh diện trong việc mang những đôi dép rẻ tiền nhất, nhưng đến khi mua một ống sáo thì cô lại xin cha cho mua một ống sáo tốt nhất và đắt tiền nhất. Mike hồi tưởng lúc còn larn việc trong trại gỗ để kiếm đủ tiền để trở về Dartmouth, anh đã chỉ ăn chủ yếu là bột đậu nành, một loại thực phẩm rẻ nhất.

Chúng tôi thường nói rằng chúng tôi đã may mắn có những người bạn đồng hành tốt như vậy, rằng chúng tôi không thể hình dung ra được người nào khác phù hợp hơn để làm bạn trong chuyến phiêu lưu này. Đôi khi chúng tôi giải khuây bằng cách thử nghĩ ra những người mà chúng tôi rất không mong muốn đi cùng. Trong số đó, đối với tôi, có Joseph Alsop, với lý do là anh này dễ nổi nóng đến nỗi rất có thể chúng tôi đã bị xử tử ngay ngày đầu tiên. Lại có lần tôi cho rằng sẽ là điều thú vị nếu có James McDonnell cùng đi, để xem thử ông ta, với tư cách là chủ tịch của McDonnell Douglas Corporation, sẽ phản ứng ra sao khi ông ta trở thành đầu tiếp nhận bom và hỏa tiễn từ các máy bay do ông ta sản xuất ở St. Louis. Tôi cũng đã cố thử tưởng tượng xem Walter Lippmann^[5] sẽ tự hành xử ra sao trong tình cảnh như chúng tôi.

Nếu như Beth, Mike và tôi đã trở thành đồng đội thì cũng có một điều gì đó rất gần với tình bạn và tình đồng đội đã nảy nở giữa ba chúng tôi với năm người du kích áp tải chúng tôi. Ăn uống chung với nhau là một lực xúc tác. Chẳng phải vì các du kích này nói rất nhiều trong giờ ăn - họ nói chủ yếu nhằm thúc giục chúng tôi ăn thêm chén cơm thứ hai và thứ ba - mà vì điều này đưa chúng tôi thoát khỏi sự cô lập đặt chúng tôi lên một cái gì đó giống như một cái nền bình đẳng với họ, và làm cho tất cả quen với việc thường xuyên giáp mặt nhau.

Hai tuần sống trong khu căn cứ bắt đầu như một thời kỳ nghỉ ngơi và yên

bình sau những căng thẳng và lo âu của cuộc lẩn tránh liên tục trước đó. Quy tắc tiếp tục nguy trang vào ban ngày được áp dụng cho tất cả chúng tôi, nhằm làm cho các máy bay trinh sát mà đôi khi nghe thấy ù ù trên đầu chỉ có thể ghi nhận những nông dân Campuchia đang làm việc trên đồng hay giặt giũ quần áo hay xay lúa trong một nhà xưởng thô sơ, cùng với dăm mái nhà tranh rải rác. Không phải tất cả máy bay đều làm nhiệm vụ trinh sát. Một số vận chuyển bưu phẩm, một số là máy bay chiến đấu chạy bằng cánh quạt tham gia các cuộc hành quân ở nơi nào khác. Đôi khi một oanh tạc cơ phản lực gầm thét băng qua để làm một nhiệm vụ ở đâu đó. Ngay cả những chiếc trực thăng thỉnh thoảng xuất hiện thì cũng có vẻ như chẳng làm gì liên quan đến khu vực chỗ chúng tôi. Các du kích chăm chú theo dõi các âm thanh đó. Khi một máy bay đến gần, họ lặng lẽ nhìn qua khe cửa để cố gắng đoán xem các động thái của nó có ý nghĩa gì cho những hành động sắp tới. Có nhiều nhóm du kích khác trong vùng lân cận. Chúng tôi thường trông thấy những hàng quân dài đi dọc theo con đường mòn ngang qua lán của chúng tôi, luôn luôn là với hành trang và súng ống, đôi khi họ vừa rút khỏi một trận đánh, với nhiều người phải khập khiễng chống gậy hay nạng.

Chúng tôi không có cách nào biết được mình đang ở đâu. Theo phỏng đoán, chúng tôi đã di chuyển khoảng một trăm dặm từ khi bị bắt, nhưng chúng tôi không biết chắc phương hướng và ngờ rằng có vài cuộc di chuyển là theo vòng tròn. Có điều chắc chắn là chúng tôi chưa hề băng qua sông Cửu Long. Rất có khả năng là chúng tôi vẫn còn ở trong giới hạn hai mươi hai dặm mà Tổng thống Nixon đã đặt ra cho cuộc xâm nhập của Mỹ. Liệu chúng tôi đã được đưa tới tổng hành dinh huyền hoặc của Trung ương Cục miền Nam mà Nixon từng hy vọng tìm ra và hủy diệt hay chẳng? Nếu Trung ương Cục miền Nam, tổ chức liên lạc của Hà Nội với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (tên đúng của Việt Cộng), quả thật là có một tổng hành dinh ở trong vùng biên giới của Campuchia, thì có lẽ chúng tôi đã ở ngay giữa chỗ

đó. Thế nhưng chúng tôi không hề nhìn thấy một kiểu căn cứ cố định và quy mô như Nixon đã mô tả. Bệnh xá, các nhà tạm trú của quân lính, mấy căn nhà mà chúng tôi ở đều là những túp lều mượn tạm. Mọi thứ đều có vẻ tạm bợ giống như mấy cái hào chặn con đường đưa chúng tôi vào khu này.

Những cuộc di chuyển của chúng tôi trước khi chúng tôi ổn định chỗ ở trong khu căn cứ cũng đầy vẻ tạm bợ. Ngay trước buổi bình minh của ngày thứ hai, chúng tôi bị đánh thức và dẫn đi khoảng một dặm theo các con đường mòn nhỏ. Người dẫn đường là một cậu bé nhỏ nhắn khoảng mười tuổi. Chúng tôi đến một căn nhà tranh, và được đưa vào một gian nhà kho bụi bặm, dọc theo bờ tường là những bao gạo, vách lá và mái tranh đều đã bạc màu theo thời gian và giăng đầy mạng nhện. Vật duy nhất sạch sẽ là một tấm chiếu mới trải ra trên sàn nhà cho chúng tôi. Chúng tôi nằm xuống nhưng chưa kịp ổn định thì đã bị dựng dậy để đi bộ tiếp một đoạn ngắn đến hai căn nhà cách nhau vài thước. Anh Tư ra lệnh cho chúng tôi leo lên một khúc cây có mẫu dùng làm thang để vào căn nhà nhỏ hơn, trong đó ba chúng tôi được phân qua một bên và các du kích ở một bên.

Căn phòng chính rộng khoảng 15 mét vuông, với khung nhà làm bằng những khúc cây nhỏ, vách lá dừa và mái tranh. Ván sàn là những mảnh gỗ tẻch cửa tay không đều. Chúng tôi vào nhà bằng cửa sau, qua một gian nhỏ có sàn nhà lót bằng cành cây, chỉ đủ chỗ để kê vài cái lu nước cùng ba cục đá để làm bếp nấu ăn. Khói tỏa ra qua một kẽ hở dưới mái hiên. Bên kia căn phòng chính là cửa trước, với một cánh cửa thô ráp làm bằng những miếng ván cửa tay có thể trượt qua lại để đóng hay mở cửa.

Như thường lệ, có một không gian riêng cho chúng tôi như mong muốn. Các du kích đã giăng một sợi dây ngang căn phòng và treo lên đó một tấm mền mỏng để ngăn cho chúng tôi một phòng riêng; song tấm mền đã được

kéo qua một bên và cứ ở vị trí ấy trong hầu hết thời gian. Điều để làm sau khi đến lúc hừng sáng là nằm xuống và ngủ thêm một chút, các du kích cũng trải chiếu và nằm xuống ở phía của họ. Chúng tôi được cấp một manh chiếu mới với một tấm vải nhựa màu đỏ lót ở trên tấm chiếu. Tôi tháo miếng vải nhựa ra và đặt nó ở phía dưới chân chúng tôi để ngăn những luồng gió thổi qua các kẽ ván sàn. Đó là một căn nhà nghèo nàn, và không có đủ gối để dùng; tôi phải gối đầu lên túi xách của mình. Khi nhìn lên mái nhà, tôi có thể thấy rằng túp lều này, mặc dù không cũ kỹ bằng chỗ ở trước đây, cũng đã phô bày những dấu vết của thời gian. Màng nhện bám trên mái tranh, và những con nhện đen đang mài miết chế tạo những màng nhện mới. Những con thằn lằn nhỏ màu nâu vàng bám chặt bất động trên kèo nhà, đầu cúi xuống dưới, rồi đột nhiên chạy vài bước thật nhanh. Lâu lâu một con trong bọn lại xit ra cục phân nhỏ xíu. Một con chuột đồng phóng ra từ một lỗ nhỏ trên mái nhà rồi chạy dọc theo một thanh kèo về phía nhà bếp.

Bên kia căn phòng, ở chỗ các du kích, có hai người mới. Người thứ nhất là một thanh niên Campuchia đẹp trai có vẻ mặt u sầu, cậu ta vờn vai cho đến khi xương kêu răng rắc. Rồi cậu ta cau có đưa tay ra dấu cho chúng tôi đặt tấm vải nhựa đỏ trở lại đúng chỗ của nó, tức là ở phía đầu của chiếc chiếu. Đây là nhà của cậu, và cậu không thích một kẻ xâm nhập phương Tây nào sắp xếp lại đồ đạc trong nhà. Tôi chợt nhận ra rằng chúng tôi đã đi lại và ngồi trên cái chỗ có lẽ là giường của cậu ta và rằng tấm vải nhựa đỏ được đặt lên trên là để che phủ cho chỗ đó. Nhưng cho dù sự bức bối của cậu ta có thể là có lý do, tôi cũng trở nên cảnh giác. Nếu cậu ta bịa chuyện nói xấu chúng tôi với các du kích thì sao? Nếu cậu ta lén nhét các băng đạn vào túi chúng tôi trong lúc tôi đi tắm thì sao? Mike chăm chú quan sát cậu ta rồi rút ra kết luận từ thái độ và cặp mắt đỏ ngầu của cậu ta rằng vấn đề là vì cậu ta đã uống quá nhiều rượu chứ không phải vì chúng tôi giẫm đạp lên chỗ ngủ của cậu ta. Tuy vậy trong một hai đêm đầu tôi vẫn phòng xa bằng cách đem theo quần mỗi

khi đi ra ngoài.

Người lạ thứ hai chính là cậu bé nhỏ nhắn đã dẫn đường cho chúng tôi băng ngang những cánh đồng. Cậu ta bưng trà, làm chuyện vặt, và lúc rảnh thì chơi vật lộn với người khác hoặc thực tập chĩa các cây súng trường nặng nề lên trần nhà. Người y tá cho biết cậu bé được giữ ở đó cho an toàn và để theo học một trường của du kích trong lúc cha mẹ cậu ấy đi chiến đấu.

Những cơn mưa gió mùa đang đến gần. Khi một cơn mưa rào lớn trút xuống vào một buổi chiều tối và ếch nhái bắt đầu kêu inh ỏi anh Ba và Ban Tun, người du kích Campuchia, cởi hết đồ ra chỉ còn quần xà lỏn, khoác tấm poncho nhựa, đi ra ngoài với hai cây tre dài và nhọn để xia ếch dưới ánh trăng. Họ quay về với một tá ếch bự, và chẳng mấy chốc chúng tôi đã được ăn một đồng đùi ếch nướng, ném xương qua khe sàn xuống cho lũ gà ở bên dưới. Cơn mưa đem lại lũ ếch nhái là một điều may vì các du kích đã sắp cạn hết gạo và đã cáo lỗi với chúng tôi rằng chúng tôi sẽ có thể phải ăn hạn chế cho tới khi họ kiếm được nhiều thực phẩm hơn. Anh Hai vui vẻ khi thấy chúng tôi thưởng thức được món cao lương mỹ vị ấy và nói: “Trong vùng giải phóng, nếu bạn không có thứ này thì bạn tìm thứ khác, như vậy sẽ không chết đói.”

Có hai bao gạo lớn đặt cạnh chiếc chiếu của chúng tôi, nhưng là của gia đình người Campuchia, và các du kích đã không đụng đến. Ngày hôm sau, các du kích kiếm được một bao thực phẩm nhỏ, mà theo họ thì gạo là do dân Campuchia cho, còn thịt, rau, bột ngọt và các thứ khác thì họ phải mua. Họ dành ra một giờ để cẩn thận nhét mọi thứ đó vào những cái ruột tượng mà họ quàng qua vai khi hành quân.

Một buổi chiều nọ các du kích bắt đầu nói chuyện với nhau đầy phấn khích, và Mike nghe lỏm được đủ để suy đoán rằng chúng tôi sẽ được ăn bữa tối với

món thịt chó. Rồi Wang báo cho chúng tôi biết tin này và nói rằng đã sáu tháng rồi anh ấy mới lại được ăn một bữa tiệc thịt chó. Anh cho biết họ đã mua được con chó đó, một con vật lông ngắn, màu trắng, nom giống như một chú chó sục cáo. Anh Hai đem ra một cái chai và một ống kim chích gắn với một ống cao su, có vẻ như chuẩn bị làm cho con vật chảy máu đến chết. Chúng tôi có thể nghe được tiếng chó sủa, ở đâu đó khuất dưới sàn nhà, và rồi đột nhiên không còn âm thanh nào nữa. Mặc dù về phía chúng tôi có đôi phần ngại ngùng, bữa ăn này khá ngon. Có món thịt chó om ăn với cơm, có những lát thịt chó rán ăn không, một tô cháo hầm, và sau đó là mỗi người vài miếng sườn chó nướng. Loại thịt này màu sẫm, có vị đậm đà gần giống như thịt hươu.

Các du kích tỏ ra ngạc nhiên khi biết người Mỹ không ăn thịt chó. Khi Mike giải thích rằng ở Mỹ chó thường được coi như một thành viên trong gia đình, thì họ cho đó là chuyện nực cười. Chúng tôi quyết định không thử thách sự căm giận của họ nên đã không kể cho họ việc chó Mỹ có thực phẩm đặc biệt, đôi khi còn mặc quần áo và được đưa đến các bệnh viện đặc biệt khi ốm đau.

Chính nhờ bầu không khí thoải mái trong nhóm đặc nhiệm nhỏ bé của chúng tôi mà chúng tôi đã có thể cười giỡn với nhau. Một đêm nọ, có lẽ một phần là vì chúng tôi, Ban Tun bắt đầu ngân nga mấy bài kinh cầu mà anh đã học được hồi thơ ấu. Anh Hai, trông giống một ông già Nô-en phương Đông hơn bao giờ hết với đôi má bầu bĩnh và cặp mắt long lanh, bắt đầu nhảy múa xung quanh anh chàng Campuchia đang ngân nga, lúc ấy ngồi xếp bằng với một tấm mền phủ trên vai. Ngay cả anh Tư mắt buồn cũng vui lây, tìm cách đặt ba cái gối lên đầu ông Phật hát kinh.

Khi họ đã chán trò chơi ấy rồi, anh Tư đề nghị chúng tôi hát một bài. Chúng tôi bắt đầu hát bài "We shall overcome" (Chúng ta sẽ chiến thắng), nghĩ rằng

họ sẽ thích bài đó, nhưng anh Tư xen ngang và tỏ vẻ muốn yêu cầu một bản nhạc đặc biệt nào đó. Mike lắng nghe kỹ lưỡng rồi nói: “Có lẽ anh ta muốn yêu cầu tụi mình hát một bản về loài vật”. Mike đề nghị một điệp khúc của bài “Old Macdonald Had a Farm” (Già Macdonald đã có nông trại), và chúng tôi đã làm họ thích thú bằng cách hát tất cả những lời nhạc mà chúng tôi có thể nghĩ ra.

Có một trò đùa khác mà nạn nhân là Wang. Cậu con trai hai mươi sáu tuổi của một thương gia giàu có ở Phnom Penh này là chàng công tử bột của nhóm đặc nhiệm. Mọi người đều tắm hai ba lần mỗi ngày, nhưng chàng tắm tới bốn năm lần. Trong nhà, chàng bận một cái áo thể thao trắng tinh và một quần sọc ka ki. Mỗi ngày năm sáu lần chàng chải mái tóc đen quăn và tỉa tốt chòm râu thưa bằng một đồ bấm móng tay rẻ tiền được cột vào cái hộp quẹt zippo của chàng. Một buổi sáng, hai người trong bọn trở về sau một chuyến đi bằng xe gắn máy kể rằng có mấy phụ nữ lớn tuổi ở vùng gần đó đã hỏi han rất nhiều về Wang. Họ muốn biết chàng bao nhiêu tuổi, từ đâu đến, và trên hết là đã có vợ chưa và liệu có thể kết đôi với một trong những cô gái chưa chồng của họ chăng. Khi chàng tỏ ra bối rối thì họ lại càng trêu chọc thêm và thế là chúng tôi có dịp được thấy một anh du kích mặc cỡ đồ mặt ra sao.

Khi đã quen biết, Wang kể cho chúng tôi rằng anh tham gia cách mạng từ hai năm trước, “lúc Lon Nol bắt đầu lên cầm quyền và tình hình trở nên khó khăn cho các học sinh người Hoa muốn qua Trung Quốc du học.” Anh nói được bốn thổ ngữ Trung Quốc, tiếng Việt, tiếng Campuchia, và một chút tiếng Pháp và tiếng Anh. Anh được cha mẹ trợ cấp khoảng một ñoà-la mỗi tháng và sử dụng chủ yếu để mua thuốc lá cho người khác, mua thêm thịt và mấy món đặc biệt, thí dụ như lâu lâu một gói bánh ngọt. Có lần, khi chúng tôi đã hết giấy viết và cây bút bi cuối cùng cũng đã cạn mực, anh trở về từ thị trấn với một cuốn tập học trò dày cộm có in hình Sihanouk trên bìa trước và

hai cây bút Bic mới toanh cho chúng tôi. Chúng tôi cũng được biết rằng chính anh là người đã mua xà-rông và vật dụng vệ sinh cho chúng tôi vào ngày thứ hai ở đây.

Đã nhiều lần chúng tôi đề nghị được trả tiền ăn của mình trong lúc còn bị giữ ở đây, hay theo cách nói của chúng tôi, cho đến khi họ xác minh xong về hồ sơ nhân thân của chúng tôi, nhưng họ nói điều đó không cần thiết trừ khi chúng tôi muốn có các thực phẩm đặc biệt. Chừng nào chúng tôi vẫn ăn những gì họ ăn, thì họ được cấp thêm một khoản phụ cấp lương thực là một đồng một người một ngày, đủ để trang trải chi phí cho chúng tôi.

Chúng tôi không giữ tiền của chúng tôi, dĩ nhiên - ngoại trừ 200 đô-la Mỹ bằng loại giấy bạc 20 đô-la mà tôi nhét trong dây đai đựng tiền, và đã quyết định không nhắc gì đến khi họ ra lệnh cho chúng tôi lấy hết mọi thứ trong túi ra trong ngày đầu tiên. Tiền bạc chúng tôi mang theo trong túi có lẽ đã được họ giữ cùng với các máy ảnh và các vật dụng khác mà họ lấy vào ngày đầu tiên. Anh Hai cho biết hy vọng chúng tôi sẽ nhận lại được những thứ đó và yêu cầu mỗi người viết một bản kê chi tiết những gì đã bị lấy đi, gồm cả số lượng tiền, mô tả các máy ảnh, và một danh sách tất cả hồ sơ giấy tờ của chúng tôi. Danh sách của tôi gồm một sổ tay phóng viên, một cuốn sách về Campuchia, và một bản tường trình in rônêô về các phi vụ làm rụng lá cây của máy bay Mỹ trên vùng biên giới của Campuchia, đây là điều mà tôi từng hy vọng sẽ kiểm chứng trong quá trình làm việc. Danh sách của Beth có cả cuốn Science and Health (Khoa học và Sức khỏe) của Mary Baker Eddy.

Mái tóc hung của Mike đã mọc rất dài, và một buổi chiều nọ anh Hai hỏi anh ấy có muốn cắt tóc không. Anh Tư đem ra một cái tông-nô, một cái lược và một cái kéo và bắt đầu làm việc với một cung cách chuyên nghiệp, xén trước rồi tỉa thưa mái tóc dày. Anh Hai chăm chú quan sát rồi phê bình “Cạo

đám tóc mai đi," anh ra lệnh. Mike không bày tỏ quan điểm gì, nhưng anh Tư có vẻ muốn để nguyên đám tóc mai như cũ, tức là dài tới ngang mái tai, mặc dù không có ai trong số du kích để tóc mai cả. Sau một hồi thảo luận về thẩm mỹ, họ đi đến thỏa hiệp và anh Tư dùng một con dao cạo hai lưỡi trần trụi để cạo bỏ nửa dưới của tóc mai ở cả hai bên.

Những cuộc chuyện trò về khuya với anh Hai tiếp diễn. Anh nghe chương trình phát thanh tiếng Việt của đài BBC rồi tóm lược cho chúng tôi. Một hôm có tin về việc hai mươi một chính phủ đã công nhận chính phủ lưu vong của Sihanouk. Anh Tư nói rằng sáu trong số ba mươi tiểu đoàn của Lon Nol đã bỏ ngũ chạy sang phía du kích và những tiểu đoàn khác ở lại trong doanh trại thì không chiến đấu. "Và đây không phải là tuyên truyền" anh Tư nói "Đây là theo đài BBC"

Một phần những điều anh Tư nói là nhằm trấn an chúng tôi. Anh nói: "Có nhiều máy bay trên đầu, nhưng hầu hết chúng đang làm các nhiệm vụ đặc biệt. Chúng không trông thấy gì nhiều, và khi chúng có thấy điều gì thì cũng mất nhiều thời gian để vòng lại." Anh chỉ thị: "Chuyện chạy vào vùng quê là chuyện bình thường đối với chúng tôi. Bất cứ lúc nào chúng tôi phải chạy, hãy chạy theo."

Anh nói tiếp: "Các anh đã nghe các máy bay B-52 tấn công chiều hôm đó chứ?" Không có ai ở chỗ đó cả. Nhân dân chúng tôi đã biết sắp có cuộc tấn công, và tất cả lánh đi. Một cuộc không tập của B-52 có bốn mục đích: dọn đường cho một cuộc tiến quân, đánh vào một vùng giải phóng mà không thể đến bằng đường bộ, lừa người dân ra khỏi một khu vực, hoặc đẩy người dân về các đô thị để có thể kiểm soát họ ở đó. Chính dân thường, mới là người bị tổn thất do các cuộc tấn công của B-52, chứ không phải các chiến sĩ cách mạng."

Đài phát thanh cộng sản thỉnh thoảng cũng nói về một đề tài thường được nêu ra trong các cuộc chuyện trò của các du kích với chúng tôi, đó là không lực của Mỹ và Nam Việt Nam không phải là một lợi thế có tính quyết định. Các du kích luôn nói về nhược điểm của máy bay và việc các chiến sĩ dưới đất có thể dễ dàng thoát khỏi các cuộc không tập, ngay cả đối với các cuộc tấn công thường được coi là đáng sợ của máy bay B-52. Một tối nọ chúng tôi nghe thấy trên đài tiếng Việt một bài dân ca rộn ràng được tốp ca nam nữ hát. Thỉnh thoảng chúng tôi có thể nghe được cụm từ B nam hai và Mi ke hiểu được một số từ khác nữa đủ để dịch điệp khúc vui tươi ấy là: "Ai mà sợ B-52 to lớn xấu xa?"

Anh Hai đề nghị chúng tôi đặt các câu hỏi, và tôi hỏi liệu điều gì sẽ xảy đến với những người Công giáo ở miền Nam Việt Nam khi cách mạng thành công, tức là nếu phía cộng sản chiến thắng. Tôi nói với anh ấy về viễn cảnh một cuộc tắm máu mà Nixon đã gợi ra, và đã gây băn khoăn cho nhiều người Mỹ vốn dĩ vẫn nghiêng về giải pháp rút quân Mỹ hoàn toàn. Anh Hai trả lời chúng tôi rằng chẳng có lý do gì để giết chóc bất kỳ một ai kể cả người Công giáo ngoại trừ một ít tội phạm chiến tranh. Anh nói: "Những người theo đạo thì có cùng mục tiêu với những người cách mạng. Khác với bọn đế quốc, tất cả chúng tôi đều muốn giúp đỡ nhân dân và đem đến cho họ cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhưng nhà tu hành hy vọng hoàn thành mục đích ấy bằng triết lý và cầu nguyện, còn người cách mạng thì dựa vào tổ chức và đấu tranh."

Chúng tôi hỏi có nhiều nhà sư tham gia cách mạng ở Campuchia không. Anh Hai đáp: "Một số nhà sư đã xếp áo cà sa để thay bằng bộ đồng phục đen của cách mạng, nhưng chúng tôi chưa muốn tất cả đều làm như vậy, vì cuộc cách mạng còn trường kỳ trong lúc xã hội vẫn cần phải có một sự thăng bằng."

Chúng tôi hỏi liệu một người sau khi tham gia cách mạng có thể vẫn giữ đức tin tôn giáo của họ được không. Anh ấy đáp: “Hoàn toàn không có mâu thuẫn giữa tôn giáo và cách mạng. Bạn vẫn có thể giữ tôn giáo nếu bạn muốn. Cả hai đều có cùng một mục đích là đem lại lợi ích cho nhân dân. Chỉ khi nào tôn giáo để cho ngoại bang và bọn phản động sử dụng để chống lại cách mạng, thì khi đó cách mạng mới chống đối lại. Chẳng hạn, nhiều lãnh đạo Công giáo ở Sài Gòn đã để cho họ bị sử dụng như vậy. Nhưng điều chắc chắn là một khi tín đồ các tôn giáo đã hiểu về cách mạng thì đương nhiên họ sẽ ủng hộ cách mạng.”

Cuộc sống trong căn lều nhỏ đã đi vào nề nếp ổn định đến nỗi chúng tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng đây chính là điểm đến của chúng tôi, và phải chăng chúng tôi sẽ được giữ ở đây vô hạn. Nhưng anh Hai nhắc nhở chúng tôi rằng trong thế giới của du kích thì mọi cái đều là tạm thời. Anh nói: “Chúng ta sẽ không di chuyển đêm nay trừ phi hoàn cảnh thay đổi.” Rồi anh ngụ ý rằng chẳng bao lâu nữa sẽ có thể có một sự thay đổi lớn: “Mùa mưa sắp bắt đầu. Khi đó sẽ chỉ còn một số ít người nước ngoài hay viên chức chính quyền ở lại với bộ đội, bởi vì bộ đội sẽ dời khu nhà ra sống trong rừng và cuộc tấn công của chúng tôi sẽ bắt đầu.” Tôi hiểu là “người nước ngoài” bao gồm chúng tôi và “viên chức chính quyền” bao gồm anh Hai, bởi vì anh có vẻ là một cán bộ chính trị có tầm cỡ.

Không có một lời báo trước nào, một buổi sáng sớm anh Tư chạm vào ngón chân tôi và nói: “Chuẩn bị đi”. Chúng tôi đã tập quen gói ghém sẵn số quần áo và vật dụng vệ sinh dự trữ ít ỏi của mình, nên không có vấn đề gì trong việc lách ra khỏi cửa và đi xuống cầu thang trong ánh sáng mờ mờ khi trời chưa rạng sáng. Anh Tư bảo chúng tôi lấy xà-rông che lên đầu để tránh việc lan truyền về sự có mặt của ba người phương Tây trong vùng này. Anh và Ban Tun dẫn chúng tôi đi ngang qua cái giếng nơi chúng tôi tắm hàng đêm và

qua cánh đồng nơi chúng tôi từng chiếm dụng để dựng một nhà vệ sinh tạm bợ. Sau khi băng qua cánh đồng trống rộng lớn, chúng tôi rẽ vào một khu rừng nhỏ, đi theo một con đường rừng lồi lõm, rồi lại đột ngột rẽ vào một đường mòn nhỏ hẹp chạy ngoằn ngoèo giữa đám cây cối, bụi rậm, cây leo chằng chịt. Đi được khoảng không quá nửa dặm thì đến một khoảng đất đã được dọn dẹp bằng cách chặt hạ các cây non, nhưng bên trên vẫn được các cành cây to và các cây leo che phủ hoàn toàn, làm thành một cái tán rậm rạp che khuất bầu trời. Ban Tun trải chiếc chiếu anh mang theo, và anh Tư bảo chúng tôi ngồi xuống đó nghỉ ngơi. Anh Ba đến từ một hướng khác, và ba người du kích đặt ba-lô, súng ống xuống, treo các tấm võng ni-lông của họ giữa các thân cây, rồi ngả lưng cho một khoảng thời gian chờ đợi kéo dài. Chúng tôi đoán hoặc là họ đề phòng một cuộc tấn công hoặc là họ muốn không cho chúng tôi trông thấy điều gì đó có thể diễn ra trong căn nhà ngày hôm đó.

Anh Hai và Wang đem đến bữa ăn sáng từ căn nhà, gồm cơm nóng và trà, rồi đem bình và đĩa đi, để mọi người còn lại với nhau như trước.

Người Campuchia có vẻ cô đơn vì ngoài Wang và anh Ba ra chẳng có ai trò chuyện, tiến đến ngồi với chúng tôi. Trước hết anh dùng con dao găm của anh để giúp chúng tôi cắt bỏ những gốc cây nhỏ bên dưới chiếc chiếu. Rồi anh rút cây bút bi ra, chỉ cho chúng tôi cách chơi cờ ca-rô kiểu Campuchia. Cũng với những dấu thập và dấu khoanh tròn như ở Mỹ, chỉ khác ở chỗ là phải đặt được một dãy năm dấu thay vì ba. Mỗi đấu thủ cố đặt năm dấu liền theo hàng ngang, dọc hay chéo, đồng thời cố ngăn cản không cho đối phương làm được điều đó trước mình. Chúng tôi chơi trên những ô vuông của tấm chiếu, và mỗi ván cờ đều kéo dài một cách thất thường cho đến khi có một bên thắng.

Khi đã chán trò chơi ấy rồi, tôi bèn nghĩ tới một dự án đã có sẵn trong đầu từ nhiều năm cho một dịp như thế này: tôi sẽ làm một bộ cờ vua. Dùng con dao bấm của mình, mà các du kích đã trao lại cùng với các dụng cụ vệ sinh, trước hết tôi khắc một cặp quân tháp từ một cành cây nhỏ để làm thử một quân cờ dễ làm nhất. Kế đó tôi khắc một quân mã là quân khó làm nhất. Mike kiếm một khúc cây lớn hơn và khắc một quân hậu, còn tôi làm một quân vua có cả một cây thập tự trên đỉnh. Chúng tôi lột vỏ cây ra để thành những quân cờ trắng, còn những quân cờ đen thì không lột vỏ. Beth đảm nhiệm chế tạo những quân tốt và khắc tất cả mười sáu quân từ những cành cây nhỏ. Cô ấy làm rất tốt sau khi tôi đã từ chối quân đầu tiên do chưa đạt. Vì nhằm không thể hoàn tất công việc này trong ngày nên chúng tôi đã cắt sẵn những cành cây với kích cỡ khác nhau để dành cho những quân cờ còn lại.

Đúng lúc ấy trời bắt đầu mưa. Anh Ba, anh Tư và Ban Tun lo xếp võng của họ, còn chúng tôi lo cất các nguyên liệu làm quân cờ rồi cuộn chiếu lại. Anh Tư dẫn chúng tôi đi sâu hơn vào rừng, đến một căn lều nhỏ chỉ có sàn nhà và mái nhà. Sàn nhà bằng cành cây đặt trên những cái cột cao hơn mặt đất khoảng gần một thước. Có năm bao thóc to tướng choán hết quá nửa không gian, nhưng chúng tôi cố chen chúc trong khoảng trống còn lại để tránh mưa. Khi cơn mưa đã tạnh. Anh Hai và Wang đem bữa ăn tối đến, lần này có thịt gà và rau cùng với cơm và nước trà. Ăn cơm xong, chúng tôi đợi đến khi trời gần tối mới lên đường trở về căn nhà. Trời lại mưa, vì thế Mike và tôi cởi áo và quần dài ra, cất trong bọc để chúng khỏi bị ướt.

Trên đường đi bộ về nhà, chúng tôi đã có dịp để biết về tầm cỡ của anh Hai trong phong trào du kích. Có một du kích người Việt nhìn thấy đội hình hàng dọc gồm tám người chúng tôi, đã chặn người đi đầu là Ban Tun lại. Anh Hai bước lên trước và nói vài câu với người du kích nọ. Anh ta cho chúng tôi đi tiếp. Anh Hai bảo chúng tôi : "Nếu không có tôi cùng đi thì mọi người đã bị

bắt hết rồi."

Khi đã về đến nhà, Mike nghe lỏm được đủ để hiểu vì sao chúng tôi bị đưa vào rừng. Sau khi hỏi mấy người kia về việc chúng tôi đã trải qua ngày hôm ấy ra sao, anh Hai nói với họ rằng rất tiếc họ đã chịu nhiều phiền phức khi phải dẫn chúng tôi vào rừng, chẳng qua chỉ vì anh thấy chúng tôi đã không đi tiểu quá định mức hai lần mỗi ngày khi ở trong căn nhà này. Hóa ra chuyển đi vào rừng chỉ là để làm cho cuộc sống dễ chịu hơn đối với chúng tôi, nhưng thật ra với lượng nước chúng tôi uống vào quá thấp như thế thì hai lần một ngày là đã đủ rồi.

Anh Hai lấy con dao găm ra và giúp chúng tôi hoàn tất bộ cờ vua. Anh có vẻ hào hứng với công việc này, và hóa ra là anh cũng nôn nóng muốn chơi. Khi chúng tôi hoàn tất, người chủ nhà Campuchia đã biểu lộ một sự thân thiện bất ngờ bằng cách đem ra một tấm bảng vuông và một viên phấn, rồi kẻ sáu mươi bốn ô vuông làm bàn cờ.

Anh Tư và Mike chơi ván đầu tiên, có anh Hai và tôi ngồi châu rìa. Họ học chơi nhanh, vì họ đã biết chơi một phiên bản Trung Quốc của trò chơi này gọi là cờ tướng với vài cách đi khác và có thêm vài quân cờ khác, như quân tượng và quân pháo. Họ ganh đua quyết liệt và phấn khích với mỗi nước đi. Tôi bắt đầu lo ngại ván cờ có thể trở thành biểu tượng đối đầu đông-tây và sẽ đi quá đà. Nhưng họ đã tỏ ra là những người biết thua và biết thưởng thức chính cuộc chơi. Khi xong ván cờ, Mike hỏi họ có muốn chơi ván nữa không. "Không", Hai đáp "dang, dang, ngu, ngu" ("đánh, đánh; ngu, ngu"), rồi trải chiếu ra nằm ngủ.

Sau một lần thua nữa, anh Hai bèn phán một câu điển hình Việt Nam rất khó diễn giải cặn kẽ: "Chúng tôi chưa thể thua bởi vì chúng tôi chưa từng thắng các anh. Chúng tôi giống như Nixon ở Đông Nam Á vậy. Ông ta không

thế thua vì ông ta chưa từng thắng chúng tôi."

Họ chơi cờ theo cách như họ chiến đấu. Các nước đi rất nhanh, thường là chỉ mất không quá mười hay mười lăm giây xem xét các tình huống. Họ rất lịch sự nên đã không giục chúng tôi chơi nhanh lên, nhưng khi anh Hai và anh Tư chơi với nhau thì có lần anh Hai nói "Mày định chơi tiếp hay là đi ngủ đây?" Họ có thể mất một quân tháp hay một quân hậu mà không hề tỏ ra mất tinh thần, và lại lao tới cố giành chiến thắng với các quân còn lại. Họ có thể lường định tình hình nhanh đến nỗi khi Mike hay Beth hay tôi lỡ sơ sẩy đi quân hậu vào nước chiếu tướng thì anh Hai hay anh Tư sẽ ăn quân đó nhanh như chớp trước khi chúng tôi kịp nhìn ra vấn đề, lại càng không kịp để xin đi lại nước cờ đó. Tôi cột các quân cờ trong khăn tay, và sau mỗi bữa ăn anh Tư và anh Hai thường đề nghị tôi đem ra chơi nữa. Khi chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay, họ cũng khó có thể tự kéo mình ra khỏi ván cờ, mà đợi cho đến khi tiếng máy bay hầu như đã ở ngay trên đầu thì mới chịu chạy ra khe cửa để quan sát.

Beth, đã học chơi cờ vua với cha cô ấy, có một thế cờ đặc biệt khiến cô có thể thường xuyên đánh bại các đối thủ Việt Nam. Cô khai cuộc nhanh, dùng quân hậu để tấn công, buộc họ phải đổi mạng những quân cờ quan trọng ngay từ đầu ván cờ. Chính sự hấp tấp của họ đã khiến họ không tận dụng được lợi thế từ nhược điểm của lối khai cuộc đó. Chúng tôi băn khoăn không biết họ sẽ phản ứng ra sao khi cứ liên tục bị một phụ nữ đánh bại nhưng họ đã tỏ ra hoàn toàn không có quan điểm đàn ông là ưu việt.

Cùng với thú chơi cờ vua, chúng tôi còn được hưởng sự thay đổi trong thực đơn, cũng vẫn là do Ban Tun cung cấp. Anh ấy đã làm quen với một phụ nữ làm việc ở cánh đồng bắp gần chỗ đầu tiên chúng tôi trú ẩn trong rừng. Anh trở lại đó gặp cô ta rồi quay về với một gói giấy màu nâu. Anh lăm lét mở nó

ra rồi thận trọng chìa cho những người khác thấy những miếng thịt trâu khô màu đen nằm trong đó. Anh cột cái gói trở lại như cũ, rồi họ căng một tấm mền ngang qua khung cửa hậu, nhìn ra để biết chắc là không có ai đang đi đến. Rồi anh Hai bắt đầu hầm một số thịt và nướng số còn lại để chuẩn bị cho bữa ăn chiều. Lúc ngồi ăn, anh mới giải thích vì sao phải giữ bí mật như thế. Người Campuchia chủ căn nhà này không chấp nhận việc ăn thịt trâu và sẽ tức giận nếu biết chúng tôi ăn thứ thịt này trong nhà ông ta. Nhiều người Campuchia suy nghĩ như vậy, dựa trên lập luận rằng trâu là loài vật rất quan trọng để cung cấp sức kéo. Khi người chủ nhà bước vào, lúc giữa chừng bữa ăn, họ đã đẩy cái tô thịt lại và không nói năng gì về cái thứ đựng trong đó.

Một món chiêu đãi khác là thịt nhím, do các nông dân bắt được và bán cho các du kích. Một món khác nữa là một trái dứa tươi mà anh Hai đã cắt vỏ một cách đúng bài bản rồi cắt cho mỗi người một khoanh dày mỏng nước vào một buổi chiều nóng bức. Chúng tôi ăn dứa theo cách của họ, tức là chấm nhiều muối để làm giảm bớt độ ngọt.

Các trò chơi, món ăn và các cuộc chuyện trò thú vị đã khiến cho thời gian qua đi vui vẻ, nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy một nỗi lo dai dẳng là mình có thể sẽ bị giam giữ vô hạn. Vì vậy thật là dễ chịu khi bắt đầu nhận được những lời bóng gió rằng có lẽ chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ được tự do. Đầu tiên là câu nói bất ngờ của anh Hai về việc "người nước ngoài" sẽ không thể ở chung với bộ đội tại mặt trận Campuchia khi mùa mưa đến. Một lần khác, anh Hai trò chuyện động viên chúng tôi về điều chúng tôi có thể viết sau một thời gian sống với họ. Anh nói: "Các anh có thể viết các bài báo hay là cả một cuốn sách có tầm quan trọng lịch sử lớn lao. Các anh có thể viết về cuộc chiến tranh thắng lợi của một nước nhỏ chống lại nước Mỹ. Cả thế giới sẽ đọc, nhất là những nước nhỏ khác đang muốn chống Mỹ nhưng không biết cách làm sao."

Có lần anh đột nhiên hỏi chúng tôi thích ở với họ bao lâu nữa nếu chúng tôi được tham khảo ý kiến. Anh nói : "Các anh cần hiểu là tới nay chưa quyết định được liệu các anh có đúng là các phóng viên báo chí hay không, nhưng tôi chỉ muốn hỏi nguyện vọng của các anh trong trường hợp vụ việc được xác định theo hướng có lợi cho các anh." Mike đã trả lời bằng tiếng Việt trước khi dịch câu hỏi cũng như câu trả lời của anh ấy cho Beth và tôi. Anh nói rằng anh thích ở thêm một tháng nữa.

Beth và tôi đồng tình với câu trả lời đó. Làm theo cung cách trang trọng lâu đời ở phương Đông, tôi đọc một bài diễn văn nho nhỏ, nhờ Mike phiên dịch từng câu một: "Chúng tôi hoàn toàn vui vẻ khi ở đây với các anh, ngoại trừ một điều. Đó là mối lo lắng về phía các gia đình chúng tôi vì họ không biết chúng tôi sống hay chết. Phải chi chúng tôi nhận được một lời từ gia đình rằng họ biết chúng tôi còn sống và khỏe mạnh thì chúng tôi sẽ hết sức yên tâm. Đây là một cơ hội tuyệt vời cho một nhà báo để có thể quan sát được phía bên kia của cuộc chiến tranh. Ngay sau khi các anh đã hoàn tất cuộc điều tra và xác minh được rằng chúng tôi là "người tốt", chúng tôi hy vọng sẽ được tự do di chuyển và được phép nói chuyện nhiều hơn với dân chúng và quan sát các vùng xảy ra chiến sự. Thêm một tháng nữa sẽ là một lượng thời gian thích hợp, vì khi đó sẽ là vừa qua khỏi cuối tháng 6, là thời điểm mà Tổng thống Nixon đã hứa rằng toàn bộ lính Mỹ sẽ được rút lui."

Anh Hai chăm chú lắng nghe, dừng một lát, rồi nói: "Đó là câu trả lời hay." Và cuộc nói chuyện kết thúc ở đó.

8. TIẾP TỤC TẤN CÔNG

 Ngày 9 tháng Sáu khởi đầu một cách u ám và không hề có điềm báo nào rằng đây sẽ là một trong những ngày nguy hiểm nhất và đầy ý nghĩa nhất trong đời chúng tôi. Các cơn mưa đầu mùa từng giữ chúng tôi ở trong nhà đã tạm ngưng, và anh Hai nói rằng sẽ đưa chúng tôi vào rừng lần nữa. Thời gian chúng tôi bị bắt đã vừa tròn một tháng từ hai ngày trước đó, mà vẫn chưa có dấu hiệu chắc chắn nào về việc liệu chúng tôi sẽ được sớm thả ra hay là chúng tôi sẽ bị giam giữ cho đến khi cuộc chiến kết thúc, hoặc để "cải tạo" chúng tôi, hoặc để thực hiện một kế hoạch nào đó nhằm từng bước sử dụng chúng tôi, những nhà báo bị bắt giữ, vào việc phục vụ tổ chức cách mạng.

Anh Ba và Ban Tun dẫn chúng tôi băng qua những cánh đồng vào lúc rạng đông. Không có một bóng người nào khác. Chúng tôi lách qua những vũng nước do trận mưa ngày hôm trước để lại, thận trọng lần bước để tránh các dây leo và các cọc nhọn trên nền đất vừa được phát quang làm một cánh đồng bắp nhỏ. Chúng tôi tiến thẳng đến túp lều nơi cất giữ các bao thóc. Tại đó họ để chúng tôi được ở riêng với nhau. Anh Ba mắc võng giữa hai thân cây, còn Ban Tun nằm trong gian nhà chái đánh một giấc trước bữa ăn. Lần này đã biết mục đích của một ngày ở trong rừng là nhằm tạo cho chính chúng tôi sự thoải mái và bớt nhàm chán, chúng tôi đã tận dụng sự tự do có giới hạn đó. Sau khi phơi quần áo còn ẩm do mới giặt tối hôm trước, Mike chọn một nhánh cây thẳng để gọt đẽo cho mình một đôi dũa. Rồi anh ấy và Beth đi một đoạn ngắn theo hai hướng ngược nhau trên con đường mòn và tập các động tác thể dục như cúi mình xuống và chạy tại chỗ. Tôi lo đi lòng kiếm các sợi dây rừng dài và dẻo để chuẩn bị làm vài thứ. Trước hết là sợi dây nịt tạm thời cho Beth. Cả bọn chúng tôi đều đã giảm cân, và những chiếc quần của Beth

đã bị xệ xuống. Chúng tôi luồn một sợi dây rừng qua mép quần rồi cột lại để kéo căng ra, giữ cho quần ở vị trí thích hợp. Tôi cũng lấy làm mãn nguyện vì mình vẫn còn bện được một cái nút theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, điều mà tôi từng làm hồi ở hướng đạo bốn mươi năm trước, và thế là có một cái vòng để giữ cái xà-rông ngay ngắn quanh cổ tôi. Sau cùng, sợi dây kéo của cái túi xách của tôi đã hỏng, và tôi cần thêm một sợi dây rừng nữa để đóng túi lại được.

Ban Tun tham gia với chúng tôi sau bữa ăn sáng, phô diễn kỹ năng của một người thợ rừng. Anh rà soát khu đất rồi dừng lại, đào lên một con châu chấu lớn mà anh đã phát hiện được nhờ cái lỗ thông hơi bé tí của nó. Anh cất nó vào túi áo, để dành cho bữa ăn chiều. Sau khi bắt thêm vài con nữa, anh xách khẩu súng trường đi tìm bắn mấy con chim bồ câu, thế là chúng tôi lại có khoảng thời gian riêng với nhau. Chúng tôi nói chuyện về thi ca, về lịch sử Mỹ và Trung Quốc, và rồi tới câu chuyện cổ hữu ấy là chúng tôi thích ăn gì trong bữa ăn đầu tiên khi trở lại Sài Gòn (Mike quả quyết chọn món sữa chua và trái mơ khô). Mike bắt đầu dạy một bài tiếng Việt mà không có hệ thống gì cả, rồi Beth luyện tiếng Pháp với anh ấy một lát. Đến trưa thì ngày hôm đó đã trở nên khá buồn tẻ.

Đột nhiên, chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay trực thăng từ xa. Ngay lập tức anh Ba nhanh chóng tháo văng ra và xếp lại, còn Beth thì quơ vội mở quần áo đang phơi trên mái hiên và các bụi cây. Ban Tun khom mình đằng sau một thân cây lớn với túi đồ và khẩu súng cacbin của anh. Ba người chúng tôi ngồi trong chòi, dựa lưng vào các bao thóc, chống cằm trên đầu gối. Anh Ba bảo chúng tôi cứ nấp kín và dù có chuyện gì xảy ra cũng đừng bỏ chạy.

Cảnh lá trên đầu chúng tôi quá rậm rạp nên chỉ thấy được một chút bầu trời, nhưng lại nghe rõ tiếng rền của các động cơ máy bay trực thăng. Nghe như chúng ở ngay trên đầu chúng tôi. Anh Ba chộp lấy khẩu súng trường M-16

của anh ấy rồi chạy xuyên rừng theo hướng ngược với cái làng chúng tôi đang ở. Ban Tun đợi một lát cho đến khi các chiếc trực thăng đổi hướng đi nơi khác, rồi anh ra lệnh cho chúng tôi xuống nấp ở bên dưới cái chòi. Tôi quơ túi xách và giày dép, và chúng tôi cùng với người lính Campuchia bò vào lớp bùn nhão trong khoảng trống thấp lè tè ngay phía dưới các bao thóc.

Đáng sợ thật. Mike đã từng vài lần bảo tôi và Beth rằng máy bay trực thăng là tệ hại nhất. Máy bay phản lực và máy bay cánh quạt bay quá cao và quanh lại quá chậm nên không thể phát hiện và tấn công người ở dưới đất. Xe tăng có thể chuyển động nhanh, nhưng chúng thường bám sát các trục lộ, hơn nữa, người ta có thể chạy qua một bên và dễ tránh được chúng. Nhưng máy bay trực thăng thì, như Mike nói, có thể săn đuổi một người trên mặt đất như mèo săn đuổi chuột và hạ gục anh ta bằng súng máy. Lúc ấy Mike thì thào rằng vận may lớn nhất của chúng tôi là những người trên trực thăng không nhìn thấy những đường viền hình vuông trên mái chòi xuyên qua các cành cây. Các bao thóc có thể cản đạn súng máy, anh nói, nhưng hỏa tiễn sẽ xuyên thẳng qua. Các máy bay trực thăng quay lại, và chúng tôi có thể nghe thấy chúng đang đảo vòng và chúi xuống, âm thanh lớn đến nỗi chắc chúng ở ngay trên đầu chúng tôi. Chúng tôi nghe được ít nhất là một tràng súng máy và đoán rằng đó là "loạt đạn trinh sát", tức là kỹ thuật bắn súng hú họa để làm cho các du kích trên mặt đất phải tự bộc lộ vị trí bằng cách bắn đáp trả. Sau bốn mươi lăm phút các máy bay trực thăng chuyển hoạt động tới vị trí cách đó chừng vài trăm thước, và sau khoảng mười, mười lăm phút nữa thì chúng bay đi hẳn.

Anh Ba quay lại, nhặt túi đồ của anh ấy lên, và bảo chúng tôi chuẩn bị di chuyển. Anh nói: "Hãy mang theo túi xách. Chúng ta sẽ đến một chỗ khác. Chỗ này dễ bị tấn công quá." Ban Tun dẫn đường men theo một con đường mòn đầy cỏ dại trong rừng, trong khi anh Ba đi theo một hướng khác. Chúng

tôi gạt những nhánh cây và đập trên dây rừng mà đi, được khoảng một phần tư dặm thì đến một cái hồ trũng bên dưới một cái cây rậm rạp. Các lùm cây nhỏ đã mọc lan trên các cành thấp của cái cây ấy, làm thành một mái che dày đặc. Chúng tôi ngồi xuống đó yên lặng và không cử động trong nửa giờ, với khả năng là các máy bay sẽ quay lại hoặc cuộc không kích hồi nãy sẽ được tiếp nối bằng một cuộc tấn công đường bộ.

Rồi chúng tôi đợi thêm nửa giờ nữa trong lúc Ban Tun đi thám sát khu vực chung quanh. Anh ấy quay lại với một mớ cam dại nhỏ và chua lè, và chúng tôi cố ăn các trái cam ấy cho qua thời gian. Chúng đắng nghét và đặc quánh, cứ như thể ăn một loại nhựa cây có hương chanh.

Cuối cùng thì anh Ba đã trở lại, tươi cười và tự tin, nom vẫn bánh bao và tinh tươm như thường lệ. Anh gác khẩu súng trường lên một khúc cây, lột cái nón cối màu vàng nâu, rồi ngồi xồm xuống, bắt đầu tường trình về chuyện đã xảy ra. Gạt bỏ đám lá khô để tạo ra một ô đất trống, anh vẽ lên đó một bản đồ thô sơ bằng một nhánh cây. Một chữ X để đánh dấu vị trí túp lều, và một vòng tròn gần chữ X để diễn tả đường bay của các trực thăng trong thời gian bốn mươi lăm phút chúng ở trên đầu chúng tôi.

Anh nói: "Đó là các trực thăng của Mỹ. Trong đó có một chiếc bay cao hơn ngọn cây chỉ khoảng mười lăm mét để lùng kiếm mục tiêu. Nó bay thấp đến nỗi sức gió từ cánh quạt đã làm cây cối nghiêng ngả và có thể làm lộ ra đường nét của túp lều. Tôi đã nhìn thấy người và súng máy trên chiếc trực thăng bay thấp nhất. Có một chiếc Cobra ở độ cao hơn, và cao hơn nữa là hai chiếc trực thăng khác".

Vạch thêm một đường cong ở phía bên kia khu vực bị tấn công, anh Ba nói rằng đó là nơi anh đã chạy khi các trực thăng bắt đầu tiến lại gần túp lều.

Anh kể: "Tôi đã tự để lộ mình và bắn ba phát vào chiếc trực thăng thấp nhất. Việc này khiến chúng tưởng rằng các chiến sĩ tụi tôi đang ở đằng đó và đánh lạc hướng chú ý của chúng khỏi căn lều mà các anh đang ẩn nấp. Chúng bắt đầu bay quanh chỗ đó để tìm cách tấn công chúng tôi. Nhưng tôi đã chạy vào rừng rồi quay lại túp lều.

Ngừng một lát, anh vỗ vào khẩu M-16 tịch thu được của Mỹ, nói: "Đây là một vũ khí kém. Nếu như tôi đã xài một khẩu AK-47 thì đã bắn trúng cái trực thăng ấy rồi."

Anh Ba nói rằng loại súng tiểu liên của Trung Quốc có thể bắn hạ một chiếc máy bay ở độ cao hơn năm trăm mét. Anh cho biết anh đã bắn hạ một chiếc trực thăng vài ngày trước khi chúng tôi bị bắt và còn kể tên bốn loại máy bay khác, trong đó có cả chiến đấu cơ Phantom F-4, mà anh nói rằng anh đã từng bắn hạ bằng khẩu súng Trung Quốc đó.

Rồi anh nói: "Điều tồi tệ nhất mà các anh đã có thể làm trong cuộc tấn công vừa rồi là chạy ra khoảng trống để tự lộ mình cho người Mỹ thấy. Tôi có đeo theo khẩu súng ngắn này bên hông, và nếu như điều tồi tệ đó xảy ra, tôi đã phải bắn các anh. Nhưng tôi biết các anh không làm như vậy. Tôi không nói nhiều, nhưng đã quan sát kỹ các anh. Tôi biết rằng các anh là người tốt."

Lần đầu tiên, anh kể cho chúng tôi đôi điều về anh. Anh đã chiến đấu chống Pháp tại Việt Nam, hiển nhiên là ở Đồng bằng sông Cửu Long về phía nam, trong nhiều năm cho tới khi Hiệp định Geneve đem lại một nền hòa bình tạm thời. Rồi anh sinh sống ở Phnom Penh, đi học, và trở thành một ngôi sao bóng đá, là thành viên một đội tuyển Campuchia trong một giải bóng đá quốc tế. Anh nói anh đã từng viết một cuốn sách về bóng đá. Nhưng rồi cuộc cách mạng bắt đầu trở lại, và anh đã trở lại với cuộc sống của một du kích suốt từ năm 1960.

Mike hỏi anh Ba phải mất bao lâu để huấn luyện một người thành một chiến sĩ du kích giỏi. Anh Ba đáp: "Một năm. Đủ để biết được liệu anh ta có ý chí chịu đựng chiến tranh và gian khổ hay không."

Bầu không khí thoải mái sau cơn nguy hiểm của cuộc tấn công có vẻ thích hợp để hỏi một câu hỏi đã ám ảnh chúng tôi hầu như từ ngày đầu tiên: "Anh có thích công việc mà anh đang được phân công này không?" Anh trả lời thẳng thắn: "Chắc các anh còn nhớ các trận tấn công vừa qua khi chúng ta phải bỏ chạy trước các cuộc không kích và trước quân địch đang tiến đến. Nếu không có các anh, tôi đã tham gia tất cả các cuộc chiến đấu đó, trụ vững và bắn đến cùng. Tôi sẽ ở trong số những người cuối cùng phải bỏ chạy." Anh nói anh đã bị thương ba lần và cho chúng tôi thấy các vết sẹo ở chân và lưng để chứng minh, nhưng anh tự hào vì chưa bao giờ ngưng chiến đấu quá một tháng. Anh là một người du kích tự nguyện, và anh thích điều đó.

Chúng tôi chưa từng cảm thấy gần gũi nhau đến thế. Chúng tôi cùng trở lại túp lều, đợi ở đó cho đến tối, là lúc chúng tôi có thể an toàn quay về căn nhà ăn bữa cơm chiều. Trong khi chờ đợi, Wang đem ra một bình trà đầy nước đã đun sôi; và vì không có ly nên anh đề nghị chúng tôi ngửa nắp bình ra để uống.

Tối lúc ấy, do chúng tôi đã đạt được tiêu chuẩn trong sự đánh giá của anh về chúng tôi, anh Ba đã thổ lộ đôi điều mà anh vẫn giữ kín. Anh hỏi: "Các anh có còn nhớ vào ngày các anh bị bắt, khi các anh bị trói ngòai dưới đất và bị bịt mắt, có một người đã nói chuyện với các anh và nói lỏng dây trói rồi nói rằng các anh sẽ không bị bắn và nếu các anh đúng là phóng viên thì sẽ được trả tự do chứ?" Rồi anh nói với Mi ke: "Ấy, tôi chính là người đã đến và nói lỏng dây trói. Anh đã hỏi tôi có phải là một đại úy không, và tôi trả lời rằng tôi chỉ là một trung úy thôi. Tôi đã nói như thế chỉ là để cho qua chuyện

thôi ." Không nói ra cấp bậc thật sự của mình, anh muốn ngụ ý là cấp bậc của anh cao hơn thế một chút.

Anh nói: "Tình thế của các anh lúc đó rất là hiểm nghèo. Dân chúng muốn giết các anh." Anh dùng cụm từ "danh chet " (đánh chết). Rồi nói tiếp: "Và có người muốn làm hại quý bà" - ý nói Beth. "Tôi cử hai người lính ở với các anh rồi giao nhiệm vụ cho một người lính khác ở với bà ấy. Sẽ là điều không đúng nếu người ta giết các anh khi không biết rõ các anh là người tốt hay xấu." (Ngụ ý của anh là nếu chúng tôi là "người xấu" thì giết chúng tôi cũng được thôi.) "Người Campuchia thì còn chưa hiểu rõ về chuyện này và trong một thời gian dài đã không tham gia cách mạng nên họ làm một số điều không tốt."

Anh Ba tiếp tục câu chuyện về cái ngày đầu tiên ấy: "Chiều hôm đó, lúc anh nói chuyện với người đàn ông to lớn - anh còn nhớ ông ấy chứ hả? - và ông ấy bảo anh rằng anh Ba sẽ chịu trách nhiệm về các anh. Là tôi đó. Ông ấy bảo tôi rằng đây là trách nhiệm của tôi. Dù xảy ra chuyện gì, tôi phải bảo vệ an toàn cho các anh. Đây là mối bận tâm chính của tôi trong mấy tuần lễ chúng ta sống với nhau vừa qua. Tôi muốn các anh sống. Tôi muốn thấy các anh bình yên về với gia đình. Tôi chỉ muốn các anh hội ngộ lại với gia đình."

Sau đó anh dặn dò thêm một số điều, và trở lại điều mà anh đã dặn trước đó: "Dù xảy ra chuyện gì, đừng bỏ chạy hay gọi người Mỹ. Sớm muộn gì thì các anh cũng sẽ được thả. Nếu các anh tự để lộ diện thì chỉ gây ra vấn đề cho chúng ta mà thôi. Tôi có khẩu súng ngắn ở bên hông đây. Nếu buộc phải làm trong tình huống nguy hiểm thì tôi có thể bắn các anh. Nhưng dù xảy ra chuyện gì, tôi cũng sẽ không làm điều đó."

Mike nói với anh ấy rằng chúng tôi hoàn toàn tin lời anh ấy về việc sẽ đưa chúng tôi sống sót ra khỏi tình thế này và chúng tôi sẽ không bỏ chạy. Tôi

cảm nhận là anh Ba cũng tin điều Mike nói và anh ấy đã hiểu rằng sẽ không bao giờ phải khơi lại vấn đề bắn hay không bắn chúng tôi nữa.

Anh nói: "Tôi hiểu. Sống với nhau một thời gian, người ta có thể hiểu nhau. Tôi thường ít nói, nhưng tôi hiểu những chuyện này."

Ngừng một lát, anh Ba quyết định tiến thêm một bước nữa. Anh nói bằng tiếng Việt.

Nghe xong, Mike quay qua Beth và tôi, khuôn mặt gầy gò của anh phản ánh sự lo âu xen lẫn xúc động. Mike nói: "Tôi không biết có nên phiên dịch lại câu này không, tôi có thể hiểu sai, nhưng tôi nghĩ là điều anh ấy nói là: Mặc dù chưa có ai nói cho các anh biết, nhưng các anh đã được đánh giá là các nhà báo chân thật và các anh sắp được thả."

Lúc ấy trời đã xâm xẩm tối. Chúng tôi đi bộ ra khỏi khu rừng rồi băng qua các cánh đồng dưới cơn mưa nhẹ, với các tấm xà-rông che trên đầu. Khi đến gần cái giếng, chúng tôi có thể nhìn thấy một số dân làng đang tắm. Ban Tun ra hiệu cho chúng tôi nấp vào bên một hàng cây thấp để đợi họ đi khỏi. Lúc ấy Beth đang tụt lại phía sau mấy bước. Tôi thấy cô ấy bước vội vào chỗ nấp, cặp mắt hé nhìn dưới tấm xà-rông và qua cặp kính có gọng bằng sừng màu mè, rồi khom mình xuống. Cảm giác nhẹ nhõm trước triển vọng được tự do đã bắt đầu ngấm, và bỗng nhiên cô ấy cảm thấy thích thú với vẻ mặt ngộ nghĩnh của chúng tôi khi đội các tấm xà-rông. Cô thì thào: "Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình giống một nhân vật trong một cuốn phim hạng B như bây giờ."

Anh Hai đang chờ chúng tôi bên ngọn đèn dầu khi chúng tôi leo cầu thang lên căn nhà nhỏ. Trước đó Wang đã vào trong làng để mua sắm. Anh Hai đưa xà phòng cho chúng tôi và nói: "Các anh có thể tắm, nhưng phải nhanh lên, vì

chúng ta sẽ di chuyển tối nay. Nhưng trước hết sẽ có một người ở cấp trên đến thăm các anh."

Đến bữa ăn tối, mọi người đều đói bụng sau một ngày dài nguy hiểm, căng thẳng và gắng sức. Mỗi người ăn ba đĩa cơm đầy. Chẳng cần đến lời khuyên ăn tốt của Ban Tun, nhưng anh ấy muốn bảo đảm chúng tôi được tăng cường sức lực cho chuyến đi sắp tới.

Chúng tôi rửa chén ở cái hiên nhỏ sau nhà rồi trở lại căn phòng chính. Mi ke và tôi mặc áo sơ-mi và chải đầu. Chúng tôi ngồi đợi.

9. SÁNG TỎ

 Anh Tư bảo chúng tôi: “Người ở cấp trên đã có mặt ở đây để gặp các anh. Vài phút nữa ông ấy sẽ vào nhà”.

Anh Ba ngồi bệt cạnh chúng tôi, nói: "Chúng ta sẽ bắt đầu một cuộc hành trình dài ngay sau khi vị khách này nói chuyện với các anh xong." Chúng tôi trao đổi với anh ấy những nụ cười về chuyện bí mật này. Anh ấy không cần thiết phải dặn dò chúng tôi giữ bí mật.

Có tiếng bước chân ở cầu thang, rồi một khuôn mặt quen thuộc xuất hiện ở ngưỡng cửa, cái miệng lớn mở thành một nụ cười rộng. Chính là người đàn ông to lớn ở buổi tối đầu tiên, người cán bộ cao cấp đã bảo chúng tôi rằng vụ việc của chúng tôi sẽ được xử lý và đã giao cho anh Ba phụ trách việc an toàn cho chúng tôi. Tối nay, thay vì mặc bộ đồng phục ka ki, ông mặc một bộ bà ba đen của nông dân. Ông đi chân trần, vì đã bỏ dép lại dưới chân cầu thang. Trên tay ông là một cái đèn pin.

Ông hỏi: “Các anh còn nhớ tôi chứ?” Đó là một câu hỏi vui đùa. Chúng tôi bắt tay nhau nồng nhiệt như những người bạn bè cũ. Mặc dù trước đó chúng tôi chỉ gặp ông một lần, nhưng chúng tôi vẫn thường nghĩ đến và nhắc đến ông như một cơ may tốt nhất để sống còn và được trả tự do. Ông là sợi dây nối kết chúng tôi với Hà Nội, nơi những người lãnh đạo chắc hẳn biết rằng việc trả tự do cho các nhà báo chân chính sẽ có lợi ích tốt nhất cho họ. Ngoài ra nụ cười thoải mái và tác phong tự tin của ông đã đem lại niềm tin. Chắc hẳn ông là một nhà chỉ huy tài ba.

Ông giới thiệu người phụ tá, một người có khuôn mặt răn rỏi, hơi thấp hơn

một chút, với mái tóc đen cắt rất ngắn và một cái khăn đỏ quấn ngạo nghễ quanh cổ. Anh Tư đem ra bình trà và mấy cái ly rồi lui bước, và năm người chúng tôi nhâm nhi nước trà trong một lát. Chúng tôi ngồi xếp bằng tròn đối diện nhau khuôn mặt chúng tôi khuất một nửa trong bóng tối và một nửa được chiếu sáng bởi một cây đèn dầu đặt trên một bao thóc. Người đàn ông cao lớn hỏi thăm sức khỏe chúng tôi, nhận xét rằng Beth đã gầy đi. Chúng tôi nói là sức khỏe mọi người đều tốt.

Ông hỏi : "Các anh có biết vì sao tôi đến đây không?"

Là một thành viên lớn tuổi trong nhóm tôi yêu cầu Mike trả lời rằng chúng tôi không biết nhưng chúng tôi hy vọng rằng đó là vì cuộc điều tra đã xác định được chúng tôi đúng thật là các nhà báo như chúng tôi đã trình bày.

Ông nói: "Phải, đúng vậy. Chỉ huy cấp cao của nước Campuchia đã quyết định các anh sẽ được thả càng sớm càng tốt. Cuộc điều tra của chúng tôi đã mất nhiều thời gian vì tình trạng chiến tranh. Cũng vì tình trạng chiến tranh mà có một số khó khăn liên quan tới đồ đạc của các anh. Các đồ đạc ấy được giữ chung với nhau, nhưng vào lúc này chúng tôi không biết chúng đang ở đâu hay liệu chúng tôi có thể trao trả lại cho các anh không. Chuyện này có gây ra vấn đề gì nghiêm trọng cho các anh không?"

Mi ke trả lời rằng các đồ đạc đó đều có thể thay thế được và chúng không quan trọng gì trong hoàn cảnh này.

"Vài ngày nữa chúng ta sẽ gặp lại và sẽ bàn cách thức để có thể trao trả an toàn các anh cho phía Mỹ. Trong lúc này nếu các anh ở lại đây thì không tốt lắm. Tôi đã nghe kể về vụ mấy cái trực thăng hồi chiều nay. Vài phút nữa các anh sẽ lên đường. Đây sẽ là chuyến đi dài. Sẽ có khó khăn."

Không khó khăn gian khổ nào là quan trọng đối với chúng tôi khi giờ đây đã được hứa trả tự do. Chúng tôi sẵn sàng cho chuyến đi dài trong trời đêm rét mướt.

Ông ấy nói tiếp: "Ngày mai tôi muốn các anh viết một bản tuyên bố bằng tiếng Pháp nói về việc các anh đã được đối xử như thế nào từ lúc bị bắt, ý kiến của các anh về quân Giải phóng, so sánh giữa phẩm chất của quân Giải phóng với quân Mỹ và quân Thiệu-Kỳ, và suy nghĩ của các anh về hậu quả của cuộc xâm lược Campuchia. Chúng ta cũng sẽ thảo luận vài vấn đề chính trị khi gặp lại nhau. Các anh sẽ có cơ hội nói chuyện với một đại diện của Quân đội Giải phóng Campuchia, người này sẽ trả lời các câu hỏi của các anh. Để chuẩn bị cho cuộc gặp đó, các anh có thể viết sẵn ra các câu hỏi."

Người sĩ quan Bắc Việt Nam lặng lẽ đứng lên, vắn vỏi nụ cười ấm áp đó. Chúng tôi bắt tay nhau và ông ấy chúc chúng tôi may mắn. Ông và người phụ tá lặng lẽ xuống cầu thang rồi đi vào trong bóng đêm.

Anh Ba thông báo những chi tiết cuối cùng về chuyến đi: "Chúng ta phải đi hai mươi cây số (khoảng mười ba dặm). Có thể có ném bom. Chúng ta sẽ phải đi nhanh. Tổng cộng chuyến đi sẽ mất khoảng năm giờ."

Ở chân cầu thang, Beth và Mike mang dép, còn tôi thì mang vớ và một đôi giày phủ đầy bùn khô cứng, cột giày bằng mấy mẫu dây giày còn lại. Beth cột tấm xà-rông quanh vai để phủ lên cái áo sơ mi bằng vải bông mỏng và để sẵn sàng trùm lên đầu trong trường hợp khẩn cấp. Các du kích đưa cho Mike một cái mũ dã chiến của Mỹ. Anh Tư ngắm nhìn cái mũ bê-rê đen của tôi và cho là nó chưa đủ che khuôn mặt phương Tây của tôi. Anh đổi cho tôi cái mũ rộng vành của lính Mỹ từ thời Thế chiến thứ I, rồi đội lệch cái mũ bê-rê một cách điệu nghệ lên đầu anh. Anh Ba đưa cho Mike và tôi mỗi người một cái ruột tượng bằng vải đựng khoảng năm ký gạo để đeo trên vai. Anh nói "Bây

giờ nếu gặp dân chúng thì họ sẽ tưởng các anh là bộ đội." Chuyện này gọi cho tôi nhớ lại trong quyển tiểu thuyết về thế chiến thứ hai The seventh Cross, có một người đào tẩu đã tìm cách đi qua một thành phố châu Âu dưới mắt bọn Quốc xã bằng cách vác cái máy nặng nề để đánh lạc hướng chú ý và khiến mọi người nghĩ rằng anh ta có một lý do hợp lệ để hiện diện ở đó.

Văng trắng non bắt đầu mọc lên khi chúng tôi khởi hành trên con đường mà chúng tôi vẫn thường thấy các đoàn quân đi qua trong hai tuần ở trong căn cứ. Anh Tư dẫn đường, cùng với anh Ba và Wang đi đầu. Beth, Mike và tôi đi theo hàng một, có Ban Tun đi bên cạnh, cất bước thoải mái với cái ba-lô nặng tự chế từ vải nhựa. Anh Hai đi đoạn hậu.

Lúc đầu ánh trăng đủ sáng để có thể dễ dàng bám theo con đường mòn băng qua đồng trống và thỉnh thoảng xuyên qua các cánh rừng. Ở một chỗ, chúng tôi gặp một đoàn quân du kích khoảng một trăm người, với ba-lô và súng ống. Tôi nhận thấy có vẻ như trong một số ba-lô có chứa đạn súng cối hay hỏa tiễn gì đó. Văng trắng lặn xuống, và chúng tôi bước đi trong bóng tối, le lói những chấm đỏ của những điều thuốc của các du kích. Không thể nhìn thấy cái quần màu đen của Beth, nhưng màu trắng của gót chân cô ấy đã giúp tôi không phải đâm sầm vào cô ấy. Con đường đất làm thành một vệt trắng mờ nổi lên giữa cây có hai bên ven đường, đôi lúc lại chuyển thành một vệt đen khi có các vũng bùn do cơn mưa để lại. Không ai nói gì. Chỉ có tiếng lạch bạch của những đôi dép, tiếng kéo kẹt của đôi giày của tôi, tiếng lách tách của sợi dây đai trên túi xách của Mike khi nó chạm đất theo mỗi bước chân.

Sau một đoạn dài băng rừng, chúng tôi đến một con đường trên một dải đồng trống nằm giữa hai dòng kênh. Ở đằng xa, chúng tôi có thể trông thấy một dãy hỏa châu đánh dấu các căn cứ hỏa lực của Mỹ. Ánh hỏa châu phản

chiếu trên những ô vuông ruộng lúa trải dài. Tôi lưu ý Mike về một vệt sáng trông giống như một hỏa châu kéo dài và cứ đứng mãi ở đó chứ không tàn lụi đi sau năm hay mười phút như các hỏa châu khác. Đó là một dãy dài ánh sáng rực rỡ ở ngay phía trên đường chân trời. Nó có vẻ như đang chuyển động qua lại, giống như các mô tả về đĩa bay. Mike cho rằng đó chắc là những cái đèn pha ở căn cứ Mỹ trên đỉnh núi Bà Đen, một quả núi cao hình nón ở bên kia biên giới, trên đất Việt Nam, gần thị xã Tây Ninh. Đến một chặng nghỉ, tôi đã dùng ngón chân để định vị dãy ánh sáng đó và nhận ra rằng chuyển động qua lại của nó chỉ là một ảo ảnh thị giác và có lẽ là Mike nói đúng.

Cánh đồng giữa hai con kênh có vẻ như dài vô tận. Nó cứ trải dài mãi khoảng ba bốn dặm. Ở cuối những con kênh đó, chúng tôi đến một điểm khó khăn nhất đó là một cây cầu đã hư hỏng một phần. Toàn bộ ván lót cầu đều không còn, và trời quá tối đến mức khó phân biệt được giữa các thanh xà gỗ với mặt nước ở dưới đó vài thước. Những người khác có vẻ không gặp khó khăn gì, nhưng với tôi thì ánh sáng yếu đã làm tôi hoa mắt và tôi phải nhích từng phân một cho tới khi đi hết cây cầu dài khoảng năm mươi thước.

Đi tiếp khoảng một dặm nữa, chúng tôi rẽ phải vào một lối mòn ngoằn ngoèo. Con đường chạy vòng qua một căn nhà, qua một giếng nước, rồi đến một căn nhà lớn hơn, ở đó chúng tôi trông thấy những bóng người trên hiên nhà, với ánh sáng rọi ra từ một khung cửa lớn. Căn nhà có vẻ quen quen, và tôi đã nhận ra nó ngay khi tiến đến những bậc thang rộng của cái cầu thang lớn mà chúng tôi đã leo nhiều lần khi còn ở căn Nhà Bọ. Người chủ nhà tóc xám khó tính đang ngồi uống trà bên bình trà đựng trong cái ấm dứa. Ông ấy mỉm cười và chào đáp lễ lại khi chúng tôi chào theo cách của đạo Phật, với hai tay chắp lại dưới cằm, rồi bắt tay chúng tôi. Ngay cả người vợ có bộ mặt lạnh lùng của ông ấy, trước đây vốn đã tỏ ra khó chịu và không tán thành

trong lần đầu tiên chúng tôi đến nhà, nay còn bị dựng dậy lúc rạng sáng để pha trà cho một đám khách không mời đến chậ nhà, vậy mà ông cũng mỉm một nụ cười hiểu khách với chúng tôi.

Chúng tôi đều đã mệt mỏi, cả các du kích lẫn các người Mỹ, và tất cả đã ngủ cho đến giữa trưa. Ngay đến nhưng con mối rớt từ trần nhà xuống cũng không làm gián đoạn giấc ngủ của chúng tôi. Cuối cùng, khi chúng tôi thức dậy, rời căn phòng nhỏ để vào gian chính của ngôi nhà, anh Hai và Ban Tun vẫn còn nằm bất động trên chiếu.

Anh Ba, luôn có ý thức về trách nhiệm là một chỉ huy về quân sự của toán đặc nhiệm nhỏ này, đã cho chúng tôi những chỉ thị ngắn gọn: "Khu vực này tương đối an toàn, người Mỹ biết là chỗ này không thích hợp cho bộ đội chúng tôi vì không có rừng ở gần bên để có thể ẩn náu khi bị tấn công. Chúng tôi không dự kiến là sẽ có cuộc tấn công, nhưng nếu như có thì dù gì cũng đừng bỏ chạy. Hãy ở lại trong căn nhà này. Nó vững chắc và ở nơi đây các anh sẽ được an toàn hơn hết. Nguy cơ về một cuộc tấn công trực tiếp là rất nhỏ."

Anh Tư đã thu thập được một số tin tức từ những người Campuchia: Đội quân đã khiến chúng tôi phải chạy ra những cánh đồng vào buổi sáng sau khi chúng tôi rời Nhà Bọ đã chậm hơn chúng tôi chỉ năm tiếng đồng hồ. Khi họ đi qua ấp này thì toàn bộ du kích đã rời khỏi đây. Chúng tôi có thể hình dung ra cảnh những gia đình Campuchia hồn nhiên cam kết rằng họ chẳng hề thấy một người cộng sản nào trong vùng từ nhiều tuần qua.

Anh Tư cũng có thông tin thêm về một cuộc tấn công vào căn nhà đầu tiên mà chúng tôi trú ngụ. Trước đây chúng tôi được báo là cả nhà này bị sát hại. Nay anh nói: "Chỉ có ông bố bà mẹ bị giết, còn đứa con gái nhỏ chỉ bị bắn mất cánh tay." Thông tin cải chính về sự cố này vừa đau xót hơn mà vừa

đáng tin hơn. Khi cải chính câu chuyện này, dường như các du kích muốn truyền đạt lại cho chúng tôi những thông tin đầy đủ nhất mà họ có được. Đối với chúng tôi thì điều này là một dấu hiệu nữa cho thấy họ xử sự thẳng thắn với chúng tôi. Chúng tôi càng thêm tin tưởng rằng mình không phải là nạn nhân của một trò lừa bịp, vì vậy chiều hôm đó chúng tôi có thể yên tâm viết bản tuyên bố mà người đàn ông cao lớn đã đề nghị chúng tôi viết, mà không e ngại gì nhiều về việc bài viết đó sẽ được sử dụng như thế nào.

Chúng tôi hiểu rằng họ muốn có bài viết đó để tuyên truyền, nhưng chúng tôi tin rằng mình có thể viết một bài thỏa mãn được họ đồng thời không trình bày sai với sự thật mà chúng tôi đã thấy. Sẽ có những điều được viết ra không phải từ hiểu biết của chính chúng tôi, và khi đó sẽ ghi rõ là chúng tôi chỉ tường thuật lại những gì được nghe nói.

Tôi chép lại một bản sao tiếng Anh sau khi Beth đã dịch sang tiếng Pháp:

Cách đối xử với chúng tôi sau khi chúng tôi bị bắt ngày 7 tháng 5 năm 1970 trên Quốc lộ 1 gần Svai Rieng nói chung là rất chu đáo cho sự an toàn và sức khỏe của chúng tôi. Một ngoại lệ duy nhất là một sự cố có thể hiểu được vào ngày đầu tiên, trước khi lý lịch của chúng tôi được xác lập. Chúng tôi đã bị đối xử một cách thô bạo (Beth dịch là "hơi khắc nghiệt ") trong một khoảng thời gian bởi những người Campuchia, họ đã trở nên căm ghét mọi người Mỹ vì việc xâm lược Campuchia và việc chính quyền Nixon ném bom vào dân chúng. Quân giải phóng đã chặn những hành động thô bạo đó lại để đảm bảo an toàn cho chúng tôi là những nhà báo quốc tế. Chúng tôi không bị một hậu quả xấu nào từ sự cố này.

Từ thời điểm đó, cách đối xử với chúng tôi là hoàn toàn thỏa đáng. Những người được giao nhiệm vụ chăm lo chúng tôi thì rất khéo léo và liều mạng sống của họ để bảo vệ chúng tôi trước các cuộc tấn công từ mặt đất và trên

không. Họ chăm sóc tốt sức khỏe chúng tôi bằng cách chia sẻ đồ ăn và tìm các vật dụng vệ sinh và thuốc chữa bệnh cho chúng tôi và lo cho sự an toàn và khỏe mạnh của chúng tôi. Hơn thế nữa họ đã thể hiện một lòng hiếu khách chân thành khiến cho thời gian sống chung với họ là chấp nhận được và không thể nào quên.

Năm tuần lễ trải qua với những người lính này đã tạo cho chúng tôi một ấn tượng tích cực về quân giải phóng. Chúng tôi đã đặc biệt quan sát về quan hệ của họ đối với dân chúng. Những người này luôn luôn lịch sự và hòa hợp với dân thường ở những nơi họ trú đóng. Họ trả tiền để mua thực phẩm, họ giúp người tỵ nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm, và họ thể hiện sự kính trọng đối với những gia đình mà chúng tôi ở nhờ. Đối lại, người dân đã thể hiện tình cảm hữu nghị và hợp tác rộng rãi với những người lính này.

Chúng tôi cũng ghi nhận được tinh thần cao của quân giải phóng, sự nhận thức tỏ tường về chính nghĩa của họ và sự hiến mình cho thắng lợi của chính nghĩa đó. Hơn nữa chúng tôi đã chứng kiến tài năng quân sự của họ, và chúng tôi cảm thấy an toàn trong tay họ bất chấp những tình huống hiểm nguy.

Những ấn tượng đối với quân giải phóng thật là khác biệt sâu sắc so với ấn tượng của chúng tôi về các hành động của lính Sài Gòn vào cái ngày chúng tôi bị bắt. Tại Parasaut chúng tôi đã nhìn thấy lính Sài Gòn đem đi khỏi thành phố này gạo dự trữ, đồ gỗ và các đồ gia dụng khác. Chúng tôi ghi nhận rằng họ đã phá cửa đột nhập vào các căn nhà và các cửa tiệm để lấy cắp các thứ ở bên trong. Phần lớn thường dân đã chạy khỏi thành phố hoặc bị giết chết. Chúng tôi nghe nói rằng đây là cách hành xử thông thường của lính Sài Gòn.

Về người Mỹ, chúng tôi đã nghe được âm thanh của cuộc ném bom ác liệt và tiếng súng máy và hỏa tiễn từ máy bay, tiếng xe tăng và lính tráng của họ. Chúng tôi nghe nói rằng nhiều cuộc tấn công của lính Mỹ cũng như của lính

Sài Gòn là nhằm vào các vùng dân cư, và thường dân là những nạn nhân chủ yếu. Chúng tôi cũng được nghe về các vụ lính Mỹ cưỡng hiếp phụ nữ ở các làng mạc.

Trên cơ sở những điều quan sát được, chúng tôi tin rằng cuộc xâm lược Campuchia của quân đội Mỹ và Sài Gòn không thể thành công. Nó không đem lại gì ngoài một cuộc chiến tranh ác liệt và kéo dài cho đất nước thanh bình này và làm cho hòa bình ở Đông Dương càng khó đạt được hơn.

Nếu như bản tiếng Anh có những chỗ giống như được phiên dịch tời từ một ngôn ngữ khác, ấy là vì trong lúc soạn thảo chúng tôi đã phải chú ý tới những hạn chế về tiếng Pháp của Beth. Thỉnh thoảng cô ấy chặn chúng tôi lại với lời phản đối : “Tôi không dịch được câu đó đâu,” thế là chúng tôi phải trở lui, tìm kiếm một mệnh đề tiếng Anh mà cô ấy có thể xử lý được.

Sau khi giải quyết xong nhiệm vụ đó, chúng tôi chuyển sự chú ý đến những câu hỏi mà chúng tôi muốn hỏi ở cuộc họp báo cuối cùng mà người ta đã hứa tổ chức. Chúng tôi cố gắng chuẩn bị bản câu hỏi thật cụ thể, như về con số tổn thất của mỗi bên, số máy bay và trực thăng bị bắn rơi, diện tích lãnh thổ và số dân được xem là đặt dưới quyền kiểm soát của “Quân đội Giải Phóng”. Chuyển sang các vấn đề chính trị , vì trước đây họ đã nói với chúng tôi rằng họ nghi ngờ CIA đã can dự vào vụ lật đổ Sihanouk, nên chúng tôi yêu cầu có các thông tin xác thực về việc này. Chúng tôi ghi thêm câu hỏi về mức độ hợp tác giữa nhân dân Campuchia, Việt Nam và Lào trong các giai đoạn của cuộc chiến tranh giải phóng; đây là một cách để moi được một cái gì đó về điều bí mật lan truyền rộng rãi rằng Bắc Việt Nam và Mặt trận Dân tộc Giải phóng có quân đội ở Campuchia và rõ ràng đang lãnh đạo chiến lược và gánh chịu sức nặng của cuộc chiến tại đây. Cuối cùng, chúng tôi ghi rằng chúng tôi ắt sẽ bị hỏi ngay tức khắc về những nhà báo khác bị mất tích ở Campuchia.

Do đó chúng tôi yêu cầu cung cấp mọi thông tin về các phóng viên hay các tù binh Mỹ bị giam giữ ở Campuchia.

Chúng tôi trao bản tuyên bố và bản câu hỏi cho anh Hai, rồi Mike và tôi chuyển suy nghĩ đến một chuyện cấp bách hơn. Hai chúng tôi bị đau bụng và tiêu chảy, có lẽ vì nước giếng do Ban Tun lấy từ một ngôi nhà nào đó dọc đường buổi tối hôm qua. Sau hai lần được phép đặc biệt để đi ra ngoài đến một cái cầu tiêu tạm bợ giữa các bụi chuối, tôi hỏi anh Ba có thuốc uống không. Thay vì các viên thuốc màu trắng đắng nghét mà trước đây đã có lần cho chúng tôi, anh Ba đưa cho chúng tôi một lọ thuốc nhỏ của Trung Quốc có mùi giống như dầu cây lộc đề (wintergreen). Anh ấy bảo chúng tôi thoa thuốc lên bụng rồi nhỏ ba giọt vào một ly trà nóng. Uống vào giống như hít một hơi thuốc lá bạc hà. Tôi chưa từng thấy một thứ thuốc nào có công hiệu nhanh đến thế. Cơn đau bụng ngừng lại ngay lập tức, và không tái diễn nữa.

Ngày tiếp theo, 11 tháng 6, anh Hai và anh Ba bỏ ra vài giờ nói chuyện với chúng tôi về bản chất cuộc cách mạng của họ và tầm quan trọng của các nhà báo trong việc kể về cuộc cách mạng đó cho thế giới biết. Thời điểm trả tự do cho chúng tôi đang đến nhanh, và họ muốn tác động đến những bài viết về kinh nghiệm mà chúng tôi vừa trải qua. Họ làm như vậy có thể là do nhiệt tình với chính nghĩa của họ, cũng có thể là từ ý thức rằng họ sẽ có công hay có tội đối với những gì chúng tôi sẽ viết ra. Thế nhưng cuộc trao đổi lan man của họ không hề là một bài tổng kết nhồi nhét, đúng hơn đó là một cuộc trò chuyện thoải mái giữa bạn bè, trong lúc chúng tôi ngồi trên sàn gỗ bóng láng uống trà và thỉnh thoảng nhai những trái ổi xanh của Ban Tun.

Anh Hai nói: "Chúng tôi chỉ muốn các anh viết đúng tình hình thực tế ở đây. Mặc dù người ta đã nói nhiều điều về chúng tôi các mục tiêu của chúng tôi là rất đơn giản. Điều chúng tôi mong muốn là một xã hội tốt đẹp hơn, các

nhà máy do nhân dân làm chủ, xây dựng thêm trường học, và cung cấp thuốc men cho người dân."

Ngừng một lát, anh Ba nhắc chúng tôi một số chuyện đã trải qua: "Các anh đã cùng chúng tôi trải qua nhiều kinh nghiệm. Chúng ta đã từng ăn cơm với muối, và ăn cơm với những món xa lạ đối với các anh. Chúng ta từng uống trà, nước nóng nước lạnh và cả nước làm cho chúng ta bệnh. Chúng ta trốn trong rừng trước máy bay và trực thăng, và chúng ta từng đi bộ hai mươi cây số chỉ trong một đêm."

Anh Hai, với quần pijama đen và cái áo thun kéo lên cho mát lưng và bụng, xen vào câu chuyện để diễn tả các dân tộc trên thế giới là một gia đình duy nhất. Anh nói: "Tất cả chúng ta đều là anh em, dù sống xa cách nhau và chịu các ảnh hưởng khác nhau. Người cách mạng là một loại người đặc biệt - phải có một tinh thần hy sinh cao cả. Các nhà văn và nhà báo có lẽ có vai trò quan trọng nhất để làm cho người dân ý thức được tình trạng của chính mình. Họ cũng có thể làm sáng tỏ ý nghĩa của cuộc cách mạng cho những người vốn bị chi phối quá mức bởi những sức ép kinh tế và xã hội hàng ngày đến nỗi họ không có thời gian lẫn ý hướng để suy nghĩ nhiều về các vấn đề trừu tượng như làm cách mạng."

Chúng tôi nghe thấy các tiếng bom nổ ở đằng xa và âm thanh yếu ớt của các tràng súng máy. Nhưng cuộc chiến tranh có vẻ như xa vời trong lúc chúng tôi lắng nghe giọng Việt nhẹ nhàng của anh và cảm nhận luồng gió nhẹ ban trưa lay động những tàu lá chuối ở ngoài kia rồi thổi qua căn nhà lớn rộng mở.

Người chiến sĩ cách mạng kỳ cựu nói tiếp: "Cuộc sống không đi theo một lối mòn phẳng phiu. Có những thời hạnh phúc và những thời khổ đau, có lúc hiểm nguy và lúc yên lành. Điều quan trọng nhất, xuyên suốt cuộc sống là tình hữu nghị và lòng tương trợ trên đường đời. Khi chúng ta trợ giúp một

người khác, thì nghĩa cử đó bao giờ cũng được đền đáp lại, không nhất thiết là cho chính chúng ta, mà có thể là cho con cháu chúng ta sau này." Lại dừng một lát, anh tiếp: "Có chủ nghĩa đế quốc và áp bức trên thế giới, nhưng cũng có tiến bộ trên thế giới. Một cuộc cách mạng quốc tế vĩ đại đang đến sẽ tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc và đem lại một cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người."

Khi chỉ còn lại ba người chúng tôi với nhau, Mike đề nghị chúng tôi tặng cho mỗi du kích một món quà nhỏ, và tôi là thành viên lớn tuổi của nhóm sẽ đứng ra trao tặng. Tôi đặt vấn đề liệu có nên thổ lộ trước về việc này cho anh Hai không, để tránh cho họ khỏi bị bối rối do bất ngờ, nhưng Mike bảo: "Đừng lo, họ sẽ thích ứng được với tình thế."

Xế chiều hôm đó, khi đã ăn cơm xong và đang uống trà, tôi đột ngột nói với các du kích, thông qua Mike, rằng tôi có một chuyện muốn nói với họ và xin họ đợi một chút để tôi đi lấy vài thứ trong phòng tôi. Khi tôi trở lại với những món mà chúng tôi đã tuyển chọn, đựng trong một cái vỏ dừa che bằng cái mũ bê-rê của tôi, tôi lên tiếng phát biểu, thông qua phiên dịch của Mike từng đoạn một hay hai câu. Tôi mở đầu: "Đã vừa tròn năm tuần lễ chúng tôi được ở với các anh. Chúng tôi xin được bày tỏ sự cảm kích về cách thức các anh chăm lo cho sức khỏe và an toàn của chúng tôi, và quan trọng hơn, về sự thể hiện tình thân thiện của các anh. Ấy là chưa nói đến vài lần các anh đã thật sự cứu mạng chúng tôi. Giờ đây, những điều đó là không thể đền đáp được, và chúng tôi cũng không cố đền đáp. Nhưng chúng tôi có vài kỷ vật bé nhỏ tầm thường muốn được gửi lại các anh bởi vì thời gian chúng tôi sống cùng các anh sắp kết thúc rồi."

Các du kích nhìn chăm chú khi tôi nói rồi lắng nghe khi Mike dịch lại. Chúng tôi ngồi bệt trên sàn theo vòng tròn, với Mike, Beth và tôi ở một phía.

Bắt đầu với chị Tinh, người y tá đã ở bên chúng tôi trong hai tuần đầu tiên,

tôi nhớ là chị đã nói chuyện với chúng tôi về cuộc cách mạng và đã cho thuốc men khi chúng tôi cần đến. "Với chị ấy, Beth xin gửi lại chiếc khăn quàng và chúng tôi hy vọng rằng anh sẽ lo sao để chị ấy nhận được nó, cùng với danh sách tên và địa chỉ của chúng tôi." Tôi trao cho anh Hai chiếc khăn quàng nhỏ màu nâu mà họ đã nhìn thấy Beth cột trên mái tóc đuôi ngựa của cô ấy hầu như mỗi ngày. Anh Hai lặng lẽ nhận chiếc khăn rồi đặt nó trên sàn trước mặt anh.

Kế tiếp là Ban Tun, theo thứ tự ngược về cấp bậc và tôi cố gắng nói đùa vui một chút về người Campuchia thân thiện này: "Chúng tôi sẽ luôn nhớ đến anh như một người lính tốt và một người bạn tốt, nhưng chúng tôi cũng sẽ nhớ đến anh như một người đã đem cho chúng tôi nhiều rau quả - một số rất ngọt và một số rất đắng." Các du kích bật cười vì họ nhớ lại những quả cam dại của Ban Tun, quá đắng và dính nhựa đến nỗi anh Ba đã phải xé miếng giấy gói trà thành các mẫu nhỏ phát cho mỗi người để cố chùi nhựa dính trên răng. Tôi nói tiếp: "Vì vậy chúng tôi muốn gửi anh một con dao bấm để giúp anh lột rau quả mà anh sẽ thu thập được từ giờ trở đi. Nhưng có một vấn đề nhỏ. Ấy là ở Mỹ có điều mê tín dị đoan là tặng dao cho nhau sẽ làm hỏng tình bạn. Do đó tôi cũng sẽ gửi Ban Tun một đồng xu Mỹ tôi tìm thấy trong túi xách của tôi, và chúng ta sẽ xem con dao như một món đồ mua bán hơn là một tặng phẩm."

Wang, cậu học sinh người Hoa từ Phnom Penh, đã luôn ngưỡng mộ cái cắt móng tay mạ crom của tôi mua tại một cửa hàng quân đội Mỹ ở Sài Gòn. Tôi nhắc lại rằng Wang giống như một công tử bột, và cái cắt móng tay này là để giúp anh tiếp tục hấp dẫn các cô gái.

Còn anh Tư, người dẫn chúng tôi đi theo các con đường mòn băng đồng và xuyên rừng vào ban đêm, luôn đội cái mũ rộng vành, mặc áo màu xanh

dương, và quần xanh lá cây, đi lặng lẽ như một con chuột hay một con cú. "Mặc dù cái mũ rộng vành đã gắn liền với hình ảnh của anh, chúng tôi hy vọng thỉnh thoảng anh sẽ đội cái mũ bê-rê này để nhớ về một thời chúng ta sống với nhau."

Anh Ba, trong bộ đồng phục ka ki tinh tươm, đang bình thản chờ tới lượt mình. Tôi nói: "Với anh Ba, người lính giỏi giang đã từng cứu mạng chúng tôi hai ngày trước đây và cả vào cái ngày đầu tiên chúng tôi đến, chúng tôi muốn gửi lại anh chiếc chìa khóa căn nhà của Mike ở Sài Gòn như một cách biểu thị rằng chúng tôi sẽ luôn chào đón tất cả các anh đến nhà của chúng tôi chừng nào chúng tôi còn sống trên đời." Mike trao cho anh ấy chiếc chìa khóa bằng đồng. Anh Ba đưa lại cho anh Hai để đặt nó vào một dãy cùng với các món quà khác trước mặt anh ấy, mỗi món đặt trên một mẫu giấy ghi tên người nhận và họ tên chúng tôi.

Tôi tiếp tục: "Và bây giờ tới anh Hai, một người lãnh đạo hoàn hảo của cái nhóm nhỏ này chăm lo cho chúng tôi rất tốt. Chúng tôi sẽ nhớ về anh như một người giảng giải về cách mạng, một người cung cấp thông tin hàng ngày, một đầu bếp xuất sắc, nhưng đặc biệt là một người chơi cờ vua. Chúng tôi xin gửi lại anh những quân cờ để anh có thể tiếp tục chơi sau khi chúng tôi ra đi." Tôi trao cho anh ấy các quân cờ được gói trong một chiếc khăn tay của tôi.

Tôi nói tiếp: "Những quân cờ này được chế tạo thô sơ, và sẽ không thể sử dụng lâu dài lắm đâu vì chúng được đẽo gọt từ gỗ tươi. Chúng tôi hy vọng rằng so với tuổi thọ ngắn ngủi của chúng, tuổi thọ của cuộc chiến tranh này còn ngắn hơn và đến thời điểm chúng hết xài được nữa thì cuộc chiến đấu vì độc lập tự do của các anh cũng đã kết thúc thắng lợi."

Mike đã đúng khi nhận xét về sự khôn khéo của các du kích. Anh Hai đã sẵn sàng để có bài đáp từ. Anh đã nói một cách dịu dàng và nhiệt thành, thỉnh

thoảng ngừng lại để Mike phiên dịch. Anh nói: "Chúng tôi hiểu rằng các món đồ này không có giá trị cao lắm. Đó chỉ là những kỷ vật nhỏ bé đơn sơ. Nhưng mặt khác chúng rất quan trọng. Chẳng hạn, cái chìa khóa mà các anh trao cho chúng tôi có ý nghĩa là bất cứ lúc nào tôi muốn tôi có thể vào thẳng nhà các anh. Nó có nghĩa là nhà anh là nhà tôi. Nó biểu hiện rằng tất cả chúng ta là bạn bè rất thân thiết."

Anh tiếp: "Xin đừng nghĩ rằng chúng tôi không hiểu ý nghĩa của việc các anh tặng cho chúng tôi những món quà này. Chúng tôi hiểu rất rõ ràng. Nếu như các anh tặng chúng tôi tiền bạc thì chỉ có ý nghĩa rất nhỏ. Nhưng những món quà này lại có ý nghĩa rất lớn đối với chúng tôi. Xin các anh đừng buồn vì chúng tôi sẽ trao lại những món này cho các anh. Khi đưa trả lại cho các anh, chúng tôi xem đây là những món đồ của chúng tôi. Chúng tôi hy vọng rằng khi các anh sử dụng chúng các anh sẽ nghĩ rằng đây là những món mà chúng tôi đã trao cho các anh và sẽ nhớ đến mỗi người trong chúng tôi." Rồi anh nhặt từng món lên, bình phẩm về chúng, đặt trở lại chỗ cũ, và quay sang phía anh Ba.

Anh Ba lên tiếng: "Trước hết cho tôi cảm ơn các anh rất nhiều về sự chu đáo này. Trong suốt những tuần lễ sống chung với nhau, mối quan tâm lớn nhất của chúng tôi là làm sao các anh được khỏe mạnh và hài lòng. Lúc các anh đau ốm hay bơ phờ thì chúng tôi cũng buồn bã vì cảm thấy đã không chăm lo đầy đủ cho các anh. Chúng tôi không xem các anh như các tù binh mà là như các du khách lạc đường. Giả dụ như chúng tôi được thông báo trước về việc các anh đến đây, và giả dụ lý lịch của các anh đã rõ ràng từ đầu, hay giả dụ như trong thời bình yên, thì chúng tôi đã có thể làm hơn rất nhiều để chăm lo cho các anh. Nhưng giờ đây, khi các anh sắp sửa trở về nước hay trở về với công việc của các anh, đối với chúng tôi các anh đã vượt qua được và nay chúng tôi coi các anh như bạn bè."

Chúng tôi bối rối và hơi bị tổn thương về việc anh Hai từ chối các món quà. Chúng tôi hiểu rằng trong việc này có vấn đề thể diện, rằng tính khiêm tốn và nhún nhường là nằm trong số đức tính được coi trọng nhất ở Á Đông, và trả lại một món quà mà mình muốn giữ lại thì vinh dự hơn là chấp nhận nó. Chúng tôi cũng nghĩ rằng quan niệm cách mạng về việc không dè dặt đối với tài sản vật chất và khước từ mọi lợi ích vật chất cũng có tác động trong việc này.

Anh Ba nhìn thấy sự thất vọng của chúng tôi và có vẻ cố tỏ ra một công thức cho phép các du kích chấp nhận các món quà đó: "Thông thường, phong tục của chúng tôi là tặng một kỷ vật để đáp lại một món đã tặng cho chúng tôi. Nhưng chúng tôi cảm thấy trong trường hợp này, vì các anh phải đi trở lại phía bên kia và phải trải qua một thời gian nguy hiểm và khó khăn, nên tốt hơn hết là chúng tôi không gửi một thứ gì để các anh phải mang theo. Chúng tôi sẽ thảo luận chuyện này với các cấp trên, và có lẽ sẽ có thể thu xếp để gửi các tặng phẩm cho các anh về sau này."

Sống chung với họ trong năm tuần lễ, chúng tôi đã nhìn thấy toàn bộ của cải đơn sơ của họ và biết rằng họ không hề có một món gì để có thể dành ra làm tặng phẩm chia tay cả. Hai người trao đổi với nhau một lát, rồi anh Hai lại cố gắng giải thích. Anh nói với Mi ke: "Anh đã cưới một cô gái Việt Nam, và anh đã biết phong tục khi anh gửi hai hay ba ngàn đồng cho gia đình cô ấy thì gia đình cô ấy tìm cách gửi lại một món quà có trị giá bằng đúng số đó cho gia đình anh để cho mỗi bên đều nhận được một cái gì đó và không ai mất mát gì cả. Đây là phong tục Việt Nam, phong tục châu Á, và vì thế mà chúng tôi phải tặng lại các món quà này cho các anh. Tất cả ngoại trừ các quân cờ - chúng tôi đã thấy các anh đeo gọt chúng khi các anh ở cùng chúng tôi, và chúng tôi vui lòng giữ chúng lại nơi đây sau khi các anh ra đi." Anh lần lượt đặt chiếc khăn quàng, con dao và đồng xu, cái cắt móng tay và chiếc chìa khóa vào trong cái mũ bê-rê. Anh lấy các quân cờ ra khỏi chiếc khăn tay và

giữ chúng lại. Rồi anh xếp ngay ngắn khăn tay, bỏ vào cái mũ bê-rê cùng với các món khác, rồi đưa qua cho tôi.

Anh nói:

Chúng ta đã được gặp gỡ nhau trong một cảnh ngộ lẽ ra đã cản trở không cho chúng ta trở nên quen biết nhau. Nhưng chúng ta đã trở nên hiểu biết lẫn nhau. Sắp tới đây giữa chúng ta sẽ có một khoảng cách rất lớn, nhưng chúng tôi sẽ không quên các anh. Tất cả chúng ta đều thuộc về xã hội, và người trí thức các anh sẽ đóng một vai trò quan trọng ngay cả khi cuộc cách mạng của chúng tôi đã thành công. Chúng tôi sẽ nghĩ đến các anh và phong trào cách mạng ở các nước bên ngoài các nước Đông Dương chúng tôi. Xã hội loài người cũng giống như cái đèn dầu nhỏ bé của chúng tôi, với bắc đèn, thân đèn, chụp đèn, dầu hỏa và các bộ phận khác. Mỗi bộ phận đều có chức năng cần thiết để cái đèn tỏa sáng. Những người trí thức rất quan trọng trong xã hội loài người. Như ta đã từng nói với anh trước đây, các anh có thể giải thích về cuộc cách mạng của chúng tôi cho các dân tộc nghèo khổ và bị áp bức trên thế giới.

Chúng tôi sẽ nhớ đến các anh theo hai cách. Thứ nhất, bằng cách nỗ lực phấn đấu để đem lại độc lập cho dân tộc chúng tôi, kết thúc xâm lược và nô lệ ở đất nước chúng tôi. Thứ hai, chúng tôi sẽ nghe kỹ trên đài phát thanh tin tức về các bài mà các anh sẽ viết. Chúng tôi có hai niềm hy vọng về các anh: thứ nhất, chúng ta có thể gặp lại nhau khi hòa bình đến và thứ hai, các anh sẽ trở thành những người lãnh đạo cuộc cách mạng tại nước các anh - nếu không phải là lãnh đạo lớn thì là lãnh đạo nhỏ. Nhiều người lính Mỹ đã từng chiến đấu ở Việt Nam sẽ trở về nước sẵn sàng để hành động cho các đổi thay cách mạng tại Mỹ, cũng như một số người Algeria bị buộc phải tham gia chiến đấu bên phía Pháp ở Đông Dương đã trở về và đã làm cách mạng ở Algeria.

Chúng tôi hy vọng rằng các anh sẽ trở về Mỹ và Canada nói cho các lãnh tụ chính trị, các thượng nghị sĩ và dân chúng biết về kinh nghiệm của các anh ở đây và chúng tôi thật sự là như thế nào. Nếu không vì những hành động của Nixon và không vì cuộc xâm lược của Mỹ cũng như những khó khăn do cuộc chiến tranh này gây ra thì chúng ta đã có hòa bình và thời gian của các anh ở đây đã vui vẻ hơn rất nhiều.

Nghi lễ kết thúc, những người kia rút về góc của họ trong căn nhà, ngoại trừ anh Tư, anh ngồi xuống lại với chúng tôi và hỏi chúng tôi có thích xem ảnh của vợ anh ấy không. Anh lấy từ trong túi ra một tập chứa ảnh bằng nhựa và lật tới bức ảnh một cô gái Việt Nam xinh đẹp. Bức ảnh đã bị ố và ngả màu. Anh nói: "Cô ấy cho tôi từ năm năm trước. Nó vẫn nguyên vẹn cho tới khi bị thấm nước vào cái đêm chiếc xe bị mắc kẹt. Vài tấm ảnh bị ướt và tôi đã phải đem phơi." Một bức ảnh khác cho thấy người vợ và đứa con gái nhỏ của anh - "với nước da ngăm đen giống tôi."

"Tôi rất buồn về vợ và đứa con gái tôi. Vợ tôi chết cách đây hai tháng ở Prasaut. Tôi không thể chăm sóc con gái tôi, đã lâu không gặp và không biết nó ra sao. Nhưng tôi cảm thấy tôi không thể làm tròn bổn phận một người cha khi mà đất nước chưa được giải phóng, cuộc xâm lược của Mỹ chưa kết thúc và nhân dân chưa thoát vòng nô lệ. Rất có thể tôi sẽ già nua trước khi được làm tròn bổn phận với gia đình tôi, nhưng tôi thấy phải như vậy thôi."

"Đây là một thực tế của cuộc cách mạng. Những người vợ thường chết hoặc phải phân ly với chồng họ. Gia đình là thứ yếu. Nghĩa vụ đối với gia đình vốn rất mạnh mẽ Việt Nam, nhưng phải gác lại vô thời hạn. Phần thưởng duy nhất là sự thắng lợi của cách mạng, và thắng lợi này có thể không đến với mình mà chỉ đến với cả phong trào."

"Phụ nữ Việt Nam rất thích và muốn lập gia đình với các chiến sĩ giải

phóng. Nhưng mọi chiến sĩ giải phóng đều sợ rằng họ sẽ chết." Anh mỉm cười như anh vẫn mỉm cười mỗi khi nói chuyện nghiêm túc. "Vợ tôi luôn luôn lo lắng cho tôi. Cô ấy luôn sợ rằng tôi sẽ bị giết chết. Nhưng hóa ra cô ấy lại chết mà tôi còn sống. Rất có thể chúng tôi sẽ phải hy sinh vì cuộc đấu tranh. Nhưng sẽ luôn có những người khác thay thế chúng tôi. Cuối cùng thì phong trào của chúng tôi sẽ chiến thắng."

Ban Tun bước đến trong lúc anh Tư nói. Người Campuchia ấy chỉ hiểu lờ mờ những điều đã được nói bằng tiếng Việt, nhưng lại rất chú ý đến các tấm ảnh của anh Tư. Anh cầm lấy xấp ảnh và nhìn chăm chú vào bức ảnh người vợ của anh Tư. Anh Tư nói với Ban Tun bằng tiếng Campuchia, với nụ cười buồn: "Cô ấy chết rồi." Ban Tun ngẫm nghĩ một lát rồi nói, "Vợ tôi cũng chết rồi." Anh đem tập đựng ảnh đến bên cánh cửa hông nơi nhìn ra những cây dừa trong ánh nắng chiều tà, mở máy phát thanh lên, rồi nằm xuống, nhìn tấm ảnh người vợ của anh Tư trong nửa giờ, đắm chìm trong suy nghĩ.

10. CHIA TAY

 Anh Hai hỏi : "Các anh thích được trả tự do ở đâu? Tôi chưa biết sẽ có các khả năng gì, nhưng tôi muốn biết ý của các anh."

Giữa những ván cờ vua chơi với anh Tư, với bộ quân cờ mới mà chúng tôi đã tặng anh, anh Hai đang lo chuẩn bị cho chuyến hành quân nguy hiểm để chuyển giao chúng tôi trở lại sự kiểm soát của Mỹ.

Chúng tôi hội ý với nhau một lát rồi nói với anh ấy rằng sự lựa chọn số một của chúng tôi là Hà Nội. Chúng tôi đã từng bàn bạc vấn đề này nhiều lần và đã quyết định rằng một chuyến thăm thủ đô Bắc Việt Nam sẽ là đỉnh điểm tốt nhất cho cuộc trải nghiệm này của chúng tôi. Đó cũng là dịp để chúng tôi được nhìn rõ suốt chiều dài đường mòn Hồ Chí Minh. Chúng tôi chưa từng biết một người phương Tây nào từng viết một bài trực tiếp ghi nhận về con đường xâm nhập này. Khởi đầu là một hệ thống đường mòn và dưới bom đạn liên tục của Mỹ đã phát triển cho đến nay xe cộ hạng nặng có thể lưu thông được xuyên qua Lào vào Nam Việt Nam. Sự lựa chọn số hai của chúng tôi là Vientiane, số ba là Sài Gòn và cuối cùng là Phnom Penh. Mike đã bị lôi cuốn bởi ý tưởng là các du kích sẽ đưa chúng tôi luôn vào đến trung tâm Sài Gòn, đây là kỳ công mà chúng tôi nghĩ rằng có lẽ họ hoàn thành được với sự hỗ trợ của các cơ sở nằm vùng và các giấy tờ giả.

Anh Hai nói: "Đi Hà Nội sẽ là một chuyến đi dài và khó khăn. Có nhiều trận đánh ở dọc đường. Chúng ta sẽ quyết định chỗ nào là tốt nhất khi đến lúc." Anh nói tiếp rằng từ nay tới lúc ấy sẽ phải làm một số việc. Một người chụp ảnh sẽ đến chụp các bức ảnh chung cho chúng ta, có thể là ảnh các du

kích và người Mỹ chơi cờ vua với nhau. Anh Hai yêu cầu chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng các món quà tặng khác để bày ra sàn để chụp ảnh. Vào buổi chiều, mọi người sẽ dự một bữa tiệc với món ăn chính là thịt chó.

Người chụp ảnh đến vào sáng sớm hôm sau, thứ bảy, 13 tháng Sáu đây là một trong số nửa tá người đã đến từ các bản doanh đóng trong khu vực để sắp xếp việc trả tự do cho chúng tôi. Người chụp ảnh chính là anh chàng nói nhiều đã đi với anh Hai khi anh tham dự bữa tiệc của chúng tôi một tuần sau khi chúng tôi bị bắt. Một người khác trong nhóm vừa đến là người đàn ông nhỏ bé khó chịu, nói tiếng Pháp, với hàm răng vẩu, và thường lấy tay che miệng mỗi khi nói, và cũng là người đã cho rằng các máy ảnh của chúng tôi trông giống máy ảnh của gián điệp hơn là máy ảnh của nhà báo. Tuy vậy, lần này anh chàng lại tỏ ra thân thiện, sau khi biết rằng chúng tôi đã được xác minh rõ ràng và sắp được thả.

Người chụp ảnh muốn bắt đầu ngay. Tôi tiến đến căn phòng của chúng tôi định lấy ra các món quà tặng để chụp hình, nhưng anh Hai nói kế hoạch đã thay đổi. Bây giờ sẽ không chụp ảnh quà tặng hay ván cờ vua gì hết, thậm chí cũng không chụp một người Việt Nam nào cả. Bỗng nhiên anh tỏ ra nghiêm túc, giữ bỏ cái tác phong thoải mái mà anh đã thể hiện trong những tuần lễ sống chung với chúng tôi. Sự thay đổi này có lẽ một phần là do anh đã bị bác bỏ về kế hoạch chụp ảnh. Hơn nữa, những người mới đến có thể sẽ không hiểu khi họ thấy anh thân thiết với các tù binh. Nhưng lý do quan trọng hơn, theo tôi nghĩ, là ở chỗ tám người chúng tôi, cả ba nhà báo và năm du kích, đều đã đi đến chỗ nghĩ về chúng tôi như một nhóm bạn hữu. Những người khác là người ngoài, họ đã xen vào nếp sống thoải mái mà chúng tôi đã được hưởng với nhau.

Ban Tun, người lính Campuchia, là người duy nhất trong nhóm năm người

đó được chụp ảnh chung với chúng tôi. Người chụp ảnh yêu cầu chúng tôi mang “dép Hồ Chí Minh”, làm từ vỏ xe hơi, rồi xếp hàng phía trước ngôi nhà. Anh ta trang bị cho Ban Tun một khẩu súng lục với dây đeo, đây là lần đầu tiên Ban Tun được phép đeo những món trang bị là biểu trưng của cấp sĩ quan, rồi xếp anh đứng phía trước chúng tôi, làm như thể là đang canh giữ chúng tôi vậy. Việc sắp đặt như vậy tất nhiên nhằm cho thấy rằng chính người Campuchia đang điều hành cuộc chiến tranh du kích tại Campuchia. Điều này thoát tiên có vẻ gượng ép đối với Ban Tun, vốn chỉ luôn làm những công việc chân tay như lấy củi hay xách nước. Nhưng rồi anh tiếp tục đeo khẩu súng lục suốt ngày hôm đó và sau đó nữa. Anh được giao những nhiệm vụ có trách nhiệm hơn và có vẻ như đã được thăng chức sĩ quan.

Anh biết tôi đến từ Washington và hỏi tôi có quen Thượng Nghị sĩ Fulbright không. Tôi nói có. Anh nói: “Anh phải nói với ông ấy giùm tôi rằng ông ấy chẳng cần gì nhiều chiến lược mà chỉ cần một chiến lược thôi. Ông ấy hãy đến, sống và làm việc với những người nghèo khổ và bị áp bức. Ở đâu có nghèo khổ và áp bức, ở đó có chiến tranh. Ở đâu diệt trừ được nghèo khổ và áp bức ở đó có hòa bình”. Một lát sau, có lẽ sau khi một người khác đã nói gì đó với anh, anh trở lại đề tài này và nói: “Trước khi anh chuyển lời nhắn ấy đến Thượng Nghị sĩ Fulbright, tôi muốn tham khảo ý kiến với cấp trên của tôi, bởi vì tôi chỉ là một người lính thường.”

Diễn giả không ngưng nghỉ này cho chúng tôi biết tóm tắt về sự nghiệp của anh. Anh nói anh ba mươi tuổi và đã theo cách mạng sáu năm, là một cơ sở nằm vùng ở Sài Gòn trước khi qua Campuchia tham gia chiến đấu. Anh nói anh đã tham dự cuộc tấn công đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng vào lính Mỹ, một trận đánh nhằm vào sư đoàn 25 của Mỹ ở Củ Chi vào ngày 7-1-1965.

Anh tiếp: "Tôi có hai người chị em là cơ sở bí mật ở Sài Gòn. Một người ném bom chất dẻo từ xe gắn máy. Tôi biết có những cô gái khác được giao nhiệm vụ bắn vào người Mỹ từ yên sau của các xe gắn máy. Tôi biết một cô gái có thể bắn súng lục bằng cả hai tay từ yên sau của một xe gắn máy."

Là một triết gia nghiệp dư, anh cho chúng tôi biết quan điểm của anh về bản chất của phong trào cách mạng. Anh nói, "Để làm cách mạng có hiệu quả, chúng tôi phải có hai phẩm chất chính, ấy là lý tưởng và lòng căm thù. Chúng tôi căm thù lũ đế quốc và xâm lược ở Mỹ, nhưng không căm thù những người nghèo khổ và bị áp bức ở đó; nếu chúng tôi gặp họ chúng tôi sẽ ôm hôn họ như anh em. Và trong quân đội Mỹ, chúng tôi biết có một số không muốn chiến đấu chống lại chúng tôi nhưng họ đã bị bắt lính và bị ra lệnh làm điều đó. Rủi thay, trong tình trạng chiến tranh, chúng tôi không thể phân biệt họ với những người khác."

Anh chỉ dẫn ba người chúng tôi cách hành xử tốt nhất khi chúng tôi được về nhà. Với tôi, anh nói: "Công việc bình luận của anh rất quan trọng và có thể tác động đến suy nghĩ của nhân dân trên khắp thế giới". Với Mike và Beth, anh nói: "Tôi khuyên các bạn nên tìm hiểu chủ nghĩa xã hội và trở thành các lãnh tụ của phong trào tiến bộ ở nước Mỹ. Và các bạn có thể đến thăm các nước xã hội chủ nghĩa; nếu chỉ thăm các nước tư bản không thôi thì các bạn sẽ không thể được học hỏi về toàn thế giới." Anh tán dương một tinh thần làm báo "dấn thân" mới và bảo chúng tôi, "Khi các bạn trở về, các bạn không nên chỉ viết về chính trị, mà còn phải chọn phía nữa. Và khi chọn phía, các bạn phải luôn luôn ủng hộ cách mạng. Đúng ra, hai bạn (ý chỉ Mike và tôi) nên lập ra một tờ báo mới để cống hiến cho cách mạng." Anh khuyên Beth hãy trở thành một lãnh tụ cách mạng của phụ nữ Mỹ.

Hai người đến từ bộ chỉ huy cấp trên, người chụp ảnh và người nói tiếng

Pháp, mang vào một túi nhựa chứa giấy tờ mà chúng tôi nhìn thấy đó là những bản tuyên bố và những bài báo do chúng tôi viết trước đây. Họ lục lọi tìm kiếm các bài thích hợp để cho chúng tôi đọc vào một cái máy thu băng. Có đầy đủ ở đó, gồm cả những bài báo của Mike mà người ta cho chúng tôi biết rằng đã được gửi đến một nơi nào đó để gửi chuyển tiếp đến đại diện tập đoàn của anh ấy ở Washington - đủ tất cả, ngoại trừ những lá thư của chúng tôi viết gửi về gia đình. Điều đó có thể có nghĩa là những lá thư đó đã thật sự được gửi đi, và Helen cùng các con gái tôi đã biết rằng tôi được bình yên.

Anh Hai nói rằng họ muốn ghi lại tiếng nói của chúng tôi để làm "vật lưu niệm". Chúng tôi không phản đối anh, mặc dù biết rằng chắc hẳn họ đang chuẩn bị cho một chương trình phát thanh tuyên truyền. Mike chọn ra bài đầu tiên của anh, viết về mấy ngày đầu tiên chúng tôi sống với du kích và những điều chúng tôi nhìn thấy về mối quan hệ tốt đẹp của họ với dân chúng Campuchia. Tôi chọn bản tuyên bố do Mike, Beth và tôi đã soạn thảo. Trong lúc chúng tôi đọc các bài đó vào một cái máy thu băng Nhật Bản, chắc là cái micro cũng thu luôn tiếng kêu ăng ẳng từ phía dưới căn nhà khi có ai đó chuẩn bị giết một con chó làm bữa ăn chiều.

Chúng tôi không băn khoăn gì lắm trước viễn cảnh các bản tuyên bố của chúng tôi sẽ được phát thanh. Chúng tôi đã viết một cách kỹ lưỡng, bám chắc vào sự thật mà chúng tôi nhìn thấy, mặc dù đồng thời vẫn cố tránh không làm cho các du kích bức mình. Chỗ duy nhất khiến tôi do dự là việc đề cập đến các báo cáo cho rằng lính Mỹ đã hãm hiếp phụ nữ Campuchia, song chúng tôi biết rằng loại chuyện đó đang xảy ra trong cuộc chiến tranh, và ngoài ra, chúng tôi cũng đã nói rõ rằng chúng tôi nghe nói rằng các vụ việc đó đã xảy ra.

Chúng tôi đã rất thất vọng khi anh Hai nói việc thu băng chỉ để làm vật lưu

niệm. Nhưng sau khi việc ghi âm đã xong xuôi, anh đã tự cải chính. Anh nói: “Chúng tôi có thể sẽ cho phát thanh các bản tuyên bố của các anh. Nhưng chỉ sau khi chúng tôi biết rằng các anh đã an toàn.” Như vậy các du kích đã duy trì được vẹn toàn thành tích thẳng thắn với chúng tôi. Đã nhiều lần chúng tôi ngờ vực có thể có cạm bẫy hay lừa dối, nhưng lần nào thì những ngờ vực đó chúng đều hóa ra là vô căn cứ. Chúng tôi đã từng lo sợ là sẽ bị buộc viết đi viết lại nhiều lần hồ sơ của chúng tôi để lừa cho chúng tôi đi đến chỗ tự mâu thuẫn với chính mình. Lúc tôi bị bịt mắt lừa đi trong buổi chiều đầu tiên, và rồi lúc Nhấn Nhó và tôi ẩn nấp trong bụi rậm trong cuộc tấn công đầu tiên, tôi đã nghĩ chắc chắn là mình sắp bị bắn vào gáy. Khi chúng tôi được mời viết các bài báo tôi đã sợ rằng mình đang bị cài bẫy để trở thành một tuyên truyền viên tù nhân thường xuyên luôn. Tất cả các nghi ngờ và e sợ đó đều không xảy ra.

Việc nhận ra các du kích này là đáng tin cậy đã khiến tôi nhớ lại một cuộc nói chuyện vào năm 1969 giữa tôi với một dân biểu của Hạ Nghị viện Nam Việt Nam tên là Huong Ho. Một tối nọ, khi chúng tôi ngồi với nhau trong căn nhà giản dị của ông ấy nằm phía sau một cửa tiệm ở trung tâm Sài Gòn, ông kể cho tôi về cuộc chiến đấu chống Pháp của ông cùng Việt Minh, nhưng sau 1954 ông đã quyết định định cư ở miền Nam vì không muốn sống dưới chế độ cộng sản. Nhưng với một nỗi hối tiếc và vỡ mộng, ông đã nói với tôi rằng ông rất nhớ những thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, là những người kế tục của Việt Minh. Họ không ăn hối lộ và tham nhũng như rất nhiều quan chức ở Sài Gòn. Ông nói họ đặt phong trào độc lập dân tộc của Việt Nam lên trước lợi ích riêng của họ. Tôi nhớ là ông ấy đã mô tả họ là “thuần khiết”.

Tới lúc đó thì chúng tôi đã hiểu biết khá rõ các du kích. Như tôi từng nói với Mike, họ có vẻ có đầy đủ các đức tính chuẩn mực vẫn được coi trọng

trong xã hội phương Tây. Tôi nhớ lại những danh hiệu của quy tắc hướng đạo sinh mà tôi đã ghi nhớ khi còn là một cậu bé. Một hướng đạo sinh thì đáng tin cậy, trung thành, ân cần, thân thiện, lễ độ, tốt bụng, vâng lời, vui tươi, tiết kiệm, dũng cảm, sạch sẽ và sùng kính. Tất cả các phẩm chất đó đều hoàn toàn xứng hợp với các người du kích này, có lẽ chỉ ngoại trừ điểm cuối cùng, và mặc dù họ là những người vô thần, sự dâng hiến của họ cho lý tưởng của họ cũng có thể được xem như một dạng sùng kính.

Các phẩm chất đạo đức của họ đã tác động trực tiếp nhất đến chúng tôi là ở chỗ họ luôn luôn tôn trọng các quyền của chúng tôi. Chúng tôi không bao giờ bị bắt buộc hay thậm chí chỉ bị yêu cầu phải viết hay nói một điều gì mà chúng tôi cho là không đúng sự thật, chúng tôi cũng không hề bị yêu cầu phải ký vào một văn bản nào do người khác soạn sẵn.

Sau phần ghi âm, người nói tiếng Pháp muốn trò chuyện riêng với chúng tôi trong phòng chúng tôi. Với một vẻ bối rối rõ ràng, ông ấy nêu lên vấn đề các máy ảnh và tư trang của chúng tôi. Những thứ đó được cất trong căn nhà mà chúng tôi trú ngụ mấy đêm đầu tiên, và các du kích đã để chúng lại ở đó khi chúng tôi bỏ chạy ngay trước khi có cuộc tấn công của quân Sài Gòn. Họ nghĩ là sau đó họ có thể quay lại để lấy những thứ đó, nhưng quân Sài Gòn đã tìm ra và lấy chúng đi. Ông ấy nói như thế. Không biết liệu có thể tin được câu chuyện đó hay không, chúng tôi nói rằng dù sao những thứ đó cũng không quan trọng lắm, và tốt nhất là quên chúng đi.

Ông ấy nói: “Chúng tôi không muốn lấy bất kỳ thứ gì của các anh - ngay cả cái bánh bích quy này.” Chúng tôi đã cho ông ấy một cái bánh bích quy còn lại sau một bữa ăn sáng, và ông đã nhận một cách do dự và để nguyên không ăn, nay đặt nó trên sàn bên cạnh ông. Ông nói tiếp: “Chúng tôi thấy buồn về các tư trang của các anh vì các anh là người tốt. Nếu như các anh là người

xấu thì chúng tôi sẵn sàng giết các anh và giữ lại tư trang của các anh."

Trong lúc câu nói kinh khủng ấy đang thấm thía, đột nhiên ông ấy lấy từ túi ra một cọc tiền rồi đếm cho mỗi người chúng tôi năm tờ giấy bạc Nam Việt Nam 1.000 đồng mới và một tờ giấy bạc Campuchia 100 riel màu xám rách nát, và nói : "Tôi được chỉ thị đưa các anh món tiền này để các anh sẽ không bị kẹt tiền trên đường về Sài Gòn. Các anh sẽ được thả trên Quốc lộ 1, và các anh sẽ cần tiền để mua thực phẩm hay thuê xe." Chúng tôi từ chối không nhận tiền - tổng cộng trị giá khoảng 50 đô-la Mỹ - nhưng ông ấy cứ nài ép.

Người khách kế tiếp của chúng tôi là Ban Tun, có đem theo Wang làm thông dịch. Người lính Campuchia này, mà chúng tôi hiểu biết chủ yếu thông qua các trò đùa và trò chơi, giải thích rằng khó khăn về ngôn ngữ đã khiến chúng tôi không thể trở nên thân thiết hơn. Anh nói: "Trước khi các anh đi, tôi muốn hỏi vài câu về các anh và đất nước các anh. Gia đình các anh như thế nào? Khi các anh về Mỹ liệu có yên ổn không và các anh sẽ được an toàn ở đó không? Và sau khi về nhà các anh sẽ viết về kinh nghiệm của mình không?"

Sau khi tiếp thu câu trả lời của Mike, Ban Tun kể cho chúng tôi đôi điều về anh: "Trước cuộc đảo chính ngày 18 tháng 3, Campuchia bình yên và thịnh vượng. Tôi là một sĩ quan trong đội vệ binh của Lon Nol ở Phủ Thủ tướng. Tôi bỏ chức vụ đó vào ngày trước ngày đảo chính để trở thành một người lính trơn trong quân đội cách mạng của Hoàng thân Sihanouk. Đại đội của tôi là đơn vị thân cận nhất của Thủ tướng, và toàn bộ đều đào ngũ. Tôi phải bỏ lại vợ và hai con gái. Bây giờ vợ tôi sắp sinh đứa thứ ba. Tôi nghe nói các con tôi vẫn ở Phnom Penh, nhưng không nghe tin tức gì về vợ tôi. Có thể là vào lúc này họ đều đã bị giết chết. Tôi dự định sẽ chiến đấu cùng quân giải phóng cho tới khi đánh bại Lon Nol và Hoàng thân Sihanouk và chính sách trung

lập trước đây được khôi phục lại”.

Ban Tun nói anh không phải là một người cộng sản và anh biết rất ít về Khmer Đỏ, phái cộng sản Campuchia đã tồn tại nhiều năm và hiện đang hợp tác với Bắc Việt Nam và Mặt trận Dân tộc Giải Phóng. Trong số những người Campuchia tham gia Mặt trận Campuchia cũng có một ít người cộng sản. nhưng theo cách nói của anh, họ hầu hết là “tư bản.”

Anh nói tiếp rằng khi Hoa Kỳ và chế độ Sài Gòn ủng hộ chế độ mới của Lon Nol, thì hiển nhiên Mặt trận Campuchia không thể tự mình thành công được, mà phải có sự hỗ trợ từ “nhân dân Lào, Bắc Việt Nam, và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam”. Anh nói: “Bốn dân tộc chúng tôi, đoàn kết lại, phải chiến đấu chống Lon Nol, người Mỹ, chế độ Sài Gòn, và Thái Lan.”

Trước khi tiếp tục, Ban Tun muốn được trả lời cho một câu hỏi cụ thể: “Nhân dân Mỹ có biết về cuộc đảo chính ngày 18 tháng 3 chống Hoàng thân Sihanouk trước khi nó xảy ra không?” Anh ấy và những du kích khác mà chúng tôi có dịp nói chuyện đều tin chắc rằng CIA đã sắp đặt cuộc đảo chính đó. Người chụp hình và người du kích nói tiếng Pháp đã đem đến những chi tiết mới làm bằng chứng thêm nữa về sự đồng lõa của chính phủ Hoa Kỳ. Họ nói rằng hai viên chức của Sứ quán Mỹ đã có mặt cạnh Lon Nol đúng vào thời điểm đảo chính và Adam Malik - Ngoại trưởng Indonesia đã đến Campuchia ngay trước cuộc đảo chính để giúp dàn xếp trong vai trò một phái viên của CIA. Cho dù sự thật ra sao - trong đó câu chuyện về Malik khó có thật - tôi vẫn có thể bảo đảm với anh ấy rằng người dân Mỹ không hề hay biết cuộc đảo chính sắp xảy ra.

Anh nói: “Nếu đúng là nhân dân Mỹ không ủng hộ việc lật đổ Hoàng thân Sihanouk và chống lại những gì chính phủ của họ hiện đang làm ở đây thì

việc ấy không thể thành công. Nhưng nếu chỉ rút quân đội Hoa Kỳ khỏi Campuchia không thôi sẽ không đủ để đem lại hòa bình. Quân Thiệu-Kỳ cũng phải rút ra. Công việc của Campuchia phải do người Campuchia quyết định, và công việc của Đông Dương phải do nhân dân Đông Dương quyết định, không có sự can thiệp từ bên ngoài. Chỉ khi nào Hoàng thân Sihanouk được khôi phục quyền hành, hòa bình và trung lập được khôi phục cho Campuchia, tôi mới trở về với gia đình. Tất cả chúng ta đều chung cảnh ngộ, tất cả đều xa gia đình. Tôi rất vui được gặp các nhà báo Mỹ, các anh sẽ viết chống lại cuộc xâm lược của Mỹ ở Campuchia. Tôi tiếc là đã không nói được tiếng Việt, tiếng Pháp hay tiếng Anh và đã có một cái mặt nạ giữa chúng ta. Nhưng tôi rất vui được sống chung với các anh lúc các anh ở đây."

Chúng tôi xúc động bởi bài nói được suy nghĩ cặn kẽ của người lính này, người mà chúng tôi vẫn nghĩ là không thạo ăn nói. Beth, vốn đặc biệt thích anh, đã có lời đáp lại nồng nhiệt. Thông qua Mike, chị nói: "Có một ngôn ngữ của tình bạn, sự ân cần và tin cậy mà không cần đến câu chữ. Chúng ta đã nói với nhau rất nhiều bằng thứ ngôn ngữ đó."

Năm người du kích của chúng tôi có vẻ như gần gũi hơn với chúng tôi khi thời điểm chúng tôi lên đường đến gần. Một phần đây cũng là một phản ứng đối với các vị khách đến từ sở chỉ huy, các vị này tiếp tục nói chuyện với chúng tôi bằng khẩu hiệu. Anh Hai trò chuyện với chúng tôi trước bữa ăn chiều và đưa ra một nhận xét nghe có vẻ như một lời khuyên tinh tế của một Roger Hilsman hay một Robert Komer hay những người Mỹ khác luôn nghĩ rằng cuộc chiến này là đáng để chiến thắng nhưng lại chỉ trích về chiến lược của Mỹ. Anh Hai nói: "Chúng tôi khác với người Mỹ. Chúng tôi chỉ bắn khi có một mục tiêu. Người Mỹ thường bắn vào những chỗ trống rỗng hay những chỗ có dân thường chứ không có chiến sĩ Giải phóng. Điều đó không chỉ uổng tiền, mà thật ra còn thúc đẩy sự thất bại của Mỹ, vì nó hủy diệt sinh

mạng và tài sản, chuyển người dân sang chống Hoa Kỳ."

Bữa tiệc thịt chó được chuẩn bị nhiều giờ đã hóa thành một vụ việc nghiêm túc. Hai mươi cái đĩa xếp thành hai dãy trên sàn nhà, một số được mượn từ hàng xóm cùng với các đĩa mà chúng tôi vẫn dùng hàng ngày, trang trí bằng hoa và với nhãn hiệu "Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" ở mặt sau. Ở giữa là ba nồi cơm lớn và ba bộ các đĩa đựng món ăn - chó om, sáo chó với dưa, thịt chó chiên, chả cá với đậu phộng nhuyễn, đậu xay nhuyễn, rau luộc cùng với các chén muối tiêu. Trong lúc chúng tôi ngồi xếp bằng và nhồi nhét người để xới cơm, múc thịt và gia vị, tôi đếm được có ba người Mỹ, mười hai người Việt, và năm người Campuchia dự bữa ăn. Beth là người phụ nữ duy nhất ở đó; có một số phụ nữ Campuchia ngồi xa bàn tiệc và lặng lẽ nhìn. Hầu như không ai nói lời nào. Chỉ có ông già chủ nhà người Campuchia nói vài câu. Ông nói rất ngắn gọn với tư cách chủ nhà, "các bạn sắp rời nơi đây. Khi các bạn đi rồi chúng tôi sẽ nhớ các bạn." Chúng tôi trả lời là chúng tôi vui vì được biết họ và sẽ thường nghĩ đến họ. Ngay cả rượu nếp, được rót vào một cái ly duy nhất chuyền tay nhau, cũng không phá vỡ được bầu không khí lạnh lùng.

Cung cách thoải mái dễ chịu đã trở lại vào sáng hôm sau, khi chúng tôi ăn sáng bằng thịt chó còn dư cùng với năm người du kích. Để đùa vui, một người trong bọn họ đặt cái đầu chó lên đĩa của tôi nhân lúc tôi ngoảnh mặt sang hướng khác. Anh Ba mỉm cười nói: "Chúng ta ăn trong tình đoàn kết." Tôi bật cười rồi đặt cái đầu đó lên đĩa của anh Ba, nói với Mike, "bảo anh ấy rằng tình đoàn kết đã đi quá xa và không xa hơn được nữa đâu."

Mike cao hứng cho rằng sẽ rất vui nếu viết một cuốn sách dạy nấu ăn của du kích và đưa vào đó tất cả các món ăn lạ lùng mà chúng tôi đã từng ăn. Mike và anh Hai đến bên khung cửa lớn mở rộng và thì thầm trao đổi khoảng một giờ về dự án đó, và Mike lo ghi chép. Mỗi khi tiếng Việt của Mike không

đủ đáp ứng và có chỗ nghỉ vấn đề gì đó, anh Hai lấy giấy bút viết bằng chữ Hoa, để sau này vợ của Mike có thể dịch lại khi anh trở về Sài Gòn.

Trong khi chờ đến buổi họp báo, anh Tư, anh Ba và Wang mỗi người trao cho chúng tôi một mẫu giấy ghi tên thật của họ và một địa chỉ mà họ có thể chọn ra được, ở Sài Gòn hoặc Phnom Penh, yêu cầu chúng tôi giữ bí mật trong hiện tại nhưng cố liên lạc lại sau khi chiến tranh kết thúc. Đó là lần duy nhất họ yêu cầu chúng tôi giữ lại thông tin sau khi được thả.

Hiển nhiên cuộc họp báo được xem là rất quan trọng. Trong suốt ngày hôm đó thỉnh thoảng Mike thoáng nghe được anh Hai và những người khác thảo luận về những câu hỏi viết sẵn mà chúng tôi đã nộp và soạn các câu trả lời. Ăn trưa xong, anh yêu cầu chúng tôi mặc quần áo màu nhạt, có lẽ để chụp hình ăn ảnh hơn. Đối với tôi, đó là cái quần dài trắng và cái áo polo. Chúng tôi chải đầu rồi chờ. Đến khoảng giữa trưa, chúng tôi được dẫn đi bằng qua các mảnh sân sau đến một căn nhà gần đó mà trước đây chúng tôi chưa từng nhìn thấy. Căn nhà có những bậc thềm xi măng thay vì chiếc thang gỗ như thường thấy, ở bên trong có sáu cái ghế, điều hiếm thấy trong các căn nhà của nông dân mà chúng tôi từng ở. Anh Ba, anh Tư, và Ban Tun, trang bị súng trường và súng lục, dẫn chúng tôi vào căn phòng chính, ở đó có một cái bàn được phủ khăn nhựa màu hồng, trang trí bằng hoa nhựa cắm trong hai bình thiếc bọc bằng giấy màu xanh lấp lánh. Đằng sau bàn và ba chiếc ghế dành sẵn cho chúng tôi là hai lá cờ cách mạng mà chúng tôi mới thấy lần đầu tiên. Đó là quốc kỳ Campuchia - với hình vẽ ngôi đền chính ở Angkor Wat màu trắng trên nền đỏ, và hai dải màu xanh dương ở trên và ở dưới, cùng với các chữ F.U.N.K, viết tắt của Front Uni National du Kampuchea chồng lên trên. Một người Campuchia trẻ tuổi, hút một điếu xì-gà cần sa quấn bằng lá chuối, quanh quẩn ở ngưỡng cửa. Bà chủ nhà, cao và thanh mảnh, bế một đứa bé và mang bầu một đứa khác, đứng nhìn từ cửa buồng ngủ, nhai trầu, thỉnh thoảng

lại nhổ bã trầu màu đỏ qua khe sàn xuống đất. Có tiếng vịt kêu và tiếng bò nhai lại từ bên dưới căn nhà. Thỉnh thoảng lại có tiếng một tràng súng máy và tiếng nổ của đạn pháo từ đằng xa làm lay động những cánh hoa nhựt. Một máy bay quan sát bay ù ù trên cao rồi bay đi tiếp.

Người chụp ảnh nói liên tục, cho chúng tôi một suối thông tin đáng ngờ về những sự kiện của cuộc chiến tranh, thường là có phô bày vai trò anh hùng của ông ta trong đó. Anh Tư dọn ra một bình trà và năm cái ly loại lớn dùng để uống bia.

Cuối cùng thì có một sự xôn xao và chúng tôi nhìn thấy tám người đàn ông có vũ trang đi theo hàng một trên con đường mòn dẫn đến căn nhà. Trong số đó có Mặt Sắt, người cán bộ phản gián đã từng thẩm vấn chúng tôi một cách rất cứng rắn; thoát tiên tôi thật khó nhận ra ông ấy, bởi vì ông ấy mỉm cười với chúng tôi. Một người Campuchia và một người Việt Nam ngồi vào sau bàn. Người Campuchia đeo một khăn quàng màu xanh dương quanh cổ, mở một cuốn vở ra trước mặt và tự giới thiệu là chỉ huy của quân khu 203. Ông nói bằng tiếng Campuchia, và người Việt Nam đeo khăn quàng cổ màu đỏ, dịch ra tiếng Pháp. Chúng tôi ngắt lời để hỏi tên, cấp bậc của người Campuchia và vị trí của quân khu 203. Ông ấy trả lời rằng không thể cung cấp những thông tin đó vì lý do an ninh quân sự. Một người Việt Nam đặt một micrô trước mặt ông ấy rồi mở một máy thu băng và cuộc họp báo bắt đầu.

Nó bắt đầu giống như đọc bài diễn văn hơn là một cuộc họp báo. Người Campuchia đọc vài câu từ cuốn vở rồi bõn chồn đợi phiên dịch trong lúc chúng tôi viết lia lịa để theo kịp, còn người chụp ảnh thì bấm máy. Người Campuchia mở đầu, "Tinh thần yêu nước và yêu tự do của người Khmer không khác gì tinh thần của nhân dân thế giới," rồi tiếp tục theo kiểu đó trong

khoảng hai mươi phút. Tôi đã sợ rằng chúng tôi sẽ chẳng được gì cả ngoài một bài hùng biện. Tuy nhiên, sau đó, ông ấy bắt đầu chen vào các tuyên bố cụ thể cho thấy một nỗ lực giải đáp hầu hết các câu hỏi (viết sẵn) của chúng tôi. Lúc đó chúng tôi không có cách nào biết được sự thật về hầu hết những gì ông ấy nói nhưng chúng tôi cho là cũng đáng để tường thuật lại trong một cuộc chiến tranh mà độ tin cậy thường thiếu ở tất cả các bên.

Ông quả quyết là các lực lượng mặt trận cách mạng đã kiểm soát toàn bộ ba tỉnh phía đông Campuchia - Kratie, Stung Treng, và Mondul Kiri - với tổng dân số hai triệu người, cùng với bốn mươi thị trấn huyện bên ngoài ba tỉnh này. Quay qua một bản đồ đường xá Campuchia của hãng Esso gắn trên tường đằng sau lưng, ông chỉ ra những vùng mà ông nói là F.U.N.K nắm quyền kiểm soát. Một chi tiết thú vị khác là ông đã mô tả là Mặt trận "đang đặt dưới sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản tại Campuchia." Ý nói đến Khmer Đỏ.

Bản tuyên bố của viên chỉ huy Campuchia bao gồm một danh sách dài những cáo buộc về sự can thiệp của CIA. Ông nói rằng các điệp viên CIA đã xâm nhập vào chính quyền Campuchia, cũng như các phái bộ ngoại giao tại Phnom Penh của Pháp, Úc, Nhật, Sài Gòn, và Đài Loan, và sắp đặt cuộc lật đổ Sihanouk. Ông quả quyết rằng các lực lượng của Mặt trận đã "loại khỏi vòng chiến" 40.000 quân kể từ ngày 18 tháng 3, trong đó có 3.000 quân Mỹ và 20.000 quân của "chế độ bù nhìn Sài Gòn". Ông ta liệt kê các đơn vị Mỹ, Nam Việt Nam, và Thái Lan mà ông cho rằng có tham gia trong cuộc xâm lược.

Ông tố giác các nỗ lực trong quá khứ của Mỹ nhằm lật đổ Sihanouk, điểm lại các âm mưu này từ năm 1955. Ông buộc tội đích danh Tổng thống Nixon về cuộc xâm lược lãnh thổ Campuchia, tách bạch giữa chính quyền Mỹ với

nhân dân Mỹ. Ông nói: "Chính quyền đế quốc Mỹ cực kỳ man rợ. Nó không để cho nhân dân Đông Dương được sống trong hòa bình. Nó phát xít còn hơn cả chế độ Hitler, cố tìm cách biến Đông Dương thành một thuộc địa mới dưới ách thống trị của nó."

Viên chỉ huy đã không trả lời hai trong số các câu hỏi quan trọng nhất của chúng tôi, một là các dân tộc Đông Dương có thể giúp đỡ nhau những gì, và hai là có những tin tức gì về những nhà báo mất tích ở Campuchia. Cũng không hề có câu trả lời cho câu hỏi của chúng tôi về những binh sĩ Mỹ có thể đã bị bắt giữ ở Campuchia.

Phải mất hai giờ để đọc bản tuyên bố đó, do còn phải phiên dịch. Ở đoạn cuối, người Campuchia bắt đầu cắt ngắn phiên dịch, và khi đọc xong, ông nói không còn thời gian để trả lời các câu hỏi. Ông bắt tay và sải bước xuống con đường mòn, theo sau là Mặt Sắt và các người khác trong nhóm, cùng với người chụp ảnh và người du kích nói tiếng Pháp. Đột nhiên chỉ còn lại chúng tôi với những người bạn cũ, anh Tư, anh Ba, và Ban Tun. Được thoải mái sau các nghi thức với cấp trên, anh Tư và anh Ba ngồi xuống sau bàn với vẻ mặt trịnh trọng hài hước và làm bộ như khai mạc một cuộc họp báo khác. Anh Ba hỏi "Người chụp hình đâu rồi?" giả vờ tạo dáng để chụp hình. Mọi người đều bật cười. Anh Ba vỗ đùi Mike và nói gì đó mà Mi ke dịch lại là, "À, thế đấy!" theo kiểu của các cấp dưới trên khắp thế giới này mỗi khi cấp trên vừa đi khỏi.

Sau khi về lại căn nhà trước, chúng tôi được biết là sẽ lên đường vào giữa buổi chiều, không chờ đến tối. Anh Ba làm cho mỗi người chúng tôi một lá cờ đình chiến nho nhỏ. Sử dụng hai chiếc khăn tay của tôi và một mảnh vải trắng hình vuông, cột chúng gọn gàng vào các khúc tre nhỏ. Anh cuộn chúng lại cẩn thận và bảo chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng để giương chúng ra khi chúng

tôi đi qua phía bên kia. Chỉ dẫn dành cho chúng tôi trong trường hợp bị tấn công nay đã đổi khác. Anh Ba nói “Đừng chạy theo chúng tôi. Hãy xuất đầu lộ diện và giơ cao lá cờ lên. Còn chúng tôi sẽ chạy theo lối khác.”

Anh Ba lại nói câu "chuẩn bị đi" mà chúng tôi nghe có thể là lần cuối cùng được nghe. Tám người chúng tôi, ba người Mỹ và năm du kích, xách hành lý lên, chào từ biệt người nông dân Campuchia và gia đình ông, rồi cất bước ngang qua các mảnh sân sau để đến một con đường ở đó có một chiếc xe đồ nhỏ chờ sẵn. Có một cảm giác lạ lùng khi di chuyển vào ban ngày.

Xe chạy khoảng một giờ thì đến một ngôi làng lớn. Những đám người đang kéo đến từ vùng quê xung quanh. Họ tập hợp trên một cái sân duyệt binh ở phía trước một trường tiểu học. Xe của chúng tôi dừng lại trên sân, và chúng tôi nhận ra rằng đây là một cuộc mít-tinh quần chúng. Chúng tôi được dẫn đến một cái bàn bên cạnh một cái bục diễn thuyết. Hai hàng lính du kích Campuchia gồm hai mươi người, trang bị một bộ sưu tập tạp nham các khẩu súng cạc-bin, súng trường, súng máy do cộng sản sản xuất hay tịch thu của Mỹ, đứng ngăn đám đông để tạo thành một khoảng đất trống. Tôi bỏ cái mũ nỉ ra, và thế là lộ lên một tròng cười khi họ thấy cái đầu hói của tôi, cái mà ít khi họ thấy. Hầu hết những người ở đó chưa từng trông thấy một người phương Tây, nói gì đến một người phương Tây hói đầu. Đôi diện bục diễn thuyết là các tấm biểu ngữ màu đỏ và xanh dương, cột trên những cọc, với các hàng chữ máu vàng, đại để là "Nhân dân Khmer muôn năm" và "Tình đoàn kết nhân dân Đông Dương muôn năm." Một biểu ngữ có vẻ mới toanh ghi là “Chúng tôi cảm ơn nhân dân Mỹ ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập của chúng tôi.” Tôi ước lượng đám đông có đến khoảng hai ngàn người.

Một sĩ quan bước đến micro và đọc một bài diễn văn ngắn, với nội dung chính là bày tỏ lời cảm ơn "nhân dân Mỹ ủng hộ cuộc đấu tranh của chúng

tôi." Ông nói tiếp: "Thật không may, nhân dân Mỹ lại có người cầm đầu là Richard Nixon, một kẻ xâm lược."

Những đám mây bão đã tụ lại, và một cơn mưa gió mưa như trút đã phá vỡ cuộc mít-tinh ngay lúc Beth đang nói lời đáp từ lịch sự. Đám đông vỗ tay, tan hàng và chạy tìm chỗ nấp trong bóng chiều chạng vạng, còn chúng tôi được dẫn lên hiên trường để trú mưa. Một du kích bảo chúng tôi bước qua một khung cửa hẹp để vào trong trường, tôi tưởng là để tránh mưa bão cho tốt hơn thôi. Nhưng bên trong phòng học mờ tối đó, chúng tôi bất chợt đối diện một người quen cũ, chính là người sĩ quan Bắc Việt Nam cao lớn mà chúng tôi dường như luôn gặp vào các thời điểm quan trọng nhất của cuộc phiêu lưu này. Khuôn mặt của ông được nhìn thấy nhờ ánh sáng mờ mờ từ cái đèn pin của ông. Bên cạnh ông là viên chỉ huy Campuchia trong cuộc họp báo. Người Bắc Việt Nam đó đảm trách công việc. Sau khi bắt tay nồng nhiệt, ông nhắc lại những lời chỉ dẫn cuối cùng về việc sử dụng các lá cờ đình chiến của chúng tôi, rồi đưa cho mỗi người chúng tôi một tấm giấy thông hành an toàn. Đó là một văn bản được đánh máy và ký tên trên loại giấy bóng mờ. Chữ viết là chữ Campuchia, nhưng chúng tôi đọc được ba cái tên chúng tôi ở phần đầu. Ông nói: "Trình giấy này cho các đơn vị khác của Mặt trận mà các anh gặp, nhưng đừng bao giờ đưa ra cho các quân lính Campuchia, Nam Việt Nam hay Mỹ trên đường các anh đến Sài Gòn."

Ông nói tiếp: "Thật không may là cơn mưa sẽ làm cho con đường dẫn đến Quốc lộ 1 không thể đi được. Các anh sẽ phải quay trở lại căn nhà mà các anh đã ở và sẽ khởi hành lại vào ngày mai." Với một cái nháy mắt, ông thêm: "Lần sau nếu có đến vùng giải phóng, hãy vui lòng chờ cho có một thư mời và khi đó chúng tôi có thể chăm sóc các anh tốt hơn." Ông chúc chúng tôi may mắn, rồi cùng với viên sĩ quan Campuchia đi ra bằng một cánh cửa khác.

Khi chúng tôi ra đến ngoài hiên, trời vẫn còn mưa to. Anh Hai bước lại và nói anh sẽ chia tay chúng tôi. Mike và tôi bắt tay anh và rồi ôm hôn anh. Beth chìa bàn tay cô ấy ra và tạo mọi cơ hội cho anh ấy hôn lên đó, nhưng anh bối rối lùi lại, chào già biệt, và cất bước lên đường về lại với cuộc cách mạng. Ban Tun cũng chia tay - để nhận một nhiệm vụ khác nhưng trước hết anh được nghỉ phép vài ngày với hy vọng tìm được gia đình ở Phnom Penh - và cũng diễn ra một cuộc già biệt tương tự, chỉ khác một điều là anh để cho Beth hôn từ biệt. Anh Tư có vẻ bị xúc động mạnh hơn hết khi chia tay. Anh ôm từng người trong chúng tôi và nói anh tin chắc sẽ còn gặp lại nhau khi chiến tranh kết thúc.

Giờ đây chỉ còn lại ba người Mỹ với hai du kích. Chúng tôi lên xe đi trong mưa, dừng một lát ở một ngôi làng để Wang mua hai bịch bánh cam vòng Campuchia cho bữa ăn khuya. Chúng tôi ăn bánh này cùng với trà và mấy cái bánh trôi nước của anh Ba. Trong khi ăn, anh Ba cung cấp cho chúng tôi vài thông tin mới về một loạt động thái bất thường mà chúng tôi đã tạo ra trong hai tuần đầu tiên. Chỉ hai giờ sau khi chúng tôi rời khỏi căn nhà đầu tiên, nơi có một bé gái rụt rè lên nhìn chúng tôi, một trận tấn công đã diễn ra. Anh nói các lực lượng Thiệu-Kỳ đã pháo kích vào cái ấp đó 100 phát đại bác 105 ly rồi tiến vào bằng xe Jeep và xe tăng. Còn tại Kho Thóc, nơi chúng tôi chạy vào ẩn nấp lúc giữa trưa, đã có một cuộc tấn công hai ngày sau đó. Và tại túp lều của ông già, nơi chúng tôi rời khỏi lúc nửa đêm, một cuộc tấn công đã đến ngay sáng sớm hôm sau.

Anh Ba nói: “Chúng tôi luôn luôn biết khi sắp có cuộc tấn công. Chúng tôi có thể biết bằng cách quan sát các máy bay và thu thập các báo cáo về các cuộc chuyển quân trên mặt đất.” Lời giải thích của anh có vẻ có tính thuyết phục cao hơn các giả thuyết đôi khi người ta vẫn nêu lên rằng các điệp viên ở các sở chỉ huy quân sự nghe lỏm được các kế hoạch bí mật và thông báo cho

các du kích ở chiến trường.

Chúng tôi tiếp tục lên đường vào chiều hôm sau, lần này bằng một chiếc xe Jeep mui trần thay vì chiếc xe đồ nhỏ. Anh Ba ngồi ở băng ghế trước, vẫn bảnh bao như thường lệ trong bộ đồ kaki nhăn nheo và cái nón cối màu vải kaki, đeo cặp kính mát hình vuông màu xanh dương với gọng bằng thép. Cùng chen chúc với anh ở băng ghế trước là một người tài xế Campuchia và một tay súng Campuchia. Ở phía sau ngoài Beth, Mike, Wang và tôi, còn có tay súng Campuchia thứ hai. Một tay súng thứ ba, cao lớn, phong trần, có lẽ là một cựu binh của Khmer Đỏ, đứng trên khung sau xe và bám chắc lấy dàn mui xe. Chúng tôi có một người hộ tống chạy xe gần máy. Đó là một người bự con mặt tròn có dáng vẻ tự tin thoải mái của một người lính chuyên nghiệp. Giống như nhiều người dân quốc tịch Campuchia khác, anh rõ ràng là một người gốc Hoa thuần túy. Anh đeo trên ngực một huy chương viền đỏ mang hình của Mao Trạch Đông. Chúng tôi đoán anh là một lính đào ngũ từ quân đội Campuchia.

Không còn nhu cầu phải che giấu bộ mặt chúng tôi trước dân làng Campuchia nữa. Cuộc mít-tinh quần chúng hôm trước đã làm chúng tôi được biết đến nhiều trong vùng. Khi xe chúng tôi chạy lóc cọc theo con đường đất thẳng tắp trong ánh nắng chiều, chúng tôi vẫy chào các nông dân và đón nhận lại những làn sóng vẫy tay chúc may mắn của họ. Nhiều khi có những cậu bé cưỡi xe đạp ngơ ngẩn nhìn vào chiếc xe Jeep băng qua, sửng sốt, rồi bắt đầu đạp xe như điên để cố đuổi kịp.

Nay các nghi thức đưa tiễn đã xong xuôi, chúng tôi có thể tập trung tìm cách đến được Quốc lộ 1 một cách an toàn. Các tay súng có vẻ không cảnh giác cao độ cho lắm, vì vậy Beth và tôi chia nhau chân trời để dòm chừng các máy bay và trực thăng. Đôi khi Mike lại mượn cặp kính của Beth để góp

phần canh chừng. Chúng tôi đang di chuyển qua vùng đồng quê trống trải và bằng phẳng, thỉnh thoảng có những cụm dừa, một thôn xóm, hay một nông trại lẻ loi.

Mắt của anh Ba tinh hơn mắt của chúng tôi. Trước khi chúng tôi kịp nhìn ra, anh đã trông thấy một đốm nhỏ ở đằng trước, giữa đám dừa ngay bên trên đường chân trời. Anh nói: “trực thăng”. Người tài xế nhanh chóng rẽ khỏi con đường, vào một cái sân. Các nông dân chạy đến từ căn nhà và sau khi trao đổi vài câu với các du kích đã giúp đỡ hướng dẫn chiếc xe Jeep chui vào dưới căn nhà sàn. Anh Ba dẫn chúng tôi ra phía sau, chui vào một lùm chuối, chúng tôi khom mình nấp dưới những tàn lá chuối rộng và dùng các tấm xà rồng để ngụy trang. Ba chiếc trực thăng bay theo vòng cung lớn đến cách chúng tôi chừng một dặm gì đó, rồi bay đi. Chúng tôi chờ thêm hai mươi phút nữa. Anh Ba một lần nữa cảnh giác chúng tôi rằng các chỉ dẫn cho chúng tôi trong trường hợp bị tấn công đã thay đổi: chúng tôi phải chạy rời xa các du kích, tự xuất đầu lộ diện, và vẫy các lá cờ trắng của chúng tôi. Nhưng cơn nguy hiểm đã trôi qua, và chúng tôi lên xe đi tiếp.

Chúng tôi dừng lại nghỉ ngơi hai lần ở các ngôi làng, giết thời gian để có thể đến điểm hẹn với một đội xe gắn máy vào lúc hoàng hôn theo kế hoạch. Tại một điểm dừng, chúng tôi ngồi dưới một mái rơm, trong lúc anh Ba và Wang ngăn một đám đông dân làng hiếu kỳ và lặp đi lặp lại lời giải thích rằng chúng tôi là những phóng viên thân hữu đang được đưa đến nơi an toàn sau mấy tuần sống chung với các chiến sĩ Mặt trận Giải phóng. Bất chấp các lời giải thích, vẫn có một số biểu hiện thù nghịch. Một phụ nữ nông dân tóc xám thấp béo. tay cầm một cái cốc chim, trông thấy đám đông và ì ạch tiến đến chỗ nơi huyền ảo. Khi nghe kể về điều đang diễn ra, bà ta nói kinh ngạc: "Người Mỹ ư?" Bà giơ cao cây cốc chim lên quá đầu như thể muốn chế chúng tôi ra thành từng mảnh, động tác đó nửa đùa mà nửa thật cho tới khi có

vài người đàn ông giữ lấy tay bà và làm bà dịu lại. Một chàng trai mặc áo sơ mi trắng tinh với một dải băng trên một mắt chèn qua đám đông và nhìn trừng trừng vào chúng tôi trong năm bảy phút. Mike tận dụng khả năng tiếng Việt của anh, hỏi: “Cậu đã bị thương phải không”. Chàng trai đáp: "Phải, chiến đấu chống xâm lược Mỹ", như thể muốn giết tươi chúng tôi tại chỗ.

Điểm dừng thứ hai là tại một căn nhà nông trại, khi gia đình ấy đang ăn cơm chiều. Trong lúc chúng tôi ngồi bên trong ngưỡng cửa chờ trời tối, cụ bà già nua lấy ra một cối trầu bằng gỗ và thưởng thức một miếng trầu sau bữa ăn, còn bọn con nít thì chơi dưới chân cầu thang, luân phiên nhau kéo lê chân trong đôi giày phươg Tây to lớn của tôi.

Đi tiếp vài dặm nữa, chúng tôi gặp các xe gắn máy Nhật, mỗi người chúng tôi một chiếc cùng với một lái xe Campuchia. Chúng tôi leo lên sau xe và lên đường trong bóng hoàng hôn với người lính gốc Hoa dẫn đường, men theo những lối mòn ngoằn ngoèo xuyên rừng và qua những bờ đất giữa các ruộng lúa. Đôi khi chúng tôi di chuyển với tốc độ đến mười lăm dặm một giờ và rồi bất chợt giảm tốc để qua một cái ổ gà hay để vượt qua một chỗ ngập nước, ở đó nước ấm áp do được mặt trời hun nóng, tràn lên bàn chân của chúng tôi.

Trong thời gian đầu, các xe máy đều bật đèn trước và tôi có thể thấy dải ánh sáng trải dài ở phía trước và phía sau trên con đường mòn uốn lượn. Thế rồi người dẫn đường gốc Hoa chợt dừng xe để ra lệnh tắt đèn, và chúng tôi đi tiếp nhờ vào ánh trăng sáng. Sau ba giờ trên xe gắn máy, chúng tôi dừng lại ở chỗ có một hàng cây dọc đường che chắn. Anh Ba và một trong những người Campuchia tiếp tục chạy xe đi, khẩu súng trường của họ lủng lẳng trên lưng. Tôi hỏi Wang chúng ta đang ở đâu. Anh nói: “Cách Quốc lộ 1 hai trăm mét. Họ đang đi xem đường đi có an toàn không."

Các người hướng đạo quay về với báo cáo thuận lợi, và chỉ mất vài phút

chạy xe, đoàn xe gần máy của chúng tôi đã lên đến một đoạn cong của con đường xa lộ phẳng phiu rồi băng đến một dãy cửa tiệm ở bên kia đường. Chúng tôi đậu xe dưới một cái mái nhô ra của một tiệm ăn, để cho các xe gần máy khuất ánh trăng. Các người hướng đạo đánh thức chủ tiệm, và ông này đã đem ra nước trà và bánh nướng của người Hoa. Trong lúc chúng tôi ăn bữa ăn nhẹ cuối cùng, Mi ke nghe lỏm được anh Ba và Wang cố thuyết phục ông chủ tiệm cho chúng tôi ngủ nhờ đến rạng sáng. Nhưng cuộc sống đối với ông ấy vốn dĩ đã quá đủ nguy hiểm rồi, khi ngày thì phục vụ chính quyền, đêm thì phục vụ lính du kích, và nay ông không muốn liều mạng chứa chấp ba người Mỹ đã từng sống chung với lực lượng Giải phóng. Có ai đó đã giải quyết vấn đề bằng cách tìm được một mái lá bỏ trống gần đó cùng với tấm thảm rơm trải xuống sàn làm giường.

Cuộc chia tay đầy xúc động. Anh Ba và Wang lần lượt ôm hôn từng người chúng tôi, và chúng tôi hứa sẽ tìm gặp lại nhau sau chiến tranh. Những câu cuối cùng chúng tôi nói với nhau là: “Mấy giờ rồi?”. Anh Ba nói: “Mười một giờ kém mười”, rồi các du kích lái xe vào bóng đêm.

Vào lúc rạng sáng, chúng tôi chứng kiến cảnh con đường xa lộ thay đổi chủ nhân, vì lúc này các du kích đã đi khỏi. Thoạt tiên có mấy người đàn ông và đàn bà đi bộ trên đường đến nơi làm việc ở một ngôi làng gần đó. Một chiếc xe Jeep quân sự của Nam Việt Nam chạy qua để thám sát xem con đường có an toàn cho ngày hôm ấy không. Khoảng một giờ sau, xe cộ bắt đầu qua lại bình thường, gồm xe đạp, xe gần máy, xe lôi, và thỉnh thoảng có một chiếc xe đồ, theo hướng từ Sài Gòn đến Phnôm Pênh. Ít có sự di chuyển theo hướng ngược lại. Nhiệt độ tăng lên khi chúng tôi đứng đợi dưới trời nắng. Thêm một giờ trôi qua chúng tôi phải hít khói bụi xe cộ. Các nhà sư từ một ngôi chùa gần đó đem cho chúng tôi nước trà, nhưng chỉ giúp cho chúng tôi đỡ khát trong chốc lát mà thôi. Chúng tôi không xác định được liệu các lá cờ trắng có

giúp được chúng tôi hay sẽ gây trở ngại. Một nhóm học sinh Campuchia dừng bước hỏi chúng tôi đang làm gì ở đó. Chúng tôi trả lời rằng chúng tôi là các phóng viên Mỹ bị hư xe và đang tìm cách về Sài Gòn. Các học sinh đứng lại nói chuyện với chúng tôi, họ nói thoát tiên là họ chào đón người Mỹ và Nam Việt Nam đến giúp đánh đuổi Cộng sản, nhưng rồi bom trút xuống như mưa và lính Nam Việt Nam cướp phá nhà cửa của họ, lấy đi tiền bạc và quần áo của họ. Chúng tôi không thể biết chắc họ đứng về phe nào. Khi họ đi tiếp chúng tôi cuộn những lá cờ đình chiến lại và cất đi. Bấy giờ đã là giữa buổi sáng, mà không có dấu hiệu sẽ đón được xe. Sau bốn mươi ngày sống trong sự yên tĩnh, an ninh và tương đối dễ chịu của vùng nông thôn Campuchia, với các du kích quyết định mọi chuyện, cuộc sống bên ngoài bỗng có vẻ ồn ào, nguy hiểm và khó chịu. Tôi hỏi Mi ke, "Sẽ ra sao nhỉ nếu chúng ta bị giam giữ hai năm thay vì chỉ vài tuần?" Bạn có thể hiểu được không khi một tù nhân được phóng thích chớp chớp mắt trước ánh sáng và nói: "Tôi muốn quay lại". Tôi cảm thấy buồn bã và luyến tiếc cái cộng đồng thân thiết chúng tôi đã chung hưởng, giống hệt như nỗi buồn ghen ngào tôi đã từng cảm thấy khi còn là một thanh niên đứng nhìn chiếc tàu buôn ra khơi mà không có tôi sau khi tôi đã có một chuyến đi ngắn đầu tiên ở trên đó.

Nhưng những cảm tưởng u sầu đó đã nhanh chóng qua đi ngay khi chúng tôi tìm được chuyến quá giang đầu tiên, ở thùng sau của một chiếc xe mui trần của quân đội Nam Việt Nam, và tôi đã bắt đầu nghĩ đến chuyện về với gia đình và viết lại những câu chuyện của chúng tôi về phe bên kia trong cuộc chiến tranh Đông Dương ít được hiểu biết này. Chuyến quá giang kế tiếp là với một đoàn xe hai mươi bốn chiếc của quân đội Nam Việt Nam, trở về xe không sau khi đã chở binh lính và đồ tiếp liệu đến Phnôm Pênh. Chúng tôi dồn vào ca bin của một chiếc xe và bảo người tài xế rằng chúng tôi là các nhà báo bị mắc kẹt trong một trận pháo kích và bị mất hành lý. Chúng tôi nhìn thẳng phía trước tại mọi trạm kiểm soát và không bị hỏi han một lần nào.

Đoàn xe đưa chúng tôi vào thẳng Sài Gòn, ở đó chúng tôi đón một chiếc taxi đi đến nhà Mike.

Sau khi ăn một miếng và tắm vội một cái, tôi đi đến USO^[6] và đặt một cuộc điện thoại về nhà ở Washington, ở đó đang là 4 giờ sáng. Cuộc gọi được nối thông ngay tức khắc, và tôi nghe người trực tổng đài nói, “Tôi có một cuộc gọi từ Richard Dudman ở Sài Gòn.” Có một tiếng thở gấp ở đầu dây bên kia, và rồi tôi có thể nghe giọng nói của Helen lặp đi lặp lại, “Richard! Richard! Richard!”

LỜI BẠT

Câu chuyện về bốn mươi ngày này tự nó nói lên tất cả. Tôi đã cố gắng trình bày hết sức đầy đủ và khách quan những gì đã xảy ra, và thuật lại thật nhiều về những người du kích cùng với phong trào của họ, dựa trên cái nhìn dù khác thường nhưng phải nói là hạn hẹp của chúng tôi vào hậu trường của "phía bên kia" ít được biết đến của cuộc chiến tranh Đông Dương.

Tôi chỉ cố tình bỏ qua hai chi tiết. Mike, Beth và tôi đã đồng ý giữ kín địa chỉ chính xác nơi chúng tôi được thả. Chúng tôi cảm thấy chi tiết này có thể được các du kích xem là thông tin an ninh quân sự. Chúng tôi nghĩ rằng việc tránh không đưa ra những bí mật quân sự của họ là rất quan trọng, vì các hậu quả có thể xảy ra cho các phóng viên khác còn đang mất tích và có thể vẫn còn bị giam giữ, và cũng vì chúng tôi muốn giữ đúng lời chúng tôi đã nói với các du kích rằng chúng tôi là nhà báo chứ không phải gián điệp. Chi tiết thứ hai bị bỏ qua là tên thật và địa chỉ thường xuyên của các du kích hộ tống chúng tôi. Họ đã cung cấp chi tiết đó trong một thể hiện bất ngờ về sự tin cậy và đã yêu cầu chúng tôi giữ kín. Họ không yêu cầu chúng tôi giữ lại một điều gì khác.

Vì sao chúng tôi được thả? Chỉ sau khi về đến Mỹ tôi mới được biết về cơn đại hồng thủy thư thỉnh nguyện tràn ngập Bắc Việt Nam và Mặt trận Dân tộc Giải phóng ở Hà Nội và Paris và Hoàng thân Sihanouk ở Bắc Kinh. Các thượng nghị sĩ, các nhà ngoại giao, các học giả, các lãnh tụ phong trào hòa bình, và các nhà báo đồng nghiệp đã viết thư hoặc gửi điện cho các mối liên hệ của họ ở phía bên kia, bảo đảm rằng chúng tôi là những phóng viên chân thật và nên được trả tự do ngay tức khắc. Wilfred Burchett, mà tôi có dịp biết

tại cuộc đàm phán hòa bình ở Paris, ngẫu nhiên đang ở Bắc Kinh để phỏng vấn Hoàng thân Sihanouk vào lúc chúng tôi bị bắt. Ông đã hoàn tất bài phỏng vấn nhưng còn ở Bắc Kinh và lập tức quay lại tổng hành dinh của Sihanouk để thúc đẩy việc tra tự do cho chúng tôi. Có lẽ cũng rất hữu ích khi việc bắt giữ chúng tôi đã được xử lý thành bản tin chính trên trang đầu tờ The Washington Post mà Sihanouk thường xuyên đọc, và tờ International Herald Tribune, mà những người cộng sản Việt Nam ở Paris vẫn đọc.

Tờ St. Louis Post-Dispatch hành động mau lẹ và sẵn sàng làm bất cứ điều gì để tôi được trả tự do. Ngay cả ý tưởng đưa ra một khoản tiền chuộc cũng đã được xem xét, mặc dù ý tưởng này đã nhanh chóng bị bác bỏ vì không thể thực hiện được. Joseph Pulitzer, Jr., nhà biên tập và xuất bản, đã chỉ thị cho Evarts A. Graham, Jr., thư ký tòa soạn, phải cố làm mọi cách có thể được. Dưới sự chỉ đạo của họ, Marquis Childs, người phụ trách chuyên mục, và là cộng tác viên biên tập của tờ Post-Dispatch đã bay sang Paris dành trọn một tuần gặp gỡ các nhà ngoại giao và các nhân vật khác có mối quan hệ với phía bên kia. Thomas W. Ottenad, quyền trưởng văn phòng Washington lúc tôi vắng mặt, đã điều phối nhiều nỗ lực này.

Tòa báo đã cho sao chụp tất cả các bài tôi từng viết về cuộc chiến tranh Đông Dương, gửi cho các con gái tôi, Janet và Martha ở Paris để cung cấp cho phái đoàn Bắc Việt Nam.

Những lời thỉnh nguyện đó hẳn là có tác động, song cũng nên ghi nhận rằng phía Việt Nam luôn luôn thả tù nhân với mục đích chính trị rõ ràng. Trong trường hợp của chúng tôi, chúng tôi được thả đúng hai tuần trước cái thời hạn chót do Nixon tự đặt ra cho việc rút quân Mỹ khỏi Campuchia. Những bài báo trung thực về điều xảy ra ở phía bên kia đương nhiên sẽ làm giảm tác dụng của những thông tin chính thức của Phnôm Pênh, Sài Gòn, và

Washington về thành công của cuộc xâm nhập của Hoa Kỳ, sự yếu ớt của đối phương, và điều gọi là tinh thần đoàn kết của nhân dân Campuchia ủng hộ chế độ Lon Nol và chống xâm lược Cộng sản.

Các viên chức của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn đã yêu cầu chúng tôi cung cấp mọi thông tin có thể giúp đề ra những nỗ lực mới nhằm đạt được sự trả tự do cho các nhà báo bị mất tích khác. Họ bảo chúng tôi rằng việc chúng tôi được trả tự do đã diễn ra ngay lúc họ đã soạn xong các kế hoạch phái các toán lính Mỹ đi bố ráp để tìm chúng tôi. Chúng tôi mừng là nỗ lực giải cứu ấy chưa được thực hiện, vì điều đó có lẽ sẽ chỉ khiến chúng tôi mất mạng mà thôi. Lời khuyên của chúng tôi dành cho họ là phải tránh dùng các biện pháp quân sự hay ngay cả các biện pháp ngoại giao để cứu các phóng viên mất tích. Chúng tôi nói rằng các biện pháp đó sẽ chẳng có tác dụng gì mà chỉ làm tăng thêm mối ngờ vực của đối phương rằng các nhà báo đó đúng là gián điệp. Chúng tôi đặc biệt yêu cầu CIA và các cơ quan tình báo khác đừng hỏi han gì về các nhà báo mất tích. Chúng tôi nhắc nhở các quan chức, vấn đề lớn nhất của chúng tôi là phải thuyết phục các du kích rằng chúng tôi không phải là các điệp viên CIA. Chúng tôi nói, việc thỉnh nguyện trả tự do cho các phóng viên Mỹ nên dành cho các nhà trung gian nước ngoài, các cá nhân hay các nhóm tư nhân Mỹ, và có thể là các đại biểu quốc hội, còn các cơ quan hành pháp thì dứt khoát phải đứng ngoài cuộc. Một số quan chức Mỹ ở Sài Gòn tỏ vẻ kinh ngạc khi nghe lời khuyên này, nhưng tôi thấy ở Washington, ý nghĩa của nó đã được Bộ Ngoại giao hiểu rõ. Một đề nghị khác của chúng tôi là được mọi đơn thư xin cho các phóng viên bị mất tích phải gửi đến Hoàng thân Sihanouk. Mặc dù vai trò chính xác của ông trong cuộc chiến ở Campuchia không rõ ràng, nhưng về danh nghĩa ông là người đứng đầu Mặt trận Giải phóng tại đó, và các thỉnh nguyện trực tiếp đến Hà Nội có thể được coi là sự xúc phạm.

Các quan chức Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn còn muốn chúng tôi phải chịu một cuộc "phỏng vấn". Chúng tôi khước từ, trên cơ sở là trách nhiệm đầu tiên của chúng tôi là đối với các tờ báo của chúng tôi. Khi họ tạo sức ép mạnh hơn, tôi nêu thêm rằng chúng tôi đã mất bốn mươi ngày để bác bỏ việc chúng tôi làm việc cho CIA, và nay chúng tôi không có ý định làm ngược lại điều đó.

Tại Washington, tôi chấp nhận lời mời của Ngoại trưởng William P. Rogers để thảo luận về sự việc tôi đã trải qua, sau khi tôi đã viết xong một loạt bài cho tờ Post-Dispatch. Ông đã dành ra hai tiếng rưỡi, và tôi nhận thấy ông là một người rất biết lắng nghe. Tôi mất thêm một buổi chiều nữa với hai mươi lăm thượng nghị sĩ trong một phiên họp kín được Thượng Nghị sĩ J. William Fulbright, Chủ tịch ủy ban Đối ngoại sắp xếp.

Một trong những công việc đầu tiên của tôi khi về nước là thu xếp để dịch ra tờ thông hành an toàn mà các du kích đưa cho chúng tôi sử dụng trên đường tìm về Sài Gòn. Một viên chức ở Đại sứ quán Campuchia đã có nhã ý dịch nó ra tiếng Anh. Nó đề ngày 14 tháng 6 và mang một chữ ký không thể đọc được của "Tư lệnh Quân khu 203" và ghi rằng "sau khi đã thức tỉnh các tù nhân này", ông ta đã quyết định thả họ và yêu cầu các lực lượng của Mặt trận Campuchia "tạo thuận lợi cho họ về với phía của họ". Viên chức Campuchia đó nói rằng ông không quen thuộc với cách sử dụng từ "thức tỉnh" nhưng cho rằng nó có nghĩa là "tẩy não". Tôi biết rất có thể sẽ có một số sự chỉ trích và ngờ vực đối với các phát hiện của chúng tôi, và đã khuyến cáo ban biên tập nên cho in bản dịch đó để phòng ngừa rủi ro sau này nó lộ ra và bị cho là chúng tôi đã che giấu nó. Tuy nhiên, các bài báo của chúng tôi, đăng rộng rãi trên nhiều tờ báo, đã được đón nhận thuận lợi. Đã có hàng trăm thư khen ngợi và chỉ có khoảng mười thư phản nản.

Một điều không ngờ, tôi biết được là mình đã giảm hơn mười một ký. Tôi cảm thấy khỏe mạnh và đầy sức sống, dây thắt lưng của tôi thu nhỏ hẳn lại. Nhưng khi leo lên cái cân, tôi nhận ra mình đã mất bao nhiêu thịt từ tay, chân và bả vai. Lý do tất nhiên là vì khẩu phần ăn từ gạo no nhưng không bổ dưỡng. Chúng tôi đã ăn cùng loại thực phẩm như các du kích, nhưng họ thường kiên trì ăn nhiều hơn thức ăn ấy, và với một cơ thể nhỏ hơn phải duy trì.

Ngoài việc giảm trọng lượng, tôi còn phải chịu một hiệu ứng chậm. Sau khi viết xong loạt bài về cuộc trải nghiệm ở Campuchia, tôi bị một chứng bệnh nhiệt đới nặng. Bệnh này do một loài vi khuẩn thường thấy trong đất tại một số nơi ở Đông Dương gây ra. Hai tuần trong nhà thương, tiếp theo là hai tháng nghỉ dưỡng để phục hồi sức khỏe và trọng lượng, tôi đã bình phục hoàn toàn.

Tôi dự tính trở lại Đông Dương trong tương lai để làm nhiệm vụ tiếp tục tường thuật diễn biến của cuộc chiến.

Xin nói đôi chút về các hành lý bị mất của chúng tôi: Một là giấy tờ cá nhân của tôi đã được gửi đến Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, nhưng cái đồng hồ của tôi, các máy ảnh của chúng tôi và máy thu băng của Mike chắc là đã lọt vào tay quân đội Sài Gòn. Đúng là họ đã tấn công vào căn nhà chúng tôi đã ở mấy đêm đầu tiên và là nơi mà giấy tờ và các hành lý khác của chúng tôi được cất giữ. Còn chiếc xe hơi chúng tôi mượn thì lần cuối cùng được trông thấy đang thuộc về một tình trường Campuchia. Các máy đánh chữ của chúng tôi để trong xe, chắc cũng trở thành tài sản của ông ta rồi.

Điều sau hết, tôi đã từng hy vọng rằng lá thư tôi viết cho vợ tôi cuối cùng sẽ xuất hiện. Nhưng nếu như nó đã có được gửi đi, thì nó vẫn chưa đến. Tôi không ngạc nhiên về điều này. Chính tôi đã chứng kiến các du kích có nhiều

điều phải bận tâm hơn là việc chuyển lá thư. Nhưng cho dù không có một lời trấn an nào, Helen đã đứng vững suốt thời gian tôi vắng mặt với niềm xác tín rằng sớm muộn gì tôi cũng an toàn trở về.

WASHINGTON, D.C.

Tháng 2- 1971

Chú Thích

[1] Đây là nhận định của tác giả - một người Mỹ. Thực ra với người Việt sự phân biệt bạn, thù trong cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp là không hề mơ hồ - ND

[2] Ở đây có lẽ ông muốn nói những nhân viên Mỹ làm nhiệm vụ chiêu dụ những kẻ địch đào ngũ - ND

[3] Một nhân vật tiểu thuyết người Mỹ da đen có thái độ khúm núm, sợ hãi người da trắng - ND.

[4] Florence Nightingale là một nữ y tá người Anh trong cuộc chiến tranh Crimea và là người lập ra nghề y tá hiện đại.

[5] Walter Lippmann là một nhà báo lão làng, đã viết nhiều bài phiếm luận về chiến tranh Việt Nam và chính trường Mỹ đăng trên các tờ báo lớn - ND

[6] USO: United Service Organizations – Liên hiệp các tổ chức dịch vụ.